

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN THỊ HUẾ

MỘT CÁI NHÌN VỀ PHỤ NỮ CỦA NGUYỄN DU QUA NHÂN
VẬT *HOẠN THU* TRONG TRUYỆN KIỀU

LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HỌC

Hà Nội - 2015

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN THỊ HUẾ

MỘT CÁI NHÌN VỀ PHỤ NỮ CỦA NGUYỄN DU QUA NHÂN VẬT
***HOẠN THƯ* TRONG TRUYỆN KIỀU**

LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HỌC

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 60 22 01 21

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Trần Nho Thìn

Hà Nội - 2015

LỜI CẢM ƠN

Em xin chân thành cảm ơn các thầy, cô trong khoa Văn học - trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã tận tình truyền đạt kiến thức cho em trong quá trình học tập. Vốn kiến thức quý báu được tiếp thu đó không chỉ là nền tảng cho quá trình viết luận văn mà còn là hành trang quý báu để em bước vào đời một cách vững chắc và tự tin.

Đặc biệt, em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ ân cần, nhiệt tình, quý báu của PGS.TS Trần Nho Thìn trong suốt quá trình thực hiện và hoàn thành luận văn này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, Ngày 22 tháng 12 năm 2015

Nguyễn Thị Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử nghiên cứu.....	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	8
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	9
5. Phương pháp nghiên cứu	9
6. Cấu trúc luận văn	10
CHƯƠNG 1: HOẠN THƯ TRONG HỆ THỐNG NHÂN VẬT TRUYỆN KIỀU.....	11
1.1. Hình tượng người phụ nữ trong sáng tác của Nguyễn Du.....	13
1.2. Hoạn Thư trong hệ thống nhân vật người phụ nữ trong Truyện Kiều	19
CHƯƠNG 2: TÍNH PHỨC TẠP, PHONG PHÚ, ĐA CHIỀU CỦA NHÂN VẬT HOẠN THƯ	27
2.1. Tính cách nhân vật Hoạn Thư.....	28
2.1.1. Sự thâm độc, nham hiểm, tàn nhẫn trong tính cách nhân vật Hoạn Thư.....	28
2.1.2. Hoạn Thư với tính cách thông minh, biết điểm dừng, có tình cảm nhân bản.....	37
2.1.3. Hoạn Thư nhân vật phức tạp, đa dạng, phong phú.	40
2.2. Hoạn Thư trong tư cách người phụ nữ và người quý tộc	47
2.2.1. Bi kịch của Hoạn Thư trong tư cách người phụ nữ	47
2.2.2. Nỗi đau của Hoạn Thư trong tư cách một người thuộc tầng lớp quý tộc	53
2.3. Phiên tòa công lý và kết cục dành cho Hoạn Thư.....	60
2.3.1. Thúy Kiều thiết lập màn báo ân báo oán	60
2.3.2. Kết cục dành cho Hoạn Thư	61
2.4. Sáng tạo của Nguyễn Du khi xây dựng nhân vật Hoạn Thư.....	68

CHƯƠNG 3: NGHỆ THUẬT XÂY DỰNG NHÂN VẬT	71
3.1. Nghệ thuật xây dựng ngôn ngữ nhân vật.....	72
3.1.1. Phân tích nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại	73
3.1.2. Khắc họa tính cách nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại	76
3.2. Ngôn ngữ người kể chuyện.....	80
3.2.1. Người kể chuyện là tác giả	81
3.2.2. Nhân vật tự kể chuyện mình	84
3.3. Kể chuyện từ nhiều điểm nhìn.....	87
KẾT LUẬN	94
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	97

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Giới Kiều học đã vận dụng nhiều phương pháp tiếp cận khác nhau để cắt nghĩa và tìm ra những giá trị đặc sắc của *Truyện Kiều*. Tuy nhiên, ở mỗi phương pháp nghiên cứu, tác phẩm được đánh giá theo các quan điểm khác nhau dưới sự quy chiếu của nội hàm phương pháp nghiên cứu đó. Nếu ở phương pháp thi pháp học nhà nghiên cứu có thể xem xét các biện pháp nghệ thuật trong tác phẩm như việc kể chuyện, điểm nhìn trần thuật, không gian nghệ thuật hay thời gian nghệ thuật thì ở phương pháp xã hội học nhà nghiên cứu có thể xem xét nhân vật trong các mối quan hệ giai cấp. Tuy nhiên, ở nội tại mỗi một phương pháp nghiên cứu cũng đã tồn tại những hạn chế nhất định. Phương pháp tiếp cận thi pháp học là một phương pháp khoa học nhưng còn hạn chế khi chưa chú ý đến phân tích sự vận động, thay đổi của thi pháp trong thời gian. Phương pháp xã hội học đã đạt được những thành tựu quan trọng tuy nhiên cách nhìn xã hội trong *Truyện Kiều* như là xã hội phong kiến, theo quan điểm giai cấp đã bộc lộ một số chỗ bất ổn. Những năm 50, 60 của thế kỷ 20, nhiều học giả sa vào phương pháp xã hội học dung tục để lý giải *Truyện Kiều*. Nhà sử học Minh Tranh, nhà triết học Trần Đức Thảo, Trương Tửu... đều có những cách vận dụng xã hội học dung tục theo minh họa, biến nhân vật và quan hệ nhân vật thành giai cấp và quan hệ giai cấp. Không phủ nhận những thành tựu các nhà nghiên cứu này mang lại, nhưng mặt khác việc vận dụng phương pháp xã hội học đối với *Truyện Kiều* đã phản ánh cái giới hạn của phương pháp: “Cái giới hạn của phê bình mác xít là coi con người là biểu trưng của một giai cấp, mà không chú ý đến cá nhân nhà văn, đến sự lựa chọn của nhà văn trong cùng một hoàn cảnh, một môi trường, một xã hội, một nguồn gốc, có kẻ phản ứng như thế này có kẻ phản ứng như thế khác, chính cái sự lựa chọn ấy mới xác định tư cách và hành động của nhà văn. Sự lựa chọn ấy phát xuất từ môi trường, bị ảnh hưởng của môi trường gia đình và xã hội, nhưng không phải chỉ có thế, mà nó còn phát xuất từ cái projet, cái dự

tính, cái dự trình, mà cá nhân con người muốn xây dựng nên đời sống của mình. Cái dự trình đó, là duy nhất, tự thân mỗi cá nhân, không thể đồng hoá với môi trường và giai cấp” [15]. Đặc biệt, đối với nhân vật thuộc tầng lớp giai cấp phong kiến thống trị như Hoạn Thư thì việc vận dụng phương pháp xã hội vào nghiên cứu một mặt sẽ thiếu tính khách quan, mặt khác sẽ không vẽ đủ bản chất tính cách của một nhân vật phức tạp. Chính vì vậy, từ quan điểm nhân học văn hóa, lấy con người làm bản vị, xem xét con người từ phương pháp bản thể luận sẽ là một phương pháp nghiên cứu khác hỗ trợ cho việc tìm hiểu thế giới nhân vật trong *Truyện Kiều* nói chung và nhân vật Hoạn Thư nói riêng.

Vấn đề người phụ nữ trong văn học Việt Nam là một kiểu nhân vật đánh dấu bước trưởng thành của nhận thức về đời sống hiện thực và đánh dấu quá trình thay đổi, vận động, phát triển của tư duy văn học. Trong xã hội phong kiến, so với người đàn ông người phụ nữ chịu thiệt thòi về nhiều phương diện, và cái nhìn này cũng đã trở thành một định kiến trong văn học. Sự chuyển biến và thay đổi thái độ của đội ngũ sáng tác đối với thân phận và quyền sống của người phụ nữ chính là thước đo quan trọng của chủ nghĩa nhân đạo và là tiêu chí căn bản để đánh giá tầm vóc tư tưởng, giá trị của mỗi tác phẩm. Đặc biệt, việc dịch chuyển từ cái nhìn con người như là một thần dân đến cái nhìn con người bản thể, sống động như cuộc sống thực của chủ nghĩa nhân bản là một sự chuyển biến mang tính bước ngoặt. Xét nhân vật phụ nữ từ góc độ bản thể luận, đề cao cảm xúc, bản năng, tâm lý, hành động... trong văn học trung đại, không nhắc đến tác gia Nguyễn Du quả thực là một thiếu sót. Nhắc đến Nguyễn Du mà không nhắc đến thế giới nhân vật phụ nữ trong *Truyện Kiều* và trong thế giới nhân vật phụ nữ trong *Truyện Kiều* mà không xét đến nhân vật Hoạn Thư cũng sẽ là một thiếu sót.

Với đại thi hào Nguyễn Du, vấn đề người phụ nữ trở thành một đề tài lớn trong sáng tác của ông. Ở những phương diện cụ thể, trong những hoàn cảnh điển hình Nguyễn Du xây dựng nên những hình tượng người phụ nữ khác nhau. Đó là số phận cô gái gầy đàn ở Long Thành, cuộc đời của người phụ nữ bi ai trong *Văn Chiêu Hôn*, cuộc

đời bề dâu của nàng Kiều hay số phận *chồng chung có chừa ai đâu* của Hoạn Thư trong *Truyện Kiều*. Quan niệm về người phụ nữ của Nguyễn Du chính là sự phát triển cả về quan niệm sáng tác cũng như quan niệm thẩm mỹ và sự trưởng thành trong nhận thức người phụ nữ về hiện thực xã hội và sáng tạo nghệ thuật.

Đặt vấn đề nghiên cứu nhân vật Hoạn Thư, luận văn kế thừa thành quả khoa học của nhiều thế hệ đi trước để tiếp tục tìm hiểu cái mới trong quan niệm về con người của Nguyễn Du. Tuy nhiên, việc lý giải các vấn đề xung quanh nhân vật Hoạn Thư trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du một cách có hệ thống, phân tích ý nghĩa đột phá xét về sự tiến bộ lịch sử của sự nhìn nhận cái mới mà Nguyễn Du tạo nên chưa được giới nghiên cứu dành cho mối quan tâm và vị trí xứng đáng. Vì thế luận văn cố gắng chỉ ra những đóng góp mang tính thời đại của Nguyễn Du trên phương diện tư duy nghệ thuật và hình thức nghệ thuật. Điều đó góp phần xác định những đóng góp to lớn của Nguyễn Du và tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò vô cùng quan trọng của ông trong lịch sử văn học dân tộc.

Bên cạnh những đóng góp về mặt nghiên cứu văn học, luận văn còn góp phần vào việc nhìn nhận chính xác về hình tượng nhân vật Hoạn Thư. Lý giải về bản chất nhân vật Hoạn Thư - nhân vật đa dạng, phức tạp bậc nhất trong hệ thống nhân vật văn học trung đại. Dịch chuyển và xóa bỏ quan niệm của đối tượng tiếp nhận văn học nhìn Hoạn Thư một chiều với tính cách tàn ác, mưu mô và thâm hiểm. Đồng thời, luận văn góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và phục vụ cho công việc giảng dạy văn học.

2. Lịch sử nghiên cứu

Nói đến *Truyện Kiều* trong giới nghiên cứu văn học thì không ai phủ nhận sự “ưu ái” mà các nhà nghiên cứu dành cho tác phẩm xuất sắc này. Xưa nay, nghiên cứu *Truyện Kiều* được tiếp cận ở nhiều phương pháp khác nhau như thi pháp học, văn hóa học, phân tâm học, phong cách học... Những nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào nhân vật chính là Thúy Kiều. Riêng với nhân vật Hoạn Thư, việc nghiên cứu chưa có

tính hệ thống mà chỉ đề cập đến một khía cạnh, chỉ chiếm một lượng nhỏ trong các công trình nghiên cứu. Hoặc trong khía cạnh làm nổi bật hệ thống nhân vật phản diện trong *Truyện Kiều*, hoặc trong khía cạnh làm nổi bật nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Du, hoặc trong khía cạnh làm nổi bật các vấn đề xã hội trong *Truyện Kiều*... Do đó, để hiểu đúng về nhân vật Hoạn Thư cũng như thấy được những cái mới của Nguyễn Du khi xây dựng nhân vật này cần phải có cái nhìn lịch đại, xét nhân vật trong cả một quá trình để liên hệ, so sánh, từ đó chỉ ra những đóng góp mới mẻ của Nguyễn Du so với các giai đoạn lịch sử văn học trước đó cũng như so với sự thể hiện nhân vật phụ nữ của nhiều tác giả sống cùng thời hoặc gần thời Nguyễn Du.

Trên hành trình thưởng thức nghệ thuật *Truyện Kiều* suốt hơn 200 năm qua, cái tên Hoạn Thư được nhắc đến trong hàng chục công trình, bài viết khác nhau. Tựu chung, việc nghiên cứu, nhận xét, đánh giá về nhân vật Hoạn Thư là khác nhau và nhiều khi mâu thuẫn, đối lập nhau. Về cơ bản, các nghiên cứu này có thể chia làm hai hướng. Hướng thứ nhất, là loạt các bài nghiên cứu nhìn nhân vật Hoạn Thư là một nhân vật phản diện, cùng với các nhân vật phản diện khác, Hoạn Thư là nguyên nhân làm cho Thúy Kiều phải gánh chịu bao nỗi bất hạnh. Các tác giả đều thống nhất với nhau rằng, Hoạn Thư là biểu tượng của cái ghen khủng khiếp, một con người lắm mưu, nhiều kế, một kẻ ác độc đến tàn nhẫn, sẵn sàng chà đạp lên phẩm giá con người để trả mối tư thù. Hướng thứ hai, một số nhà nghiên cứu nhìn Hoạn Thư theo hướng tích cực, thị không chỉ đơn thuần là *phạm nhân* khi là nguyên nhân gây nên số phận bất hạnh của nàng Kiều mà thị cũng là một *nạn nhân*, một nhân vật bi kịch của chế độ đa thê trong xã hội phong kiến đương thời. Và ở thị có những biểu hiện của con người bản thể, có mặt tốt bên cạnh những mặt xấu, có mặt nhân bản bên những cái vô đạo, có điểm dừng không tận cùng xấu, không tận cùng độc ác.

Tiêu biểu cho hướng nhìn thứ nhất phải kể tới các bài viết của Nguyễn Đôn Phục, Lê Đình Kỳ, ... Nguyễn Đôn Phục trong bài *Văn chương và nhân vật trong truyện Thúy Kiều có bàn về chị Hoạn Thư* như sau: “Xét trong *Truyện Thúy Kiều*, cái người

có tâm cơ, có thủ đoạn, có quyền pháp, có ngữ ngôn nhất là chị Hoạn Thư. Chỉ một câu luận bàn ngắn gọn đã thấy được nét bản chất của Hoạn Thư... Lại là một tay soạn kịch khéo: xem như hồi vợ chồng thù tạc ngồi trên, gọi con Hoa ra ngồi dưới chuốc rượu gảy đàn; lại như hồi trước tòa Phật có hai người khóc khóc than than, dưới sân hoa sinh có một người bước vào cười cười nói nói; hai hồi ấy bao nhiêu quang cảnh! Bao nhiêu thái độ! Bao nhiêu ảo tưởng! Bao nhiêu ả tình!... Nay tôi không dám chê chị là bởi vì chị ở chín suối có thể trách lại được tôi; nhưng mà tôi cũng không dám khen chị, là bởi vì tôi ở thế gian tôi vẫn thường khuyên ai lấy cái nghĩa từ bi, cái lòng quảng đại.”[48, tr.201]. Trong công trình *Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực của Nguyễn Du*, đứng trên quan điểm giai cấp Lê Đình Kỵ lên án Hoạn Thư: “Hoạn Thư có mấy lần khen ngợi tài hoa của Kiều, nhưng cũng là để đi đến đưa Kiều ra giữ chùa tụng kinh ở Quan Âm các, mượn tay nhà phật để hủy hoại tài hoa của Kiều. Hoạn Thư xót thương cái thân thể chìm nổi của Kiều, nhưng chính Hoạn Thư đã đập tan tành cái mối tình lẽ mọn thực ra cũng rất hẩm hiu của Kiều và đã trực tiếp dọn đường cho Bạc Bà, Bạc Hạnh đẩy Kiều xuống vực thẳm của kiếp sống giang hồ. Đây, thực chất của tiêu thư họ Hoạn, con quan Lại bộ, là như thế. Một điển hình ghen tuông, một điển hình của giai cấp” [12, tr. 247].

Ngược lại với quan điểm trên, các nhà nghiên cứu như Nguyễn Văn Thắng, Đào Duy Anh, Nguyễn Lộc, Đông Hồ, Thích Nhất Hạnh...có những quan điểm mới khi nhìn nhận lại bản chất nhân vật Hoạn Thư. Nguyễn Văn Thắng trong *Kim Vân Kiều án* cho rằng: “Một mặt Hoạn Thư đáng ghét và tội không nên coi nhẹ, song mặt khác có chỗ cần xem xét kỹ: Bắt được quả tang Kiều và Thúc Sinh tình tự mà giả bộ như không biết. Nhận được đúng đồ quý của mình mà để đó không điều tra. Kết luận: Hoạn Thư tình dường cũng khá - Vì Thúc Sinh vụng xử hóa xui nên” [31, tr.136] do đó ông quyết định tha bổng cho Hoạn Thư. Đánh giá cao về tính cách nhân vật Hoạn Thư, trong *Khảo luận về Kim Vân Kiều*, Đào Duy Anh viết:... “Hoạn Thư thực là người biết phải chăng, dẫu khi cần ràng buộc thì ràng buộc riết, mà khi đáng buông thả thì buông thả

ngay” [48, tr.391]. Nhận xét này có nghĩa là nhân vật Hoạn Thư không phải là người hoàn toàn xấu giống như những mẫu hình nhân vật trong văn học cùng thời và trước đó.

Nhìn nhận Hoạn Thư một cách toàn diện hơn phải kể tới Nguyễn Lộc khi ông viết: “Hoạn Thư là một nhân vật xấu nhưng không hoàn toàn xấu hẳn. Trong số những kẻ hành hạ Thúy Kiều, Hoạn Thư là người duy nhất biết đến tài, đến tình của nàng” [21, tr.408]. Từ nhận thức này, ông tiến hành phân tích sâu sắc cách Nguyễn Du thể hiện nhân vật Hoạn Thư: “Tuy nhiên, một vài nét “biết điều” ấy không làm thay đổi bản chất của nhân vật, không biến Hoạn Thư xấu thành tốt, mà chỉ làm cho nhân vật có tính cách đời sống hơn, sinh động, đa dạng hơn... Duy chỉ có Hoạn Thư là nhân vật phản diện mà Nguyễn Du không sử dụng bút pháp trào phúng.... Nguyễn Du không đồng tình Hoạn Thư, với cách hành hạ tai ác của Hoạn Thư. Điều ấy quá rõ. Nhưng đối với Hoạn Thư Nguyễn Du thấy không thể coi thường”. [21, tr.409]

Đặt nhân vật Hoạn Thư dưới giáo lý Phật giáo, Đông Hồ và Thích Nhất Hạnh có những nhận xét khá sắc sảo. Trong bài viết *Một điểm phật tính trong Truyện Kiều*, Đông Hồ nói: “Văn Truyện Kiều thật là đột ngột. Đang giữa tiết tháng ba thanh minh quang đăng, bỗng có cảnh tháng bảy sương sa cỏ cháy sục sùi; ngay trong cảnh vườn nhà họ Hoạn ác nghiệt, đánh đá chua ngoa, bỗng xuất hiện cảnh bác ái từ bi của Quan Âm các:

“Sẵn quan âm các vườn ta,
Có cây trăm thước có hoa bốn mùa.
Có cỏ thụ, có sơn hồ,
Cho nàng ra đó giữ chùa viết kinh”.

Tuy biết rằng đó cũng là một cách Hoạn Thư giam lỏng nàng Kiều, bắt nàng và Thúc Sinh phải thường trực chịu đựng trong cảnh:

Gác kinh viện sách đôi nơi
Trong gang tấc lại gấp mười quan san

Nhưng mà thực sự, Hoạn Thư đã đưa tay tế độ và trong thâm tâm đã mở cho nàng Kiều một đường phương tiện” [10].

Đông Hồ phân tích lý do đã khiến Thúy Kiều tha bổng Hoạn Thư trong lần báo ân báo oán sau này: Việc Hoạn Thư hậu đãi Thúy Kiều ở Quan Âm các là do mỗi từ tâm, do phật tính vốn sẵn có ở lòng người... Chúng ta sẽ thấy hành động xuất phát do Phật tính xui nên đó, là Hoạn Thư đã gây một cái nhân rất tốt cho mình. [10]

Trong công trình *Thả một bè lau - Truyện Kiều dưới cái nhìn thiên quán* Thích Nhất Hạnh viết: “Hoạn Thư không chỉ có ganh thôi. Trong cô cũng có lòng tư bi. Đọc tờ cung khai của Kiều, Hoạn Thư thương cho tài văn và tâm trạng của Kiều và đã cho phép Kiều đi tu, khỏi phải làm thân tôi tớ. Nghe lỏm được câu chuyện giữa Kiều và Thúc Sinh, Hoạn Thư vẫn lờ đi, không canh gác, cố ý để Kiều bỏ trốn. Đi trốn, Kiều mang theo chuông vàng khánh bạc, Hoạn Thư vẫn không theo bắt, dù cô có đủ phương tiện để truy nã. Hành động nhân từ đó đã có kết quả rất tốt mà chúng ta sẽ thấy trong đoạn tới. Từ Hoạn Thư chúng ta cũng học được bài học nhân ái, chứ cô không phải là người bỏ đi. Tất cả chúng ta người nào cũng có hạt giống tốt và xấu.” [7]

Đứng trên quan điểm này, Thích Nhất Hạnh tiếp tục lý giải. Theo ông mỗi con người chúng ta đều có đủ mọi hạt giống để trở thành người tốt hoặc người xấu. Vấn đề còn lại là giáo dục, gia đình và xã hội. Trên quan điểm biện chứng của Phật giáo, Thích Nhất Hạnh phản đối cách nhìn một chiều về bản chất con người: “Từ Hoạn Thư chúng ta học được bài học nhân ái chứ cô không phải một người bỏ đi... Tất cả chúng ta người nào cũng có những hạt giống tốt và xấu. Chúng ta phải chấp nhận nhau, giúp đỡ nhau để những hạt giống tốt trong nhau phát triển và những hạt giống xấu ngày một yếu dần đi. Mỗi người Việt đều có hạt giống của Lí Thường Kiệt, Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông... mà cũng có hạt giống của Trần Ích Tắc, Hồ Quý Ly... Nếu sống trong một môi trường không thuận lợi thì chúng ta sẽ thành ra Trần Ích Tắc. Và nếu được sống trong một hoàn cảnh gia đình và xã hội thuận lợi thì chúng ta sẽ thành ra những Lê Thái Tổ, Trần Thái Tông.” [7]

Một số bài viết khác nhìn nhận Hoạn Thư có cách đánh ghen thông minh, tinh tế qua các loạt bài viết như *Vẻ đẹp của Hoạn Thư trong Truyện Kiều* (Th.s Lê Như Bình); *Cách đánh ghen của Hoạn Thư trong Truyện Kiều* (Võ Thu Tịnh); *Về cái sự ghen tuông của Hoạn Thư* (Lê Đình Cúc); *Cái ghen nhân từ của Hoạn Thư* (Tạ Quang Khôi)....

Những lời nhận định trên đây không phải là tất cả, nhưng chúng ta thấy rõ sự đối lập giữa hai khuynh hướng tiếp nhận nhân vật Hoạn Thư. Giữa một bên là lên án với một bên là vừa lên án vừa bảo vệ. Đứng trên từng quan điểm cá nhân trên tinh thần nghiên cứu khoa học, mỗi nhà nghiên cứu lại có cái nhìn khác nhau là điều hoàn toàn có thể hiểu được. Và chúng tôi đứng trên yêu cầu của đề tài cũng không tranh luận cái nhìn nào là thỏa đáng, cái nhìn nào là chưa thỏa đáng mà chỉ muốn góp một phần công sức nhỏ bé để có những cái nhìn khoa học nhất đối với nhân vật Hoạn Thư.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Với đề tài *Một cái nhìn về người phụ nữ của Nguyễn Du qua nhân vật Hoạn Thư trong Truyện Kiều*, bước đầu chúng tôi giới thiệu, phân tích, lý giải hình tượng nhân vật Hoạn Thư để thấy được những nét mới trong quan niệm về con người và làm nổi bật tài năng của Nguyễn Du. Đó chính là sự mở rộng về dung lượng hiện thực, quan niệm của nhà văn về con người đặc biệt là nhân vật nữ, là sự phát triển về thể loại đã cho phép thể hiện nhiều cung bậc cảm xúc. Đây là bước phát triển và tiến bộ của Nguyễn Du trong việc phản ánh hiện thực và hiểu sâu sắc hơn về hình tượng người phụ nữ; Thứ hai, luận văn chú ý nhấn mạnh những sáng tạo của Nguyễn Du về hình thức nghệ thuật khi xây dựng nhân vật; Thứ ba, luận văn góp phần vào lý giải chính xác về bản chất nhân vật Hoạn Thư - nhân vật đa dạng, phức tạp bậc nhất trong hệ thống nhân vật văn học trung đại. Dịch chuyển và xóa bỏ quan niệm của đối tượng tiếp nhận văn học nhìn Hoạn Thư một chiều với tính cách tàn ác, mưu mô và thâm hiểm.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn lấy nhân vật Hoạn Thư làm đối tượng trung tâm để tìm hiểu, phân tích, so sánh nhằm chỉ ra những điểm mới, những đóng góp của Nguyễn Du trong quan niệm về con người. Để có cơ sở hiểu và đánh giá đúng cái mới mang tính thời đại của Nguyễn Du trong việc xử lý đề tài người phụ nữ nói chung, nhân vật Hoạn Thư nói riêng, luận văn mở rộng lịch sử vấn đề và phạm vi nghiên cứu trở lại với hình ảnh người phụ nữ trong văn học viết nói chung và trong sáng tác của Nguyễn Du nói riêng. Từ đó gián tiếp so sánh để làm nổi bật chủ đề luận văn. Nói khác đi, việc mở rộng phạm vi nghiên cứu này là một cách để so sánh nhưng vẫn tập trung vào vấn đề chủ yếu là *Một cái nhìn về người phụ nữ của Nguyễn Du qua nhân vật Hoạn Thư trong Truyện Kiều*. Việc tìm hiểu này là đối tượng nghiên cứu quan trọng nhất, chiếm dung lượng lớn nhất trong luận văn. Nhưng nếu thiếu đi sự so sánh, đối chiếu, rất khó làm nổi bật được những đóng góp mới mẻ của Nguyễn Du về quan niệm con người, bình diện thẩm mỹ và hình thức biểu hiện.

Theo sát đối tượng và nội dung nghiên cứu, luận văn giới hạn tư liệu liên quan đến đề tài. Thứ nhất là các công trình, các bài nghiên cứu tiêu biểu liên quan đến vấn đề người phụ nữ trong văn học Việt Nam thời trung đại. Thứ hai là các công trình, các bài nghiên cứu liên quan đến người phụ nữ trong Truyện Kiều. Thứ ba là các bài viết, các chuyên đề viết về nhân vật Hoạn Thư. Đây chính là những tài liệu tham khảo chính phục vụ cho nhiệm vụ của luận văn.

5. Phương pháp nghiên cứu

Khi thực hiện đề tài thuộc chuyên ngành văn học Việt Nam trung đại và cụ thể là đề tài *Một cái nhìn về nhân vật phụ nữ của Nguyễn Du qua nhân vật Hoạn Thư trong Truyện Kiều*, chúng tôi sử dụng tổng hợp đan xen nhiều phương pháp và thao tác nghiên cứu khác nhau.

- Phương pháp văn hóa học

- Phương pháp xã hội học
- Phương pháp thi pháp học

6. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Hoạn Thư trong hệ thống nhân vật Truyện Kiều

Chương 2: Tính phức tạp, phong phú, đa chiều của nhân vật Hoạn Thư

Chương 3: Nghệ thuật xây dựng nhân vật

CHƯƠNG 1: HOẠN THƯ TRONG HỆ THỐNG NHÂN VẬT

TRUYỆN KIỀU

Một sự so sánh với văn học dân gian và văn học nho gia có thể giúp ta thấy rõ hơn về phân loại hệ thống nhân vật trong văn học. Có thể nói rằng, trong văn học dân gian hay văn học nho gia, con người được trình bày theo lối phân tuyến, thiện và ác, chính và tà, tích cực và tiêu cực... đối lập quyết liệt. Người tốt thì tuyệt đối tốt, người xấu thì xấu từ nội tâm tính cách đến ngoại hình. Tiêu biểu trong văn học dân gian xấu tuyệt đối xấu như Cám, Lý Thông, Thủy Tinh... tốt tuyệt đối tốt như Tấm, Thạch Sanh, Sơn Tinh...

Trong văn học nho gia, hai loại nhân vật chính diện và phản diện được phân loại triệt để. Ở đây chúng tôi đi sâu vào quan tâm nhân vật là người phụ nữ. Đối với nhân vật phụ nữ chính diện, được xây dựng theo đúng kiểu mẫu phụ nữ lý tưởng của nho gia, thường là những người vợ thủy chung, đức hạnh thủ tiết. Nhân vật nữ phản diện được miêu tả sinh động hơn, ít nhiều thoát khỏi tính chất khuôn sáo. Các nhân vật người phụ nữ được nói đến rất mơ hồ, ngầm ẩn hoặc ngầm chỉ là những điển tích, điển cố, hoặc là những mô típ quen thuộc trong truyện dân gian kết hợp với kiểu mẫu điển hình của nho gia nhằm mục đích giáo huấn. Các nhân vật nữ đơn điệu về phương diện loại hình và sự miêu tả còn nghèo nàn, công thức, đơn giản hóa. Các nhân vật nữ ở thời kỳ này chưa thoát ra khỏi những khái niệm công thức của Nho giáo, chưa có được đời sống riêng về mặt tâm lý.

Lý do cho sự thiếu vắng loại nhân vật người phụ nữ và sự nghèo nàn trong miêu tả đó là một phần do những quan niệm thẩm mỹ chi phối văn học và một phần cũng do giới hạn của hoàn cảnh lịch sử. Tâm thế tác giả nhà nho vẫn tập trung ở những vấn đề liên quan đến vận nước, đời sống của dân. Do vậy, những vấn đề thuộc về cá nhân, nhất là những người phụ nữ, dường như bị bỏ quên, hoặc trở nên thứ yếu so với những vấn đề *tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*.

Văn học nho gia viết về người phụ nữ không phải như con người trong cuộc đời mà đã nhìn qua lăng kính thần thoại, truyện cổ tích, truyền thuyết xa xưa. Điều đó ít nhiều cũng phản ánh được phần nào quan niệm của tác giả đương thời về người phụ nữ, về những nhân vật phụ nữ mang màu sắc ly kỳ, không có thực, chỉ có trong tưởng tượng, rất xa so với sự thật. Các nhân vật đều nhất quán theo phương thức lý tưởng hóa. Nghĩa là nhân vật chính diện được ngợi ca, tôn vinh, đã tốt lại càng tốt hơn và được khoác thêm nhiều đức tính tốt đẹp khác. Còn nhân vật phản diện thì tốt cùng xấu xa gây sự căm phẫn cho người đọc. Nói một cách khác, nhân vật có tính cách một chiều, đơn điệu.

Nguyễn Du là một nhà nho, một mặt giống như các nhà nho khác ông quan tâm đến vấn đề của nhân dân, quan tâm con người từ góc độ dân bản, con người trước hết như một thân dân. Mặt khác, tiến một bước xa hơn so với các nhà nho cùng thời, Nguyễn Du đi đến xem xét con người từ góc độ bản thể luận, con người nhân bản. Sự dịch chuyển từ quan niệm con người dân bản sang con người nhân bản là sự chuyển biến tích cực, mang tính thời đại. Với cách nhìn nhận con người đa chiều hơn, phức tạp hơn, Nguyễn Du đã xây dựng lên những nhân vật người phụ nữ có những phẩm chất, giá trị tốt đẹp và cũng ở cả những mặt yếu đuối, nhỏ bé, thậm chí là tầm thường trong đời sống. Con người không chỉ toàn những phẩm chất tốt đẹp, trong sạch bất biến, ngay cả khi đó có là những người hội đủ những giá trị đáng quý. Con người có những điểm yếu, thói xấu như lòng hiếu danh, tham lam, ích kỷ, cả tin, đại khờ như ở nữ nhân vật chính Thúy Kiều. Những tính cách ấy có thể làm tổn hại, đi ngược lại lô-gic của đạo lý, thể hiện sự chiến thắng của cái nhỏ bé cá nhân. Ngược lại, con người không chỉ toàn những phẩm chất xấu, xấu từ ngoại hình đến tính cách, mà con người có những điểm tốt, lòng vị tha, từ bi, bác ái như ở nữ nhân vật Hoạn Thư. Con người trở về với cái trần tục, phàm tục, chứ không phải cái tâm bất biến xa cách với xã hội hiện thực.

1.1. Hình tượng người phụ nữ trong sáng tác của Nguyễn Du

Trong sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du, nhân vật người phụ nữ được thể hiện thống nhất. Từ những bài thơ Nôm đoản thiên như *Thác lời trai phường Nón*, *Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu*, *Văn tế thập loại chúng sinh* cho đến cả ba tập thơ chữ Hán *Thanh hiên thi tập*, *Nam Trung tạp ngâm*, *Bắc hành tạp lục* và kết tinh sâu sắc, toàn diện trong kiệt tác *Truyện Kiều*. Tính thống nhất cao này thể hiện trên nhiều bình diện và đặc điểm cơ bản như mối quan tâm sâu sắc của tác giả tới vấn đề người phụ nữ, mức độ nhập thân sâu sắc vào cuộc sống và số phận các nhân vật phụ nữ để tạo nên được tiếng nói đồng cảm, yêu thương, trân trọng. Qua thực tế sáng tác, Nguyễn Du đã phản ánh được nhân vật người phụ nữ theo nhiều góc độ, nhiều tính cách khác nhau, có cả khẳng định và phê phán, cả xây dựng tính cách và khai thác chiều sâu tâm lý, tâm trạng. Đặc biệt ở *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã xây dựng được nhiều nhân vật phụ nữ điển hình, có tính cách và đời sống nội tâm phong phú, phản ánh được tiếng nói đòi quyền sống, quyền được hưởng tình yêu và khát vọng tự do, phản ánh được những con người thực với những xúc cảm, hành động, tạo nên âm hưởng sâu đậm của chủ nghĩa nhân bản và chủ nghĩa nhân đạo. Tất cả những điều đó góp phần khẳng định, cho thấy bước tiến trong việc thể hiện hình tượng người phụ nữ trong các bài thơ chữ Nôm và thơ chữ Hán Nguyễn Du, đồng thời có mối liên hệ chặt chẽ với nhân vật phụ nữ trong *Truyện Kiều*, qua đó thể hiện giá trị tinh hoa và những đóng góp độc đáo của Nguyễn Du cho nền văn học dân tộc.

Người phụ nữ đã trở thành mối quan tâm cơ bản nhất của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*, trải qua một quá trình quan sát, suy ngẫm về người phụ nữ Nguyễn Du đã đi đến lời tổng kết:

Đau đớn thân phận đàn bà,

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.

(*Truyện Kiều* - Nguyễn Du)

Xét trong mảng thơ Nôm đoản thiên của Nguyễn Du, hình ảnh người phụ nữ được ông phác họa nên từ những nét tươi vui, sinh động, dí dỏm trong *Văn tế sống hai Cô gái Trùng Lưu*:

*Rủ rê năm chị bảy em,
Cưu cốp ba làng bốn xã...
Đêm đêm thường ví hát xôn xao,
Ai ai cũng trầu cau đãi đọa,
Á nọ o này đông đúc, gái một thì gặp tuổi sang xuân...
Yếm nhuộm điều 15 che trước ngực đỏ lòm,
Câu huê tình, đọc bên tai nghe xả xả.
Quây ngoài sân thì trong lòng làng chín mười ả, ả ví, ả hát,
Ả kéo sợi, ả đưa thoi, lại có ả bưng trầu tận miệng, mỹ nữ như hoa*

Hình ảnh người phụ nữ là một nỗi ám ảnh xa xôi trong *Thác lời trai phường Nón* rồi đi đến tiếng khóc chia sẻ, xót thương thể hiện một tấm lòng nhân đạo bao la trong *Văn tế thập loại chúng sinh*:

*Cũng có kẻ lỡ làng một tiết,
Liều tuổi xanh bán nguyệt buôn hoa.
Ngẩn ngơ khi trở về già,
Chồng con đâu tá biết là cây ai?
Sống đã chịu một đời sâu nã,
Thác lại nhờ hóp cháo lá đa.
Đau đớn thay phận đàn bà,
Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu!*

Đây là những tiếng nói khác nhau, thể hiện những cung bậc khác nhau trong sáng tác phong phú, đa dạng của Nguyễn Du trong các bài thơ Nôm khi cùng phản ánh về người phụ nữ. Điểm đặc biệt cần ghi nhận là Nguyễn Du hầu như lần đầu tiên trong

lịch sử văn học dân tộc đã đề cập và cảm thương đối với nhân vật người kỹ nữ, loại người bị cả xã hội phong kiến miệt thị.

Đến thơ chữ Hán, người phụ nữ trong sáng tác của Nguyễn Du được xác định rõ hơn, nhiều khi có cả tên tuổi, quê quán, nghề nghiệp, công việc cho đến khi kết thúc cuộc đời. Điều đó cho thấy Nguyễn Du đã nhập thân sâu vào cuộc sống và số phận nhân vật để tạo nên được tiếng nói đồng cảm. Đạt đến tầm quan trọng nhất là Nguyễn Du đã thể hiện được nhân vật người phụ nữ theo nhiều tính cách khác nhau, có cả khẳng định và phê phán, đặc biệt đã có mối cảm thông thương xót và đề cao họ là người có tài, có sắc, họ cũng giống như mình, phải chịu bao nỗi vất vả trong cuộc sống và tàn phai trước thời gian. Có thể nói đó là bước tiến trong việc thể hiện hình tượng người phụ nữ trong quan niệm về người phụ nữ của Nguyễn Du.

Hình ảnh người phụ nữ trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du được thể hiện phong phú. Đó là những hình ảnh người phụ nữ khác nhau như nỗi nhớ thương trong giấc mơ về người vợ đã mất trong *Ký mộng*, hay nỗi nhớ về quê hương trong *Son cư mạn hứng*. Đó là số phận người bạc mệnh trước thời gian và không gian của Dương Thái hậu vợ vua Tống Độ Tông được thờ ở Càn Hải (đền Cờn - tỉnh Nghệ An) trong *Dao vọng Càn Hải từ*. Đó là một hình ảnh đẹp bâng khuâng về hình ảnh người thiếu nữ gắn liền với những cảnh vật, việc làm trong cuộc sống như tiếng người giặt vải chiều tà trong *Thu dạ - II*, tiếng cô gái kéo nước nơi xóm núi trong *Son thôn*, hình ảnh cô gái hái sen trong *Mộng đắc thái liên - III*.

Nguyễn Du đã hết sức xót xa, thương cảm khi viết về người phụ nữ làm nghề ca hát phục vụ giai cấp thống trị giàu sang. Đó là người đào nương mệnh bạc chẳng ai quan tâm. Đó là hình tượng đá vọng phu thể hiện cho người phụ nữ chung thủy. Đó là hình tượng người gảy đàn ở đất Long Thành. Cuộc đời người phụ nữ sống với nghề đàn hát đã chứng kiến bao cảnh đổi thay, tiêu vong, đến bây giờ tàn tạ, phờ phạc. Nguyễn Du thương xót người con gái nhưng cũng là thương xót cho cuộc đời con người tài hoa trước sự thay đổi của thời gian.

Long thành cầm giả ca là tác phẩm viết về con người tài hoa một thời, bây giờ nhan sắc tiêu tụy, không còn ai chú ý đến. Nhà thơ tỏ lòng xót thương ngậm ngùi của mình, và nghĩ đến cuộc đời dâu bể. Bài thơ mang một tinh thần nhân đạo cao cả:

*Bạc giai nhân tên họ ai hay,
Đàn cầm thánh thoát mấy dây .
Khấp thành quen miệng gọi ngay Nàng Cầm,
"Cung Phụng khúc" xưa ngâm trong Nội .
Phở nên chương tiếng nổi một thời,
Nhớ ngày đờng độ vui chơi.
Giám hồ yến tiệc gặp người tài hoa,
Tuổi hăm một nỡn nà lộng lẫy.*

Tiêu biểu nhất trong những bài thơ này là bài thơ *Độc tiểu thanh ký*. Nhân vật Tiểu Thanh được Nguyễn Du xây dựng từ chất liệu có trong hiện thực, tuy có thêm bớt ít nhiều. Tiểu Thanh là người phụ nữ sinh sống tại Giang Tô. Mồ côi mẹ từ nhỏ, nàng được một bà sư nuôi và cho đi học. Năm 16 tuổi nàng làm lẽ một người họ Phùng. Vì người vợ cả ghen nên nàng phải làm nhà riêng trên núi cạnh Tây Hồ rồi đau buồn mà chết lúc 18 tuổi. Trước khi chết, Tiểu Thanh cho vẽ bức chân dung truyền thần của mình. Ngoài ra, nàng để lại một tập thơ, tuy nhiên vì lòng ghen nghi kỵ của người vợ cả mà số lượng lớn những sáng tác của Tiểu Thanh đã bị thiếu đốt, nay chỉ còn sót lại 12 bài. Câu chuyện về nàng Tiểu Thanh đã làm lay động tâm hồn Nguyễn Du, khiến ông rơi lệ đồng cảm và viết nên những vần thơ xúc động:

*Tây hồ hoa uyển tẫn thành khư,
Độc điếu song tiền nhất chỉ thư.
Chi phán hữu thân liên tử hậu,
Văn chương vô mệnh lụy phần dư.
Cổ kim hận sự thiên nan vấn,
Phong vận kỳ oan ngã tự cư.*

*Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?*

Với nhân vật người gảy đàn đất Thăng Long, nhất là với nhân vật nàng Tiểu Thanh, hướng quan tâm của Nguyễn Du đã mang nét đặc trưng riêng, mới mẻ. Ông đã quan tâm đến những người phụ nữ chủ thể của giá trị tinh thần cao đẹp (văn chương nghệ thuật) mà đau khổ, bất hạnh. Hướng suy nghĩ về các vấn đề của phụ nữ trong sáng tác Nguyễn Du đã đổi mới, mở rộng đáng kể, làm phong phú hơn nội hàm của chủ nghĩa nhân văn trong sáng tác của ông.

Nguyễn Du không ngừng mở rộng phạm vi về người phụ nữ khi trong sáng tác của ông xuất hiện những hình tượng người phụ nữ thuộc tầng lớp quý tộc phong kiến như Vương Thị, Dương Quý Phi, Hoạn bà, Hoạn Thư... Đối với Vương Thị ông phê phán tính cách gian xảo, gian ác của người vợ Tần Cối, kẻ đã lập mưu giết tướng Nhạc Phi và đầu hàng quân Kim, khiến người đời nguyên rủa trong *Vương thị tượng*. Riêng đối với nhân vật Dương Quý Phi, Nguyễn Du lại tỏ lời thông cảm với người phụ nữ có nhan sắc nhưng phải chịu đánh giá bất công của thành kiến nho giáo cổ hủ về những người phụ nữ đẹp. Nguyễn Du bênh vực cho Dương Quý Phi, theo đó ông cho rằng Dương Quý Phi vô tội, chỉ có bọn quan lại bất tài vô dụng là nguyên nhân khiến cho loạn An Lộc Sơn nổi lên:

*...Kiến thuyết Dương Phi thử địa sinh
Tự thị cử trường không lập trượng,
Uổng giao thiên cổ tội khuynh thành...
Lang tạ tàn hồng vô mịch xứ,
Đông phong thành hạ bất thăng tình.*

(Dương Phi cổ)

Đối với bài thơ này, Nguyễn Du đã thể hiện tư tưởng tiến bộ so với các nhà nho trước, cùng và sau thời khi lý giải hình tượng người đẹp. Coi người phụ nữ đẹp là yêu quái, làm khuynh thành, mắt nước đã đi sâu vào trong nhận thức của các nhà nho,

chính vì thế việc coi Dương Quý Phi như là yêu quái trong bài thơ *Mã Ngôi* của Lê Thánh Tông, coi Nguyễn Thị Lộ là con rắn báo oán trong những ghi chép của Phạm Đình Hổ...không có gì là xa lạ. Đến Nguyễn Du, ông không kết án người đẹp là yêu quái, là rắn báo oán, là hồ ly tinh vô lý như các nhà nho, ông trân trọng, cảm thương cho thân phận người phụ nữ có nhan sắc. Nhan sắc cũng như tài năng nghệ thuật là những phạm trù giá trị và Nguyễn Du trân trọng những chủ nhân mang các giá trị ấy.

Đến *Truyện Kiều*, quan niệm về người phụ nữ của Nguyễn Du đã đạt đến trình độ đỉnh cao về nội dung tư tưởng và nghệ thuật biểu hiện. Nhân vật người phụ nữ không nằm trong khuôn phép giới hạn như trong thơ Nôm đoản thiên và thơ chữ Hán mà được phát triển ở mức độ cao hơn. Đó là một nhân vật Thúy Kiều vượt qua khuôn phép đạo đức phong kiến để thể hiện tình yêu với Kim Trọng, vượt qua bao thăng trầm và nỗi nhớ bản để có cuộc sống hạnh phúc. Đó là một Thúy Vân hiện ra trong cách cư xử mà bản chất của cư xử ở đây là sự chia sẻ trách nhiệm. Đó là một nhân vật Hoạn Thư xấu - tốt như con người trong cuộc sống, cái xấu, cái độc ác, quý quyết ở Hoạn Thư cũng nhiều khi được thay thế bằng sự cảm thông, tấm lòng liên tài, sự vị tha đối với kẻ thù. Đó là người phụ nữ *nhờn nhợt màu da* như Tú Bà, một người phụ nữ làm nghề mua phấn bán hoa. Tất cả những người phụ nữ này trong *Truyện Kiều* đã trở thành điển hình để gọi tên con người trong xã hội. Các nhân vật trong *Truyện Kiều* được Nguyễn Du xem xét từ chất liệu của hiện thực, có cuộc sống sinh động, phong phú, phức tạp. Đây cũng chính là sự vận động và phát triển trong quan điểm về người phụ nữ của Nguyễn Du từ thơ Nôm đoản thiên, thơ chữ Hán đến *Truyện Kiều*.

Truyện Kiều là tác phẩm xuất sắc nhất của hệ thống các truyện thơ Nôm cũng như thơ ca Việt Nam thời trung đại. Với nhân vật người phụ nữ chính là Thúy Kiều và liên quan đến nhiều nhân vật phụ nữ khác, bao gồm cả loại nhân vật nữ chính diện, nhân vật nữ phản diện, Nguyễn Du đã xây dựng được nhiều hình tượng nhân vật người phụ nữ điển hình với tất cả chiều sâu tính cách, nghệ thuật miêu tả ngoại hình, tâm lý, tâm trạng, số phận phong phú. Về cơ bản, các nhân vật phụ nữ trong *Truyện Kiều* đã phản

ánh được các khía cạnh nội dung tư tưởng và tính triết lý sâu sắc như tư tưởng định mệnh về người phụ nữ, quan niệm về sắc - tài, tình - tài với tài năng và cuộc đời mỗi con người, quan niệm Nho giáo và sự chi phối đến người phụ nữ, sự tác động của hoàn cảnh hiện thực và nghệ thuật điển hình hóa các nhân vật phụ nữ, lời cảm thương, tiếng nói trữ tình ngoại đề và nhận thức của Nguyễn Du về người phụ nữ. Tất cả những điều đó đã tạo nên giá trị nghệ thuật và giá trị nhân đạo của Truyện Kiều và khẳng định sức sáng tạo vượt bậc của đại thi hào Nguyễn Du.

Tuy nhiên, phải nói rằng chỉ đến Nguyễn Du mới xuất hiện cả một lớp người mang trọn cái số kiếp bạc mệnh ấy. Từ những con người tài hoa bạc mệnh như Kiều, Đạm Tiên, Thúy Vân, Tiểu Thanh, người ca nữ đất Long Thành... đến những người phụ nữ thuộc tầng lớp quý tộc phong kiến như Dương Quý Phi, Hoạn Thư... đều trở thành nạn nhân của chế độ phong kiến. Mỗi nhân vật được thể hiện ở một khía cạnh khác nhau, không nhân vật nào trùng vào nhân vật nào. Nhưng xét đến cùng, số phận của những người phụ nữ này nằm trong mạch cảm hứng chung của Nguyễn Du và thể hiện tấm lòng nhân đạo bao la ở ông. Bởi thế dễ hiểu vì sao cuộc đời Tiểu Thanh một người con gái xa về thời gian, cách về không gian lại nhận được sự cảm thông sâu sắc như thể từ nhà thơ. Tiểu Thanh cũng đầy đủ tài hoa, nhan sắc, nhất là tài hoa văn chương, thơ phú. Cuộc đời cuối cùng cũng vùi chôn trong nấm mồ khi đang độ xuân xanh.

1.2. Hoạn Thư trong hệ thống nhân vật người phụ nữ trong Truyện Kiều

Đối với các nhân vật phụ nữ trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã chú ý xây dựng thành nhân vật chính, cả chính diện và phản diện. Với trình độ nghệ thuật cao, Nguyễn Du đã nhập thân vào cuộc đời của các nhân vật nữ. Mỗi khi nhân vật chính diện chịu cảnh cuộc đời bất hạnh, Nguyễn Du lại bộc lộ tiếng nói cảm thông, chia sẻ. Mỗi khi nhân vật phản diện xuất hiện ông thể hiện thái độ khinh bỉ những hành động gian ác và cuối cùng bị trừng trị. Riêng đối với nữ nhân vật phản diện Hoạn Thư một mặt Nguyễn Du tỏ thái độ khinh bỉ về những hành động độc ác mà Hoạn Thư gây ra cho cuộc đời

Kiều, mặt khác ông nhìn nhân vật như một con người bản thể làm đối tượng quan sát và suy ngẫm. Cách miêu tả người phụ nữ như vậy góp phần xây dựng được thế giới nhân vật phụ nữ đông đảo, có nhiều tính cách phức tạp, có chiều sâu tâm lý và đạt tới tính điển hình sâu sắc.

Sự chuyển biến, thay đổi, rạn vỡ trong quan niệm Nho giáo về khuôn thước đạo lý con người mà tập trung ở tinh thần dám vượt lễ giáo, dám có những suy nghĩ mới mẻ về trinh tiết, về tình yêu, về quyền sống và ý thức về nhân phẩm của người phụ nữ, về con người bản thể xem xét dưới sự đa dạng, phức tạp, phong phú như trong cuộc sống. Đó là những dấu hiệu vận động, đổi mới trong hình tượng người phụ nữ trong Truyện Kiều so với nhiều tác phẩm cùng thời viết về người phụ nữ.

Nhân vật trong Truyện Kiều rất đa dạng, phong phú và sinh động. Hệ thống nhân vật ở tập thơ này phản ánh toàn bộ bức tranh xã hội có đủ mọi giai tầng với đủ mọi hạng người đặc trưng. Đại diện cho giới cầm quyền cai trị có quan tổng đốc đại thần Hồ Tôn Hiến, quan huyện Lâm Truy *mặt sứt đen sì* và những sai nha trong vụ tai biến Vương gia, những viên thư lại ở chốn công đường như viên lại già họ Đô bên cạnh một tên *thỏ quan* trông coi sắc dân thiếu số; Giới thượng lưu quý tộc thì có mẹ con nhà quan Lại bộ họ Hoạn; Xã hội đen thì có những lầu xanh của hai mục chủ chứa họ Tú, họ Bạc, với những tay sai: vô học cũng có như Bạc Hạnh, mà trí thức cũng có như Mã Giám Sinh và Sở Khanh. Trong đám dân cùng nô lệ, kẻ nhẫn tâm cũng có như bọn Khuyển, Ứng gia nhân nhà họ Hoạn; người có lòng cũng có: như Mã Kiều đồng cảnh ngộ đã vì cảm thông mà bảo lãnh Kiều khỏi bị đánh đòn tiếp tục và thổ lộ cho nàng biết hết những quỷ thuật của mục Tú; và như Mục quản gia nhà Hoạn bà đã thương tình dặn nàng biết trước phải đề phòng chuyện sẽ gặp Thúc Sinh cùng với Hoạn Thư; sau cùng như lũ hoa nô nhà Hoạn Thư được sai đến hầu hạ mà canh chừng Kiều nơi am Chiêu Ân; Tôn giáo thì có bà vải Giác Duyên, sư Tam-Hợp, có Đạm Tiên thuộc thế giới vô hình nói thay cho Nguyễn Du về tư tưởng Tự Do và Định Mệnh; Và cuối cùng là giới trung lưu thấp cổ bé miệng sống trong cảnh trên đe dưới búa, quan trên trông

xuống thì nhòm ngó tài sản, xã hội đen nhìn vào thì tự do bắt nạt hiếp đáp; Thăng hoặc thấy có bóng người dân lành thì đó là những kẻ vô danh bàng quan đến nhà Tú Bà coi Kiều tự sát cho thoả lòng hiếu kỳ, hoặc chỉ biết chép miệng ngậm nguyệt chê tên Sở Khanh là *bất nghĩa vô lương*, hoặc là người dân vô danh ở Hàng Châu kể cho Kim Trọng biết tin tức về Kiều.

Về cơ bản, hệ thống nhân vật phong phú trong *Truyện Kiều* được phân thành hai tuyến nhân vật, đó là nhân vật chính diện và nhân vật phản diện: "...trong tác phẩm này (*Truyện Kiều*), như hầu hết các truyện Nôm khác, hệ thống nhân vật về cơ bản vẫn còn được chia làm hai loại - chính diện và phản diện. Và sự phân đôi này được duy trì bằng hệ thống các thủ pháp nghệ thuật dành riêng cho loại nhân vật." [44, tr.260]. Xét nhân vật Hoạn Thư trong hai hệ thống nhân vật này, Hoạn Thư thuộc loại nhân vật phản diện, cùng với các nhân vật phản diện khác như Sở Khanh, Tú Bà, Bạc Bà... là nguyên nhân gây nên nỗi bất hạnh cho cuộc đời Thúy Kiều.

Tuy nhiên, theo Lê Đình Ky, hệ thống nhân vật trong *Truyện Kiều* có nhiều tuyến chứ không chỉ có hai tuyến nhân vật chính diện và phản diện: "Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã giữ được sự khách quan, chân thực trong miêu tả. Hệ thống nhân vật có nhiều tuyến chứ không chỉ có hai loại nhân vật đại diện cho thiện, ác như các tác phẩm cùng thời. Tác giả cũng không nói thay, làm thay nhân vật mặc dù có cảm tình với nhân vật trung tâm nhưng vẫn phải đóng vai người làm chứng vô tư và nhập vai vào các nhân vật mà ông mỉa mai, phê phán như Thúc Sinh, Hoạn Thư, Hồ Tôn Hiến. Lê Đình Ky cho rằng Nguyễn Du cũng nhìn thấy ở *Truyện Kiều* những nhân vật tiêu biểu cho những lực lượng xã hội nhất định. Tú Bà, Mã Giám Sinh, Sở Khanh là cùng một giuộc của bọn buôn người. Hồ Tôn Hiến là đại diện cho phương diện quốc gia. Chuyện đánh ghen của mẹ con Hoạn Thư cũng mang một nội dung xã hội hết sức cụ thể. Đằng sau quan hệ vợ chồng không bình thường Hoạn Thư - Thúc Sinh, thấp thoáng quan hệ quý tộc - thương nhân". [12, tr.169]. Xét hệ thống nhân vật theo cách phân loại của Lê Đình Ky thì nhân vật Hoạn Thư thuộc loại nhân vật *mang một nội dung xã hội hết sức*

cụ thể. Cách phân loại này đối với riêng nhân vật Hoạn Thư được xét từ quan điểm giai cấp, Hoạn Thư là nữ nhân vật thuộc giai cấp thống trị phong kiến.

Theo phương thức điển hình hóa, giáo sư Nguyễn Lộc phân loại nhân vật trong Truyện Kiều theo ba hướng khác nhau: “Nhóm nhân vật được xây dựng theo lối điển hình hóa của văn học truyền thống; nhóm nhân vật được xây dựng theo nguyên tắc điển hình hóa của chủ nghĩa hiện thực và loại nhân vật thứ ba được xây dựng theo nguyên tắc trung gian giữa hai kiểu trên. Đây là một ghi nhận sự đóng góp độc đáo của Nguyễn Du trong Truyện Kiều so với các truyện Nôm khác.” [21, tr.326]

Nếu dựa theo cách phân loại của giáo sư Nguyễn Lộc thì nhân vật Hoạn Thư thuộc loại hình nhân vật nào trong ba nhóm trên? Dùng phương pháp loại trừ sẽ thấy Hoạn Thư không thể nào thuộc nhóm nhân vật đầu tiên, tức nhóm nhân vật được xây dựng theo lối điển hình hóa của văn học truyền thống. Vậy Hoạn Thư sẽ thuộc một trong hai nhóm còn lại. Hoạn Thư thuộc nhóm nhân vật xây dựng theo nguyên tắc điển hình hóa của chủ nghĩa hiện thực. Đặt Hoạn Thư trong nhóm nhân vật này có vẻ ổn nhất. Vậy nhưng ở nhóm thứ ba, nhóm trung gian cho cả hai nhóm trên. Đối tượng tiếp nhận sẽ có những mơ hồ nhằm tưởng Hoạn Thư sẽ thuộc nhóm trung gian, để lý giải điều này chúng tôi tiếp tục đi sâu phân tích ở khía cạnh nội dung và hình thức nhằm xác định chính xác rằng Hoạn Thư có thuộc nhóm nhân vật trung gian hay không?

Về giới tính, Hoạn Thư là phụ nữ:

*Duyên dang thuận nẻo gió đưa,
Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày.*

Về giai cấp, Hoạn Thư thuộc tầng lớp quý tộc phong kiến, con quan Lại bộ:

Vốn dòng họ Hoạn danh gia

Con quan Lại bộ tên là Hoạn Thư

Về tín ngưỡng tôn giáo, Hoạn Thư theo đạo Phật:

Tiểu thư rằng: “Ý trong tờ”

Rắp đem mệnh bạc, xin nhờ cửa Không.

*Thôi thì thôi, cũng chiều lòng,
Cũng cho khỏi lụy trong vòng bước ra.
Sẵn Quan Âm các vườn ta,
Có cây trăm thước, có hoa bốn mùa.
Có cỏ thụ, có sơn hồ
Cho nàng ra đó, giữ chùa tụng kinh*

Đối với nhân vật Hoạn Thư, Nguyễn Du đã cấp cho ba đặc điểm này một cách lô-gic để xây dựng nên tính chất hai mặt của Hoạn Thư. Vì là phụ nữ nên ghen tuông. Vì là giai cấp thống trị phong kiến được giáo dục tri thức nên thông minh và sự độc ác của giai cấp thống trị tạo nên sự nham hiểm, nanh nọc ở Hoạn Thư. Vì theo đạo Phật nên con người độc ác của giai cấp thống trị có điểm tốt, điểm phật tính trong con người nên có điểm dừng và tình cảm nhân bản. Vì thế, nhân vật Hoạn Thư xuất hiện vừa mang theo những nét độc ác, thâm hiểm, cay thế lực của giai cấp, vừa mang theo sự thông minh, biết điểm dừng, có tình cảm nhân bản của tín ngưỡng.

Việc Nguyễn Du cấp cho nhân vật Hoạn Thư những đặc điểm này đã làm nên sự tương đồng và khác biệt của nhân vật với các nhân vật còn lại trong *Truyện Kiều*. Là một người phụ nữ, thuộc tầng lớp giai cấp thống trị phong kiến, theo tín ngưỡng đạo Phật, Hoạn Thư là một loại nhân vật cá biệt, không trùng lặp với bất cứ nhân vật nào khác. Nét khác biệt này sẽ được chúng tôi trình bày ở những chương tiếp theo. Sự tương đồng lớn nhất giữa nhân vật Hoạn Thư và các nhân vật khác trong *Truyện Kiều* là tính phong phú, phức tạp, đa chiều của nhân vật. Chủ trương xây dựng một hệ thống nhân vật dưới cái nhìn bản thể luận, con người sống động, chân thực nên Nguyễn Du đã tạo nên được một hệ thống nhân vật đa dạng. Đó là Thúy Kiều, Thúc Sinh, Kim Trọng, Hoạn Thư....

Trong xã hội phong kiến, người đàn ông luôn phấn đấu để trở thành mẫu người quân tử với vai trò là *tề gia, trị quốc, bình thiên hạ* và đây gần như là một nguyên tắc bởi vậy mọi hành động đi ngược lại quyền lực của người đàn ông được coi là tội lỗi, sự

phản kháng của người phụ nữ gần như là con số không. Hàng ngàn năm Nho gia đã tước bỏ mong ước được bày tỏ của người phụ nữ dù chỉ là một nỗi niềm, họ chỉ được phép nhận những gì đàn ông có thể cho chứ không thể ngược lại, càng ở tầng lớp dưới trong xã hội, sự bất công càng lớn. Ở thời kỳ này, cái tuyệt vọng và cay nghiệt đối với số phận của người phụ nữ còn ở vấn đề sinh con với quan niệm của xã hội là “bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại”(trong ba điều bất hiếu cái lớn nhất là không có con để nối dõi tông đường) chuyện sinh con trai hay gái là chuyện của chuyện đó, chuyện may rủi thế nhưng đối với nho giáo lại xem tội lỗi này thuộc về người phụ nữ chứ không phải đàn ông. Đó cũng là lý do khiến Hoạn Thư tự đổ lỗi cho mình khi không sinh được con cho chồng, và cũng là lý do để người chồng bạc nhược Thúc Sinh đưa ra những lời lẽ biện bạch của mình khi bỏ rơi nàng Kiều trong tấn bi kịch mà không có bất cứ hành động cứu vớt nào:

*Quản chi lên thác, xuống ghềnh,
Cũng toan sống thác với tình cho xong.
Tông đường, chút cửa cam lòng,
Nghiến răng bẻ một chữ đồng làm hai.*

Chế độ đa thê tồn tại hàng ngàn năm đã để lại nhiều di hại khó gột rửa, vai trò của người đàn ông trong gia đình và xã hội đã tạo ra lợi thế để xác lập chế độ gia trưởng, người phụ nữ chỉ biết phục tùng. Với quan niệm *Trai tài lấy năm lấy bảy, gái chính chuyên chỉ có một chồng*, người phụ nữ là nạn nhân của chế độ đa thê (bất kể là danh phận vợ cả hay danh phận vợ lẽ), luôn chìm đắm trong những mối mâu thuẫn, bất hòa, khổ đau. Trong kho tàng văn học Việt Nam có rất nhiều bài thơ nói lên thân phận của người phụ nữ phong kiến xưa. Họ không có quyền quyết định cuộc đời mình, chỉ biết sống cam chịu và phục tùng. Họ là những người phụ nữ có tài có sắc, có phẩm chất cao đẹp nhưng thân phận của họ lại vô cùng nhỏ bé, cuộc đời của những người phụ nữ này long đong, lận đận. Họ phải sống trong một chế độ xã hội phong kiến lạc hậu, trọng nam khinh nữ, không có chỗ đứng và địa vị trong xã hội.

Trong văn học nho gia người chồng luôn đặt ở vị trí cao hơn, coi vợ là người cần bảo ban, dạy dỗ. Nguyễn Bình Khiêm trong bài Khuyên phu đãi thê đã viết:

Sau này đã kể vợ tao khang,

Xin xót cùng nhau hồi thế thương.

Coi vợ là người cần dạy bảo, cần tha thứ, khoan dung, nên thương, không giận... Lối suy nghĩ đặt người chồng, người đàn ông cao hơn người vợ, đứng vai bề trên có quyền sai khiến, dạy bảo.

Hay những câu thơ trong bài Tức sự:

Nhật mỗi tiểu đàm vô tục khách,

Thời cung thung cấp hữu bản thê.

(Hàng ngày thường nói cười không có tục khách

Giúp việc giã gạo múc nước thì có người vợ nghèo)

Xét về mặt ý nghĩa, những câu thơ này là lời khen nhưng lời khen ở đây là lời khen của bề trên, một sự tự mãn khi thấy vợ sống đúng phép tắc, biết làm công việc nội trợ cơm nước, chăm chỉ nhẫn nại phục vụ mình, đó là những quan điểm nam quyền.

Về Hoạn Thư, Nguyễn Du không những có sự cách tân khi đề cao giá trị người phụ nữ mà còn đột phá hơn, ông đã xây dựng nên mối quan hệ vợ - chồng đối ngôi giữa Thúc Sinh và Hoạn Thư. Là một người chồng nhưng Thúc Sinh luôn khúm núm, kính sợ, nhu nhược trước bản lĩnh của Hoạn Thư, trong mọi hoàn cảnh người làm chủ tình thế luôn là Hoạn Thư. Cũng cần phải nói rằng, cái khuôn uy mà Hoạn Thư được tạo nên từ gia thế rất cao của dòng họ quan Lại bộ, trong khi Thúc Sinh chỉ là nhà buôn, địa vị thấp kém. Nhưng khi xét từ góc độ xã hội, Hoạn Thư là nạn nhân của xã hội phong kiến, của xã hội nam quyền, của chế độ đa thê. Là một người phụ nữ trong xã hội phong kiến, Hoạn Thư phải sống một cuộc sống không có tình yêu cùng với Thúc Sinh, lại còn mang cái tội không sinh được con nối dõi, đã thế Thúc Sinh còn phản bội và có thêm thiếp. Bước đầu Hoạn Thư đã có những hành động phản kháng lại

chế độ đa thê qua hành động trả thù Thúc Sinh và Thúy Kiều nhưng xét đến cùng, bi kịch của Hoạn Thư có nguồn gốc căn nguyên từ nền tảng xã hội.

CHƯƠNG 2: TÍNH PHỨC TẠP, PHONG PHÚ, ĐA CHIỀU CỦA NHÂN VẬT HOẠN THƯ

Nhân vật tính cách là loại nhân vật có cá tính, nhiều mặt. Đây là nhân vật *vừa lạ, vừa quen*. *Lạ* vì cái độc đáo của cá tính, tính cách. *Quen* vì mang trong nó sự khái quát cao, tiêu biểu cho nhiều hiện tượng cùng loại. Cấu trúc nhân vật tính cách là khả năng cao nhất của các loại nhân vật trong việc khái quát và chiếm lĩnh thực tại. Các nhân vật như Anna Kanenina, Nekliudov của L. Tolstoi; Hamlet, Othello của W. Shakespeare; Bovari của G. Flaubert; Thúy Kiều, Hoạn Thư của Nguyễn Du đều có thể xem là những nhân vật tính cách.

“Tính cách có một vai trò hết sức quan trọng đối với cả nội dung và hình thức của tác phẩm văn học. Đối với nội dung, tính cách có nhiệm vụ cụ thể hóa hiện thực của chủ đề - tư tưởng tác phẩm, hay nói cụ thể hơn, thông qua sự hoạt động và mối liên hệ giữa các tính cách, người đọc sẽ đi đến một sự khái quát hóa về mặt nhận thức tư tưởng. Tính cách cũng là nhân tố chủ yếu tạo nên diễn biến của các sự kiện trong quá trình phát triển của cốt truyện. Cũng qua hệ thống tính cách, người đọc có thể đánh giá khả năng biểu hiện nội dung của các yếu tố hình thức như ngôn ngữ, kết cấu, những quy luật loại thể, các biện pháp thể hiện... Có thể nói như Hêghen: “Tính cách là *điểm trung tâm* của mối quan hệ giữa nội dung và hình thức” [24, tr.163].

Xây dựng tính cách nhân vật không có cá tính cụ thể, mỗi nhân vật thực hiện một chức năng đã định, mang một nét tính cách bất biến, một chiều, không có sự phát triển tính cách không thuộc trong hệ thống nhân vật đa dạng của *Truyện Kiều*. Ở *Truyện Kiều*, hệ thống nhân vật có diễn biến tâm lý phức tạp, có tính cách đa chiều và phong phú. Và Hoạn Thư là một nhân vật như thế! “Cái tên Hoạn Thư đã trở thành một danh từ chung bất hủ mà Nguyễn Du đã đóng góp vào vốn từ vựng Việt Nam. Nguyễn Du lớn vì đã khắc họa nên một điển hình ghen tuông. Nguyễn Du cũng rất lớn vì đã bộc lộ tính ghen ấy thông qua bản chất giai cấp của nhân vật.” [47, tr.756]

Để thấy được tính cách đa chiều, phức tạp, phong phú ở nhân vật Hoạn Thư, chúng tôi tiến hành phân tích tính hai mặt của Hoạn Thư, một mặt chúng tôi mổ xẻ sự độc ác, thâm hiểm của tính cách nhân vật Hoạn Thư, mặt khác làm nổi bật sự thông minh, có tình cảm nhân bản thể hiện ở con người Hoạn Thư. Cùng với đó, chúng tôi xét về bi kịch và nỗi đau của Hoạn Thư trong mối quan hệ với Thúc Sinh, Thúy Kiều, từ đó đi đến lý giải cách hành xử con ghen mang tâm lý người phụ nữ và tâm lý người quý tộc cùng tồn tại ở Hoạn Thư. Ngoài ra, chúng tôi đi đến phân tích kết cục dành cho Hoạn Thư và chỉ ra những sáng tạo của Nguyễn Du khi xây dựng nhân vật này.

2.1. Tính cách nhân vật Hoạn Thư

2.1.1. Sự thâm độc, nham hiểm, tàn nhẫn trong tính cách nhân vật Hoạn Thư

Từ nghe vườn mới thêm hoa mà tin nhà thì không nên Hoạn Thư đã đưa ra hai “chiến lược” để trả thù người chồng bội bạc: (1) Chiến lược *Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho để làm cho nhìn chẳng được nhau*; (2) chiến lược *ví chẳng chấp cánh cao bay* tạo tình huống để Thúy Kiều bỏ trốn....Một chiến lược đánh ghen thâm độc, nham hiểm nhưng *nhẹ như bấc* để Kiều phải thốt lên rằng:

Máu ghen, đâu có lạ đời nhà ghen!

Chước đâu rẽ thúy, chia uyên!

Ai ra đường ấy, ai nhìn được ai

Bây giờ một vực, một trời,

Hết điều kính trọng, hết lời thị phi

Nhẹ như bấc, nặng như chì,

Gỡ cho ra nữa, còn gì là duyên?

Thứ nhất, Hoạn Thư thực hiện chiến lược *Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho* để xây dựng màn đánh ghen “kinh điển”. Ở đây, chúng tôi dùng từ “kinh điển” nhằm nêu bật việc đánh ghen xưa nay chưa từng có của Hoạn Thư. Phương thức đánh ghen của Hoạn Thư là trường hợp đánh ghen kinh điển nhất trong lịch sử văn học dân tộc và thế giới. Nó kinh điển ở phương thức đánh ghen thâm sâu, hiểm độc.

Đồng nhất với sự che giấu vụng trộm của Thúc Sinh khi lấy Thúy Kiều làm thiếp, mặc dù *lửa tâm càng dập, càng nồng* nhưng Hoạn Thư vẫn *liệu bài giấu cho*:

*“Lại còn bung bít giấu quanh,
Làm chi những thói trẻ ranh nực cười!
Tính rằng cách mặt, khuất lời,
Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho!
Lo gì việc ấy mà lo.
Kiến trong miệng chén có bò đi đâu?”*

Tâm Hoạn Thư không tinh “vọng động” đã dẫn dắt tới những suy nghĩ phần nộ, căm hờn và những hành động độc ác, xấu xa. Thích Nhất Hạnh khi đặt nhân vật Hoạn Thư dưới cái nhìn Phật giáo đã có những nhận xét thấu đáo rằng: “Nộ rồi phần. Phần rồi hận. Móng tâm trả thù. Những từ Hoạn Thư dùng (trong suy nghĩ) như *trẻ ranh, ta, kiến trong miệng chén* cũng đang đóng góp phần tưới tẩm những tâm hành kiêu mạn, khinh lờn, dùng quyền thế ép người của cô. Ngôn ngữ hàng ngày ta sử dụng là khúc đàn ta tấu lên cho cuộc đời. Hãy chọn từ mà nói, cân nhắc từng chữ để tâm ta ngày càng đi gần với chánh pháp, có thêm chất liệu của trí tuệ và từ bi. Buông lung trong lời nói và suy tư của mình chúng ta sẽ có thể ngày một đi sâu vào con đường của khổ đau và cô độc.” [7]

*Làm cho nhìn chẳng được nhau,
Làm cho đày đọa cát đầu chẳng lên!
Làm cho trông thấy nhãn tiền,
Cho người thăm ván bán thuyền biết tay.*

Không chỉ *liệu bài giấu cho* mà Hoạn Thư còn sẵn sàng *vả miệng, bẻ răng* những kẻ muôn tâng công tố giác việc làm của chồng thị. Thật là thâm!

*Tuần sau bỗng thấy hai người,
Mách tin, ý cũng liệu bài tâng công,
Tiểu thư nổi giận ùng ùng:*

*Góm thay thêu dệt, ra lòng trêu ngươi!
Chồng tao nào phải như ai,
Điều này hẳn miệng những người thị phi!
Vội vàng xuống lệnh ra uy,
Đưa thì vả miệng đưa thì bẻ răng.
Trong ngoài kín mít như bung,
Nào ai còn dám nói năng một lời!
Buông đào khuya sớm thành thoi,
Ra vào một mực nói cười như không.*

“Đoạn văn này nói rất rõ về tính khí và con người của Hoạn Thư. Một con người ghen đến mức tột độ. Ra vào cười nói rất thông dong nhưng trong lòng đầy chất độc của ghen và giận” [7]. Cả khi trong bụng thị rất coi thường Thúc Sinh nhưng trước mặt kẻ ăn người ở, Hoạn Thư bao giờ cũng bênh vực Thúc Sinh. Đó cũng là cách để thị giữ gìn và khẳng định vị thế của giai cấp và gia đình:

*Dại chi chẳng giữ lấy nên,
Tốt chi mà rước tiếng ghen vào mình?*

Hoạn Thư sẽ có cách làm cho Thúc Sinh và Thúy Kiều phải trả giá đắt cho sự giả dối và sự coi thường bản sắc giai cấp của thị. Kế hoạch thực hiện của Hoạn Thư tất cả đều được tiến hành một cách kín đáo, không ai hay biết để không ảnh hưởng đến thanh danh của gia đình. Cái ghen của Hoạn Thư không chỉ là cái ghen thường tình của người phụ nữ mà còn là cái ghen của người đàn bà quý tộc muốn giành lại quyền lực và lập lại trật tự. Người ta ghen khi thấy tình yêu bị chia cắt nhưng Hoạn Thư ghen khi cảm thấy quyền lực bị xúc phạm. Và phương thức trả thù của thị cũng là phương thức trả thù độc ác, nham hiểm của một kẻ quý tộc.

Thúy Kiều là một người hiểu chuyện nên đã khuyên Thúc Sinh *hồi trang* để nói rõ sự tình cưới thêm thiếp. Nhưng Hoạn Thư đã cao tay, đóng lại cánh cửa cơ hội tự

khai của Thúc Sinh với thái độ *cười nói tỉnh say* mà rằng *mười phần ta đã tin nhau cả mười* để kể ngu nguội như Thúc Sinh phải nghĩ *Nào ai có hỏi mà mình lại xưng?*

Nghĩ: Đà bung kín miệng bình,

Nào ai có hỏi mà mình lại xưng?

Những là e ấp dùng dằng,

Rút dây, sợ nữa động rùng, lại thôi

Hoạn Thư đã từng nhủ *Ví rằng thú thật cùng ta, Cũng dung kẻ dưới mới là lượng trên* nhưng trên thực tế, chính Hoạn Thư đã đóng lại cánh cửa không cho Thúc Sinh có cơ hội nào để thú thật, cái *lượng trên* kia chỉ là một lời nói biện minh cho sự gian xảo, những mưu mô độc ác mà thị đang thực hiện. Đây chính là đạo lý của nhà họ Hoạn, của giai cấp áp bức bóc lột, đầy dối trá và mâu thuẫn. Như vậy, với chiến lược này Hoạn Thư đã đạt được hai mục đích: thứ nhất thành công trong việc tạo chiến thuật “gây ông lại đập lưng ông”, thứ hai là để bảo vệ thanh danh dòng họ. Có mấy người trong hoàn cảnh ấy mà giữ được thái độ thanh thoi, thông dong *nói cười như không* như Hoạn Thư. Đây chính là biểu hiện thứ nhất của sự thâm hiểm, độc ác trong tính cách Hoạn Thư.

Tuy nhiên, cách mà thị *cười nói tỉnh say*, cách thị kìm nén cảm xúc, cách thị khôn khéo tránh gây xung đột với chồng là một điểm đáng lưu ý. Sau một thời gian dài *tin nhà thì không* thì cuối cùng Thúc Sinh đã trở về. Sự mong mỏi sau bao ngày xa cách tưởng chừng sẽ vui đi ít nhiều, nhưng Hoạn Thư không được sống đúng với chính mình, một mình tủi cực khi phải vào vai nòng thắm với chồng mà bên trong thì *lửa tâm càng dập càng nồng*. Đã biết, đó là chiến lược thị đưa ra để tạo tiền đề cho cuộc trả thù nhưng việc giữ bình tĩnh ở thị khi nhìn thấy mặt người chồng *thăm ván bán thuyền, ra lòng trắng hoa* cũng là một việc đáng được đánh giá cao. Người nhạy cảm như Hoạn Thư, thật chẳng dễ chịu gì khi phải cố gắng, đêm ngày lòng những dằn lòng, hết mức kìm nén trạng thái thần kinh nóng *ngọn lửa càng đốt càng cháy*. Hoạn Thư có nỗi đau của một người vợ có chồng là kẻ *thăm ván bán thuyền* làm giảm quyền lực của

người phụ nữ quý tộc. Dẫu rằng trong xã hội phong kiến những chuyện như thế khá phổ biến, nhưng với khát vọng của người phụ nữ thì tất cả đều khiến họ có những nỗi khổ khác nhau.

Sau khi đóng vai nông thẩm với Thúc Sinh Hoạn Thư thực hiện chiến lược *ví chãng chấp cánh cao bay* tạo tình huống để Thúy Kiều bỏ trốn. Trước hết, Hoạn Thư đã sắp đặt cuộc chạm trán bi kịch của cặp đôi Thúc Sinh và Thúy Kiều ngay sau khi Thúc Sinh trở về nhà thăm mình. Bao nhiêu sự đau đớn, tủ nhục, ê chề mà cặp đôi Thúc - Kiều đều được tập trung thể hiện ở cuộc chạm trán này. Biều nhiêu sự gian xảo, thâm hiểm, giáo hoạt ở tính cách Hoạn Thư cũng thể hiện rõ nhất ở đoạn này.

Sau khi hai vợ chồng hàn huyên, Hoạn cho gọi Kiều ra. Lúc đó cặp đôi Thúc - Kiều rơi vào hoàn cảnh *Huệ lan sục nước một nhà* trong nghĩa phu thê thoát đã thành vai chủ tớ. “Một cặp vợ chồng vừa đôi phải lứa mà phải đóng vai một bên là con ở, một bên là chủ nhà. Con ở với chủ nhà là một trời một vực. Nên nhớ rằng chế độ của người giúp việc ngày hôm nay. Không có sự bình đẳng. Giống như ở Ấn Độ, giai cấp cùng đinh không thể nào nói chuyện, đối diện hay đụng vào giai cấp Bà-la-môn. Khi đã bị liệt vào hàng nô lệ rồi thì chuyện nhận người kia là chồng cũ là không thể được. Nếu không hiểu bản chất của giai cấp thì không hiểu thấu chuyện này. Âm mưu của Hoạn Thư là làm cho một người biến thành con ở để hai bên hoàn toàn bị xa cách, hoàn toàn viễn ly nhau.” [7]

Khi đó, nàng Kiều thì:

*Nhà hương cao cuốn bức là,
Phòng trong truyền gọi nàng ra lạy mừng.
Bước ra một bước một dừng,
Trông xa nàng đã tỏ chừng nẻo xa.
Phải rằng nắng quáng đèn lò,
Rõ ràng ngòi đó chãng là Thúc Sinh?*

*Bây giờ tình mới tỏ tình,
Thôi thôi đã mắc vào vành chẳng sai!*

Còn Thúc thì:

*Sinh đà phách lạc hồn xiêu,
Thương ôi! Chẳng phải nàng Kiều ở đây?
Nhân làm sao đến thế này ?
Thôi thôi, ta đã mắc tay ai rồi!*

Cả hai đều không dám trái lời Hoạn Thư, nên kẻ thì:

*Sợ uy dám chẳng vâng lời,
Cúi đầu nép xuống sân mai một chiều.*

người thì:

*Sợ quen dám hở ra lời,
Khôn ngăn giọt ngọc sụt sùi nhỏ sa.*

Bây giờ đến màn đánh ghen của Hoạn Thư. Nàng sai bày tiệc rượu, bắt Kiều hầu rượu, mà phải quỳ sát mặt, đưa tận tay với Thúc Sinh

*Vợ chồng chén tạc chén thù,
Bắt nàng đứng chực trì hồ hai nơi.
Bắt khoan bắt nhất đến lời,
Bắt quỳ tận mặt, bắt mời tận tay.*

Thương người yêu bị hành hạ, Thúc cáo say, từ chối. Hoạn Thư dọa đánh Kiều, chàng đành *chén mời phải ngậm bồ hòn ráo ngay*. Sau đó, Hoạn Thư còn bắt Kiều đàn cho Thúc nghe:

Bốn dây như khóc như than,

Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng.

Cùng trong một tiếng tơ đồng,

Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm.

Giọt châu lã chã khôn cầm,

Cúi đầu chàng những gạt thắm giọt sương.

Nhưng khi Kiều bị Hoạn Thư thét mắng về tội làm Thúc buồn, Thúc lại phải: *Vội vàng gượng nói gượng cười cho qua*.

Màn đánh ghen của Hoạn Thư đến đây là hết:

Giọt rông canh đã điếm ba,

Tiểu thư nhìn mặt dường đà cam tâm.

Lòng riêng khắp khởi mừng thầm,

Vui này đã bỏ đau ngậm xưa nay.

Cái đặc sắc ở cuộc chạm trán này là ai cũng đóng kịch. Ai cũng hiểu rõ cái thật, cái giả của mình và của người trong cuộc, nhưng ai cũng làm như không biết, và ai cũng tiếp tục đi đến tận cùng vai diễn của mình. Trên sân khấu, ngoài một câu Thúc Sinh nói, còn một mình Hoạn Thư độc diễn. Thị *cười nói tỉnh say*, bày trò chơi, thét bên này, tra hỏi bên kia, làm mưa, làm gió trên bàn tiệc. Tiệc rượu đón chồng của thị mà ngoài thị ra, tất cả chìm trong câm lặng, đau đớn, khiếp sợ. Chỉ tiếng nói nội tâm

những nạn nhân của thị là trời lên hốt hoảng, quần quai, tê tái. Ngôn ngữ đối thoại của Hoạn Thư trở thành một công cụ điều khiển tất cả, khuấy đảo tất cả, uy hiếp tất cả. Hoạn Thư thét Kiều mà làm Thúc Sinh ngã nghiêng, đờn đau, kinh hãi... Nhìn đôi tình nhân “quần quai” trong cảnh con ở chùa nhà đôi nơi, nát ruột tan hồn, Hoạn Thư dường như đã bỏ con hồn. “Họ uống tới nửa đêm. Hoạn Thư nhìn mặt Thúc sinh thấy đau khổ đã lên tới cùng tột rồi thì trong lòng rất đã. Lâu nay đau khổ cực kỳ, tới nay mình mới có dịp trả thù. Cái vui của mình được làm bằng niềm đau của người khác. Đây là niềm vui không có bản chất tu tập, không có bản chất trí tuệ. Chính cái vui này sẽ đem lại những tai nạn cho Hoạn Thư sau này. Ngay trong hiện tại, Hoạn Thư cũng đang đánh mất chồng mình và trở nên một người rất cô đơn. Cái vui vẻ, sẵn đón của hai vợ chồng này không thật, mang đây sự chịu đựng và oán trách. Gần nhau nhưng thật sự họ đã mất nhau. Đánh mất nhau, họ đánh mất hạnh phúc của chính mình. [7]

Thực ra, trong mối tình Hoạn - Thúc - Kiều, mục đích chính của Hoạn Thư không phải là Thúy Kiều, mà chính là Thúc Sinh. Ở đây Kiều vừa là nạn nhân vừa là phương tiện để Hoạn Thư *dạy chồng*.

Sau khi trả thù xong, Hoạn Thư đã thỏa mãn và đồng ý cho Thúy Kiều ra Quan Âm các *giữ chùa chép kinh*. Để tạo điều kiện cho Kiều ra khỏi cuộc hôn nhân của mình, Hoạn Thư lấy lý do *phải buổi vấn an về nhà* làm phép thử cuối cùng để vạch mặt lòng dạ của Thúc - Kiều. Một lần nữa phép thử ấy lại thành công khi Thúc Sinh:

Thừa cơ, Sinh mới lên ra,

Xăm xăm đến mé vườn hoa với nàng.

Sụt sùi giờ nổi đoạn tràng,

Giọt châu tâm tã, đẫm tràng áo xanh.

Nhưng thực tế, tiểu thư không đi vấn an mà *nhón chân đứng nép* đến nửa giờ nghe vợ chồng *gác kinh, viện sách đôi nơi* hàn huyên *đoạn tràng*:

Nhận ngừng, nuốt tui bước ra,

Tiểu thư đâu đã rẽ hoa bước vào.

*Cười cười nói nói ngọt ngào
Hỏi chàng mới ở chốn nào lại chơi?
... Hoa rằng: Bà đến đã lâu,
Đón chừng đứng núp độ đâu nửa giờ*

Thật thật, giả giả, thực thực, hư hư, Hoạn Thư đã khiến Thúc Sinh và Thúy Kiều đã mắc phải lưới, không còn biết đường nào để phòng để né. Nhìn vẻ mặt và cử chỉ vui vẻ, mãn nguyện nghe lời khen ngợi, tiếc nuối của Hoạn Thư đối với tài năng của Thúy Kiều rồi chứng kiến cảnh vợ chồng thông dong nối gót thư trai cùng về, ta thấy người vợ nham hiểm, mưu mô này đã thành công trong việc tạo tình huống cho Kiều bỏ trốn. Chính Thúy Kiều, khi nghĩ lại, hết sức kinh hãi, nhưng cũng vô cùng cảm phục:

*Thực tang, bắt được dường này,
Máu ghen ai cũng chau mày nghiêng răng.
Thế mà im chẳng đãi dàng,
Chào mời vui vẻ, nói năng dịu dàng.*

Cuộc đánh ghen quá nhẹ so với bất cứ cuộc đánh ghen nào khác trên cõi đời này. Nó tuy nhẹ nhưng đã động đến từng tiếng lòng của mỗi nhân vật. Đây là một trong những phân đoạn thể hiện rõ nhất phương thức đánh ghen độc đáo và sự thâm hiểm ở tính cách Hoạn Thư.

Hoạn Thư cũng là nạn nhân đáng thương của chế độ đa thê. Ở vào hoàn cảnh chồng ở bạc thì thị có quyền đấu tranh và dạy cho Thúc Sinh một bài học. Sự vùng đập của Hoạn Thư cũng ít nhiều có thể xem là hành động có thể xảy ra đối với những người phụ nữ khác. Cái đáng nói ở đây là, người ta có thể thông cảm cho động cơ hành động của Hoạn Thư, xong không thể chấp nhận cách hành xử của thị. Ở tầng lớp giai cấp của mình, thị có thể dàn xếp cho Kiều bước ra khỏi hôn nhân bằng phương pháp nhân từ hơn. Nhưng, trái lại Hoạn Thư lại tìm gian kế để khẳng định gia uy với một thủ đoạn đánh ghen tinh vi, thâm hiểm, hành hạ người khác một cách nghiệt ngã, nhẫn tâm.

Cái ghen của Hoạn Thư là “cái ghen tức trong lòng có công năng phá hoại rất lớn mà ai trong cuộc cũng là nạn nhân”. [7]

2.1.2. *Hoạn Thư với tính cách thông minh, biết điểm dừng, có tình cảm nhân bản*
Nguyễn Du chủ trương xây dựng nhân vật từ con người bản thể, thế nên tính cách Hoạn Thư không chỉ tồn tại sự độc ác, gian xảo, quỷ quyệt của giai cấp thống trị như trên đã phân tích mà còn tồn tại sự thông minh, có tình cảm nhân bản, có điểm dừng. Thử nhìn lại nhân vật Hoạn Thư dưới góc độ nhân sinh sẽ thấy ở Hoạn Thư sự thông minh, biết điểm dừng, có tình cảm nhân bản chứ không quá mức nghiệt ngã.

(1) Sinh ra trong một gia đình gia giáo và có thế lực, Hoạn Thư là người phụ nữ chịu sự giáo huấn tam cương, ngũ thường. Trong quan hệ gia đình biết kính trên nhường dưới và là người đàn bà sắc xảo:

Ở ăn, thì nét cũng hay

Nói điều ràng buộc thì tay cũng già

(2) Chung thủy với chồng, một đức tính cao đẹp của người phụ nữ Á Đông. Và Hoạn Thư là người phụ nữ như thế. Không vì đẳng cấp của giai cấp mình mà Hoạn Thư đánh mất phép tắc với chồng, phép tắc này được duy trì trước và sau khi Thúc Sinh cưới Thúy Kiều làm thiếp.

(3) Qua cơn thịnh nộ mãnh liệt của Thúy Kiều, Hoạn Thư cũng đã rủ lòng thương Kiều. Trong số những kẻ hành hạ Kiều, Hoạn Thư là người duy nhất biết đến cái tài, cái tình của Kiều. Tiếng đàn nã nê của Kiều có làm cho Hồ Tôn Hiến *nhãn mày rơi châu* thì cũng không có tác động gì đến cách cư xử của hắn. Còn đối với Hoạn Thư, tiếng đàn ấy lại làm cho Hoạn Thư dấy lên một tình cảm liên tài.

Có rất nhiều lần Hoạn Thư dành lời đồng cảm với tài năng và số phận nàng Kiều:
Lần thứ nhất khi Kiều mới chuyển từ nhà Hoạn bà sang nhà Hoạn Thư làm người ở:

*Tiểu thư xem cũng thương tài,
Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phân*

Lần thứ hai, Thị khen tài đánh đàn của Kiều ngay trước mặt Thúc Sinh ở cuộc chạm trán sau khi Thúc Sinh trở về:

*Rằng: Hoa nô đủ mọi tài
Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe*

Lần thứ ba:

*Vì chẳng có số giàu sang,
Giá này dẫu đúc nhà vàng cũng nên!*

Lần thứ tư, ngay khi Hoạn Thư bắt gặp Thúc Sinh và Thúy Kiều đang cầm tay nhau khóc than:

*Khen rằng bút pháp đã tinh,
So vào với thiếp Lan Đình nào thua*

Lần thứ năm, Hoạn Thư khéo léo khen Kiều tại màn báo ân, báo oán:

*Lòng riêng, riêng những kính yêu...
Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng!*

Hoạn Thư đi đến kết luận *Rằng: tài nên trọng, mà tình nên thương!* đồng ý để Kiều ra Quan Âm các *giữ chùa tụng kinh*. Với Hoạn Thư, ở Thúy Kiều tồn tại ba con người, vừa là kẻ tình địch, vừa là người tài hoa, vừa là người mắc nạn. Vậy nên, kẻ tình địch thì đáng ghét, người mắc nạn thì đáng thương, còn bậc tài hoa thì vừa thương vừa trọng. Lúc trước, *Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phân* với Kiều vì thương tài, còn hiện tại, *tài nên trọng mà tình nên thương*. Thử hỏi, nếu không có sự sáng tạo của Nguyễn Du khi xây dựng một nhân vật từ góc độ bản thể thì liệu một nhân vật như Hoạn Thư có sự liên tài và cảm thông với kẻ thù của mình đến như vậy không? Điều

này vừa làm nổi bật lên nhân cách của Hoạn Thư vừa thể hiện được cái khuôn uy của dòng họ.

(4) Rằng: *Tài nên trọng, mà tình nên thương*" đã cho Kiều ra Quan Âm các chép kinh để tránh vòng luy tục:

Áo xanh đổi lấy cà sa

Pháp danh lại đổi tên ra Trạc Tuyền"

(5) Hoạn Thư là người hiểu Kiều, Hoạn Thư đã biết trước Thúy Kiều sẽ bỏ trốn nên đã tạo điều kiện cho Thúy Kiều có lộ phí phòng thân khi để sẵn chuông vàng khánh bạc ở Quan Âm các. Khi biết tin Thúy Kiều bỏ đi mang theo chuông vàng khánh bạc Hoạn Thư không cho người truy bắt. Sau khi có người báo tin chuông vàng khánh bạc của Hoạn Thư bị Kiều lấy cắp khi bỏ trốn đang ở chùa của sư Giác Duyên, Hoạn Thư cũng không truy cứu. "Sự thật Hoạn Thư tuy là một người đàn bà ghen tuông cực độ nhưng vẫn có những hạt giống của từ tâm. Hoạn Thư đã cố tình để cho Kiều đi trốn. Và dầu biết Thúy Kiều đã ăn cắp chuông vàng khánh bạc mang theo. Hoạn Thư vẫn tha thứ, không truy nã. Nếu muốn truy nã thì chỉ trong vòng bốn năm tiếng đồng hồ là bà có thể tìm ra Kiều ở đâu và lấy lại những bảo vật đó rồi. Chính nhờ hạt giống lành đó trong tâm mà Hoạn Thư được cứu thoát sau này. Bất cứ một tâm niệm lành nào, bất cứ một hạt giống nào mình có trong lòng đều có thể nảy mầm và sinh hoa kết trái. Chỉ cần tưới tâm thôi. [7]

Trí thông minh của Hoạn Thư đặc biệt nổi bật khi Hoạn Thư gỡ án trong màn báo ân, báo oán. Ở màn báo ân, báo oán, tất cả bị cáo đều cúi đầu nhận tội, duy chỉ có Hoạn Thư dám chống án và lật được thế cờ. Hoạn Thư là người có bản lĩnh, thông minh nên tài lập luận vừa thấu tình, vừa đạt lý.

2.1.3. *Hoạn Thư nhân vật phức tạp, đa dạng, phong phú.*

Để lý giải những tranh cãi của các nhà nghiên cứu đối với nhân vật Hoạn Thư, chúng tôi mạnh dạn đưa ra những ý kiến mà chúng tôi cho là hợp lý để góp phần vào tiếp nhận nhân vật này. Dựa trên văn bản tác phẩm chúng tôi khảo sát tính hai mặt của nhân vật Hoạn Thư, dù có đôi chỗ khó có thể phân định rạch ròi nhân vật thuộc mặt này hay mặt khác nhưng chúng tôi sẽ thực hiện với thái độ nghiêm túc nhất. Tính hai mặt được xem xét ở đây là sự đối lập giữa mặt tích cực - mặt tiêu cực, giữa cái thiện - cái ác, giữa cái cao cả - thấp hèn, giữa cái trong sáng - tăm tối, giữa cái hạnh phúc - khổ đau; Soi chiếu tư duy phân loại trong văn chương nhà nho vào văn bản Truyện Kiều để đi đến kết luận Hoạn Thư là nhân vật sinh động nhất, phức tạp nhất, độc đáo nhất trong hệ thống nhân vật văn học trung đại. Với nhân vật Hoạn Thư, Nguyễn Du đã đi gần đến lối xây dựng nhân vật của chủ nghĩa hiện thực.

Quan tâm đến Hoạn Thư từ ba cấp độ: thái độ của tác giả, cấu tạo giá trị, phương tiện nghệ thuật của tư duy phân loại trong văn chương nhà nho. Trong văn chương nhà nho, tác giả bày tỏ thái độ phân minh đối với hai loại nhân vật chính diện và phản diện. Đối với nhân vật chính diện thể hiện lý tưởng thẩm mỹ của tác giả thì được khẳng định là cái đẹp, cái cao cả, cái hoàn thiện, cái lý tưởng. Đẹp thì tuyệt đối đẹp, tốt thì tuyệt đối tốt. Đối với nhân vật phản diện thì từ đầu chí cuối nhất thể phải xấu xí, đáng ghét. Sự phân biệt giữa hai loại hình nhân vật này là triệt để. Từ thái độ yêu ghét đối với nhân vật mà văn chương nhà nho đi đến cấp cho họ bảng giá trị đối lập. Ở nhân vật chính diện, bảng giá trị có liên quan đến sắc đẹp, tài năng, nhân cách cao thượng, phi thường. Về ngoại hình phải hoặc đẹp, hoặc hào hoa, hoặc phong nhã, hoặc phi thường. Về tài năng phải tập hợp hoặc những phẩm chất văn hóa tinh thần cao, hoặc những thú chơi tinh thần cao quý. Về lý tưởng thì vươn đến những giá trị tinh thần siêu việt. Còn ở nhân vật phản diện, họ không có điểm nào được nhắc đến trong bảng giá trị mà còn là kẻ thù của tài năng, của giá trị. Đối với nhân vật chính diện, văn chương nhà nho miêu tả bằng bút pháp ước lệ, tượng trưng thể hiện sự trân trọng của tác giả đối với

những con người có lối sống, đạo đức phù hợp với quan điểm đạo đức phong kiến và nhân dân. Ở nhân vật phản diện, văn chương nhà nho đặt họ vào địa hạt của cuộc sống hàng ngày, miêu tả chúng sao cho cụ thể, giống với thực.

Trên nền tảng lý thuyết tư duy phân loại chúng tôi soi chiếu nhân vật Hoạn Thư qua các chi tiết trong Truyện Kiều:

STT	Tư duy phân loại	Văn bản Truyện Kiều
1	Thái độ của tác giả	<p>Nhìn tư văn bản tác phẩm, Nguyễn Du mặc dù đã dùng những ngôn ngữ chân thực để thể hiện bản chất nhân vật Hoạn Thư như cái cách ông khen cái <i>tài</i> của Hoạn Thư theo nghĩa phủ định:</p> <p><i>Nghĩ càng thêm nổi sơn gai rụng rời!</i> <i>Nghe thôi kinh hãi xiết đâu:</i> <i>Đàn bà thế ấy thấy âu một người!</i> <i>Ấy mới gan ấy mới tài.</i></p> <p>Hay trường hợp:</p> <p><i>Bề ngoài thon thót nói cười,</i> <i>Mà trong nham hiểm giết người không đao</i></p> <p>Nhưng không thể phủ định được cái nhìn tôn trọng của Nguyễn Du với nhân vật phản diện, khi ông dùng đại từ xưng hô “<i>tiểu thư</i>” dài các dành cho Hoạn Thư.</p> <p><i>Kết luận về thái độ của Nguyễn Du đối với nhân vật Hoạn Thư: Ở cấp độ này, thái độ của Nguyễn Du đối với Hoạn Thư là có cảm</i></p>

		ghét, khinh miệt nhưng chưa triệt để.
2	Cấp độ cấu tạo giá trị	<p>Về ngoại hình: Mặc dù không trực tiếp miêu tả ngoại hình nhân vật Hoạn Thư nhưng qua ngôn ngữ của Thúy Kiều ta hoàn toàn có thể nhận xét rằng Hoạn Thư là một người có ngoại hình xinh đẹp, đài các.</p> <p>Về tài năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phẩm chất văn hóa tinh thần cao qua những cảnh thưởng thức tiếng đàn của Thúy Kiều. + Một nhân vật thông minh, sắc sảo, trí tuệ thể hiện qua cách thức đánh ghen, cách thức gỡ tội trong màn báo oán do Kiều thiết lập. <p>Về nhân cách:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhân cách sống của Hoạn Thư cần được phê phán cái việc trả thù dã man, thâm hiểm mà thị đối xử với Thúy Kiều là hành động không thể chấp nhận được. Nhưng không phải vì thế mà phủ nhận sự cảm thông, liên tài của Hoạn Thư đối với Thúy Kiều. Khác với nhân vật Hồ Tôn Hiến, sau khi nghe tiếng đàn của Thúy Kiều cũng không mấy may có thay đổi trong cách cư xử, nhưng Hoạn Thư đã thương tài Thúy Kiều mà bớt cay nghiệt hơn. Hoạn Thư không phải là kẻ thù của tài năng khi nhiều lần khen ngợi Kiều có tài như đã thống kê ở

		<p>phần trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày thì ở vào <i>khuôn phép, nói ra mới giường</i> + Cho Kiều ra Quan Âm các chếp kinh để không phải làm người ở. + Tạo điều kiện để Kiều bỏ trốn. Điều này tất nhiên dẫn tới hành động không cho người đuổi theo bắt Kiều về. + Tạo điều kiện để Thúy Kiều có lộ phí đi đường, khi biết trước Kiều bỏ trốn sẽ lấy đi chuông vàng khánh bạc mà Hoạn Thư vẫn để ở Quan Âm các. Và khi có người báo chuông vàng khánh bạc đã bị Kiều lấy cắp thì Hoạn Thư cũng không truy cứu. <p>Về lý tưởng: Hoạn Thư hướng tới bảo vệ gia đình mình là điều bất cứ người phụ nữ nào cũng nên làm <i>Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai</i>, điều đáng lên án là cách thức trả thù của Hoạn Thư quá thâm hiểm và độc ác.</p> <p><i>Kết luận về cấp độ cấu tạo giá trị:</i> Với các cấp độ được nêu trên đây thì việc đi đến kết luận nhân vật Hoạn Thư hoàn toàn xấu e rằng còn nhiều quan ngại.</p>
		<ul style="list-style-type: none"> + Không dùng hình ảnh thiên nhiên để xây dựng nhân vật Hoạn Thư; + Không dùng bút pháp trào phúng để xây dựng nhân vật Hoạn Thư;

3	Hệ thống các phương tiện nghệ thuật	<p>+ Dùng từ Hán Việt miêu tả nhân vật Hoạn Thư như <i>nhà hương, cao cuốn bức là, thiên quan trủng tử, tiểu thư,...</i> Ít nhiều đã thể hiện sự nể nang, còn tôn trọng đối với Hoạn Thư và gia đình quan Lại bộ.</p> <p><i>Kết luận về các hệ thống các phương thức biểu hiện:</i> Hoạn Thư được xây dựng qua phương pháp nghệ thuật dành cho nhân vật phản diện nhưng chưa triệt để.</p>
---	-------------------------------------	--

Từ những phân tích trên, Hoạn Thư có những nét lưỡng diện nhưng không vì thế mà có thể xếp Hoạn Thư vào loại hình nhân vật trung gian, nhưng cũng không vì thế mà Hoạn Thư không thuộc loại hình nhân vật phản diện. Mà có chăng nên gọi Hoạn Thư là nhân vật của hiện thực cuộc sống, gần với các nhân vật trong các tác phẩm hiện thực như Chí Phèo, Bá Kiến... Hoạn Thư đã trở thành nhân vật tính cách, *vừa cái tầm thường, vừa cái cao cả, vừa cái buồn cười lẫn cái nghiêm túc* (Bakhtin). Sự đa chiều, phức tạp, phong phú của nhân vật Hoạn Thư thực đã khiến cho nó không chỉ là đại diện cho một “diện” nào nữa mà nhiều khi là tất cả. Ý nghĩa của nhân vật nằm ngay ở chỗ đó. Ở Hoạn Thư tồn tại cả mặt tích cực và mặt tiêu cực. Hoạn Thư không chỉ là tội nhân mà là nạn nhân chế độ đa thê, là sản phẩm tất yếu của xã hội phong kiến.

MiLan Kundra nói: “Con người là hiển minh của lương lự”. Bên trong mỗi bản thể ấy bao giờ cũng tồn tại hai mặt đối lập: đẹp - xấu, thiện - ác, cao cả - thấp hèn, trong sáng - tăm tối, hạnh phúc - khổ đau... Con người có lúc là thần thánh song cũng có lúc là quỷ dữ. Ai dám bảo một người lương thiện không có lúc suy nghĩ đê tiện? Ai dám bảo một người độc ác lại không có lúc lấp lánh trong tâm hồn ánh sáng của thiên lương. Và Hoạn Thư là một nhân vật như thế!

Không đặt vấn đề về có hay không chủ nghĩa hiện thực ở Truyện Kiều, tuy nhiên để yêu cầu của luận văn được thể hiện đầy đủ và trọn vẹn nhất, chúng tôi đi xem xét

chủ nghĩa hiện thực được thể hiện ở nhân vật chính Hoạn Thư như thế nào. Với nhân vật Hoạn Thư, Nguyễn Du đã có đóng góp gì và đã đi đến chủ nghĩa hiện thực hay chưa?

Thiết nghĩ, xét một truyện ngắn tiêu biểu cho khuynh hướng chủ nghĩa hiện thực trong văn học hiện đại để tiện so sánh với Truyện Kiều là một gợi ý quan trọng. Ở đây, chúng tôi chọn hai nhân vật điển hình trong truyện Chí Phèo của Nam Cao là nhân vật cùng tên - Chí Phèo và Bá Kiến, đại diện của hai giai cấp đối kháng nhau. Nam Cao đã thật sự thành công khi xây dựng được tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình. Ông đã miêu tả được hoàn cảnh điển hình khi tái hiện được đúng điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội, quan hệ giai cấp trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Hoàn cảnh này tồn tại một cách khách quan, không phụ thuộc vào ý chí con người. Là nhà văn trung thành với chủ nghĩa hiện thực, Nam Cao quan tâm trước hết tới việc đi sâu thể hiện tình cảnh khốn khổ của người nghèo bị áp bức, đặc biệt là Chí Phèo. Tác phẩm gây ấn tượng đậm nét về bức tranh đời sống xã hội nông thôn. Đó là hệ thống tôn ti trật tự của làng Vũ Đại; là tình trạng khép kín của làng xã phong kiến. Đặc biệt nó đã phơi bày các mối quan hệ xã hội phức tạp của hiện thực, đã miêu tả trung thực những quan hệ thực giữa giai cấp địa chủ phong kiến mà đại diện là Bá Kiến và giai cấp nông dân mà đại diện là Chí Phèo. Một điểm cần lưu ý ở những nhân vật này về tính chủ nghĩa hiện thực là Nam Cao đã xây dựng các nhân vật từ chất liệu của hiện thực. Chí Phèo không phải là người xấu, mà là nạn nhân của xã hội phong kiến đương thời. Chí là biểu hiện lưỡng diện, trung gian của một con người. Đằng sau con quỷ dữ của làng Vũ Đại, dưới ngòi bút hiện thực của Nam Cao, Chí hiện lên như một người nông dân khao khát một cuộc sống lương thiện. Cũng trên tinh thần đấy, nhìn nhân vật Bá Kiến dưới quan điểm nhân học văn hóa để thấy rằng ở Bá Kiến không chỉ tồn tại những đặc điểm của sự độc ác mà cần thấy được những hành động nhân đạo của Bá Kiến đối với Chí Phèo qua chi tiết cho Chí Phèo một tấc đất cắm dùi. Và từ nhân vật này sẽ đưa ra được những bài học kinh nghiệm sống quý báu như *mềm nắn, rắn buông, bám thẳng có tóc*,

ai bám thẳng trục đầu, thứ nhất sợ kẻ anh hùng, thứ nhì sợ kẻ cố cùng liều thân. “Tất cả chúng ta, giặc ngộ nào cũng có những hạt giống tốt và xấu. Chúng ta phải chấp nhận nhau và giúp đỡ nhau để những hạt giống tốt trong nhau phát triển và những hạt giống xấu ngày một yếu dần đi. Rồi những Tú Bà, Mã Giám Sinh, Ưng, Khuyển... đừng nói đó là những phường vô lại. Chúng ta cũng có hạt giống của họ. Mỗi người Việt đều có hạt giống của Lý Thường Kiệt, Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông... mà cũng có hạt giống của Trần Ích Tắc, Hồ Quý Ly... Nếu sống trong một môi trường không thuận lợi thì chúng ta sẽ thành ra Trần Ích Tắc. Và nếu được sống trong một hoàn cảnh gia đình và xã hội thuận lợi thì chúng ta sẽ thành ra những Lê Thái Tổ, Trần Thái Tông. Đừng nghĩ rằng bọn Sở Khanh, Ưng, Khuyển, Tú Bà là nên đem đi chém hết. Phải thấy rằng hoàn cảnh giáo dục, gia đình và xã hội của họ đã đưa họ tới chỗ đó. Chúng ta phải có lòng từ bi với những người này và phải chăm sóc họ một cách đặc biệt. [7]

Nguyễn Du đã rất thành công trong xây dựng hình tượng nhân vật, không chủ trương xây dựng hình tượng nhân vật tốt thì luôn luôn tốt, nhân vật xấu thì luôn xấu, nhân vật ác thì luôn ác... nên Nguyễn Du đã đến gần với chủ nghĩa hiện thực khi xây dựng các nhân vật giống với con người trong cuộc sống. Nhất thể là con người thì được nhìn nhận dưới khía cạnh bản thể luận, với những suy nghĩ và hành động tại những thời điểm khác nhau sẽ không thể chỉ có những đức tính như kiêu tuyệt đối tốt, hoặc tuyệt đối xấu. Nhân vật Hoạn Thư ở đây đã được Nguyễn Du xây dựng theo nguyên tắc này. Đối với nhân vật Hoạn Thư, Nguyễn Du không phân tuyến triệt để và đặt Hoạn Thư trong các trường đoạn xung đột, hay mâu thuẫn thì phát triển tự nhiên mà không chịu ảnh hưởng của bất cứ tuyến nhân vật nào, nó không bất biến mà luôn có sự thay đổi, đổi tuyến giữa các loại hình nhân vật.

Trong *Truyện Kiều*, cặp vợ chồng Thúc Sinh - Hoạn Thư có bề dày và gần gũi với nhân vật của chủ nghĩa hiện thực hơn. Cả hai đều mang bản chất giai cấp rất rõ rệt: Hoạn Thư mang bản chất giai cấp thống trị, Thúc Sinh mang bản chất của giai cấp

thương nhân tìm cách củng cố sức mạnh bằng cách kết thân với tầng lớp thống trị. Nhân vật Thúc Sinh mang đậm bản chất của giai cấp xuất thân. Theo thứ bậc của xã hội phong kiến, tầng lớp thương nhân là tầng lớp có thứ bậc thấp nhất, mặc dù chúng có tiền. Để củng cố quyền lực của giai cấp, Thúc Sinh đã chọn cách kết hôn với Hoạn Thư. Nhưng trước sau Hoạn Thư, Thúc Sinh vẫn mang bản chất của giai cấp vừa yếu đuối, vừa nhu nhược và trí tuệ thấp kém. Cũng như Hoạn Thư, Nguyễn Du có phần nương tay với nhân vật này bởi sự chuyển biến tình cảm đối với Thúy Kiều. Nguyễn Du không lên án đả kích hai nhân vật này, mặc dù vẫn làm nổi bật bản chất nhân vật qua một vài nét ngoại hình nhưng hai nhân vật Hoạn Thư và Thúc Sinh hiện lên không tiêu cực hẳn. Tính cách hai nhân vật này đã có những điểm gần với các nhân vật của chủ nghĩa hiện thực. Như vậy, xét về phương diện ý thức hệ và quan điểm phản ánh hiện thực, Nguyễn Du đã có những tiên bộ so với thời đại, song Nguyễn Du vẫn chưa vượt ra khỏi tư tưởng, quan điểm thẩm mỹ phong kiến. Điều này hạn chế nhà thơ tiến tới địa hạt của chủ nghĩa hiện thực.

Sức sống của nhân vật Hoạn Thư là sự sinh động của sự miêu tả và là ý nghĩa điển hình mà nó khái quát. Nguyễn Du đã xây dựng thành công nhân vật Hoạn Thư và có sức sống lâu bền đều là những nhân vật có giá trị điển hình sâu sắc. Nhân vật Hoạn Thư là loại nhân vật không chịu nằm yên trên trang sách mà đã bước từ trang sách ra giữa cuộc đời.

2.2. Hoạn Thư trong tư cách người phụ nữ và người quý tộc

2.2.1. Bi kịch của Hoạn Thư trong tư cách người phụ nữ

2.2.1.1. Bi kịch của Hoạn Thư trong quan hệ với chồng - Thúc Sinh

Tính cách nhân vật Hoạn Thư sẽ không thật sự trở nên điển hình khi không đặt nó trong một hoàn cảnh điển hình. Và số phận của nhân vật Hoạn Thư không trở nên bi kịch khi không đặt trong mối quan hệ với Thúc Sinh và Thúy Kiều.

Xét về mối quan hệ giữa các nhân vật, nhà nghiên cứu Lê Đình Kỵ có viết chính vì tính cách nhân vật ảnh hưởng lẫn nhau và quy định cho nhau cho nên ta có thể hiểu

nhân vật này thông qua nhân vật kia và ngược lại. Con người không thể tồn tại tách rời xã hội, nói cách khác con người luôn phải sống trong một môi trường nhất định và bản chất con người luôn được bộc lộ thông qua những mối quan hệ trong môi trường ấy.

K.Marx đã từng nói *con người là tổng hòa những mối quan hệ trong xã hội*, tức con người sống là hiện thực mình trong hàng loạt các mối quan hệ xã hội. Chính vì vậy, tính cách của con người luôn vận động, biến đổi theo quy luật của mối quan hệ giữa tính cách và hoàn cảnh. Nó sẽ không phải là một trạng thái bất biến. Không phủ nhận rằng trên thực tế sẽ luôn có sự đối lập giữa cái tốt và cái xấu, thiện và ác, thông minh và ngu dốt. Nhưng không phải vì thế mà một người tốt thì tất cả những gì biểu hiện ở anh ta là tốt và ngược lại một người xấu xa thì tất cả những gì biểu hiện ở anh ta là xấu xa. Trong quan niệm nhà nho, thay bằng quan tâm đến hiện thực cuộc sống họ đã đi vào lối phân loại cực đoan, công thức, một chiều. Họ đơn giản hóa cái nhìn con người, không quan tâm đến sự thay đổi, vận động của tính cách dưới tác động của hoàn cảnh. Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du không làm thế. Thay cho con người bất biến là những con người sinh động, chân thật như chính cuộc sống.

Từ tư duy nhìn nhân vật một chiều, dẫn đến tư tưởng nghiên cứu ở một số cây bút không tránh khỏi chủ quan, cái nhìn một chiều khi tiếp cận Truyện Kiều. Cần đặt tác phẩm trong hoàn cảnh cụ thể mới tránh được những kết luận chưa đúng mà nguyên nhân của nó xuất phát từ chỗ hiện đại hóa tác phẩm, hiểu sai tác phẩm và không thấy được sự sống động, sự chuyển hóa trong tính cách nhân vật.

Nhìn nhân vật Hoạn Thư mà không đặt trong hoàn cảnh điển hình của từng phân đoạn sẽ không thấy được sự sáng tạo của Nguyễn Du khi xây dựng nên nhân vật này.

Trong mối quan hệ với Thúc Sinh, phần nhiều cho thấy Hoạn Thư là nạn nhân, là bị kịch, bởi (1) một cuộc sống hôn nhân tẻ nhạt, không có tình yêu, không được chồng yêu; (2) chồng phụ bạc, lừa dối; (3) nạn nhân của chế độ đa thê; (4) chồng bỏ rơi trong hoạn nạn.

Thúc Sinh và Hoạn Thư là vợ chồng có hôn ước theo đúng lễ giáo phong kiến, gia đình Hoạn Thư lại thuộc dòng dõi quan gia cao cấp. Bản thân Hoạn Thư là cô gái xinh đẹp sắc sảo thông minh có học thức. Còn Thúc Sinh xuất hiện trong *Truyện Kiều*:

Khách du bồng có một người

Kì tâm họ Thúc vốn nòi thư sinh

Một Thúc Sinh *nòi thư sinh* chính là một thanh niên lý tưởng của thời Nho học, và cặp đôi Thúc - Hoạn theo lẽ thường là một cặp đôi phù hợp với đạo đức phong kiến. Nhưng quan hệ vợ chồng giữa Thúc Sinh và Hoạn Thư không hề bình thường bởi nó bị mối quan hệ mang tính đẳng cấp chi phối. Thúc Sinh chưa bao giờ là một người chồng theo đúng nghĩa. Trong gia đình danh gia vọng tộc Lại bộ và người vợ thông minh Hoạn Thư, Thúc Sinh là một anh chàng thấp kém về cả trí tuệ và bản lĩnh. Sự đối lập - tương phản về tính cách giữa vợ chồng Thúc - Hoạn là nguyên nhân dẫn đến bi kịch cay đắng của Hoạn Thư, đó là nỗi đau của người đàn bà danh giá có chồng không được chồng yêu, mà còn bị phụ bạc. Đây là một nguyên nhân quan trọng khiến cho Hoạn Thư không chiếm được trái tim Thúc.

Dưới ngòi bút Nguyễn Du, cuộc tình Kiều - Thúc càng say đắm, nồng nàn và đẹp đẽ bao nhiêu thì tình cảm vợ chồng Thúc - Hoạn nhạt nhẽo, vô vị bấy nhiêu:

Người lên ngựa kẻ chia bào,

Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san.

Dặm hồng bụi cuốn chinh an,

Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.

Người về chiếc bóng năm canh,

Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.

Vàng trăng ai xẻ làm đôi,

Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường.

Nếu như Nguyễn Du đã dành biết bao câu thơ hay để đặc tả mối tình Kiều - Thúc thì tình cảm vợ chồng Thúc - Hoạn sau bao ngày gặp lại chỉ được ông miêu tả trong một dòng lục bát:

Lời tan hợp nỗi hàn huyên,

Chữ tình càng mặn chữ duyên càng nồng.

Tình cảm Thúc Sinh dành cho Hoạn Thư chỉ có bấy nhiêu. So với Thúy Kiều, Hoạn Thư phải chịu nhiều thiệt thòi. Vì thông minh và nhạy cảm, Hoạn Thư lại ý thức rất rõ điều này và đó trở thành một nỗi đau thường trực. Thúc Sinh yêu Kiều bao nhiêu thì điều đó càng chứng tỏ chàng phụ bạc Hoạn Thư bấy nhiêu. Khi từ biệt Kiều để về thăm vợ, chàng bịn rịn, đau khổ bao nhiêu thì khi chia tay với Hoạn Thư chàng vui mừng, hạnh phúc bấy nhiêu:

Được lời như cởi tác son,

Vó câu thẳng ruổi nước non quê người.

Như vậy, trong mối tình tay ba Kiều - Thúc - Hoạn, Nguyễn Du dựng nên nhiều sự đối lập và sự đối lập ấy đã làm tăng tính chất bi kịch ở Hoạn Thư.

Ở đoạn Kiều báo ân, báo oán, bằng cách lược bỏ một số chi tiết trong nguyên tác, Nguyễn Du đã đẩy bi kịch của Hoạn Thư lên tới đỉnh điểm. Đó là bi kịch của người đàn bà trong hoạn nạn bị chồng bỏ rơi. Trong *Kim Vân Kiều truyện*, sau khi được Kiều báo ân, Thúc Sinh đã chủ động xin Thúy Kiều tha cho vợ mình: “Kính bẩm phu nhân! Con vợ ngu xuẩn của tôi dù muôn lần chết cũng là đáng tội. Xong Thúc Thủ này đã được phu nhân ân xá, vậy đối với vợ tôi, cũng xin rộng lòng từ bi, mở cho một con đường sống.”

Khi bị Thúy Kiều căn vặn, Thúc Sinh còn dám nhắc lại ơn cũ của vợ mình dành cho Thúy Kiều để hi vọng cứu được vợ: “Gác Quan Âm viết kinh, phu nhân quên rồi à?” Như thế, dù sao chàng Thúc trong *Kim Vân Kiều truyện* vẫn còn nhớ đến tình nghĩa vợ chồng, đến trách nhiệm làm chồng của mình. Lời nói của Thúc Sinh vẫn còn hàm chứa tình cảm đối với Hoạn Thư.

Trong *Đoạn trường tân thanh*, Nguyễn Du đã dựng nên một chàng Thúc khúm núm, sợ hãi đến thảm hại khi được Kiều đền ơn:

*Cho gươm mời đến Thúc lang,
Mặt như chàm đỏ, mình dường dễ run.
Khi nghe Kiều nói sẽ trị tội vợ mình:
Vợ chàng quý quái tinh ma,
Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau.
Kiến bò miệng chén chưa lâu,
Muru sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa.*

Thúc Sinh chẳng những không xin cho vợ mà sợ hãi: *Mồ hôi chàng đã như mưa ướt đầm*. Hoạn Thư phải một mình đối phó với Kiều. Hành động này của Thúc Sinh chứng tỏ chàng không những là người hèn kém, nhu nhược mà còn là kẻ bạc tình, bạc nghĩa. Thúc đã bỏ rơi Hoạn vào lúc gian nguy nhất của cuộc đời nàng. Bằng cách xây dựng lại mối quan hệ vợ chồng Thúc - Hoạn trong *Đoạn trường tân thanh*, Nguyễn Du đã chứng tỏ Hoạn Thư là một nhân vật bi kịch. Trong *Đoạn trường tân thanh*, Nguyễn Du từng viết:

*Đau đớn thay, phận đàn bà,
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.*

Đó chính là lời khẳng định, sự tổng kết đầy đau xót của Nguyễn Du về số phận người phụ nữ trong xã hội cũ. Với hình tượng nhân vật Hoạn Thư trong tác phẩm của mình, Nguyễn Du đã chứng minh quy luật ấy là đúng với bất kì ai.

2.2.1.2. Bi kịch của Hoạn Thư trong quan hệ với Thúy Kiều

Xét từ văn bản *Truyện Kiều*, Hoạn Thư và Thúy Kiều là hai nhân vật vô cùng hiểu nhau. Vì là phụ nữ nên Thúy Kiều và Hoạn Thư hiểu rõ bi kịch của chính mình và đối phương. Vì là người có tài nên Thúy Kiều và Hoạn Thư có cái nhìn tôn trọng và đề cao đối phương. Nhà nghiên cứu Đông Hồ, trên cơ sở phân tích sự thấu hiểu của Hoạn Thư và Thúy Kiều về các phương diện trên đã đi đến kết luận hai nhân vật này là *tri kỷ*

Hoạn Thư hiểu được nỗi đau của Thúy Kiều nên dưới cái nhìn của Hoạn Thư, Thúy Kiều vừa là kẻ tình địch, vừa là người tài hoa, vừa là người mắc nạn. Cái nhìn này quyết định thái độ của Hoạn Thư đối với Thúy Kiều: Là tình địch thì đáng ghét, nhưng xét đến cùng Thúy Kiều cũng như Hoạn Thư đều là nạn nhân của chế độ đa thê, nan nhân của quan điểm *trai năm thê, bảy thiếp*; Là người tài hoa thì đáng trọng, điều này đã được thể hiện qua số lần Hoạn Thư ca ngợi tài năng nghệ thuật của Thúy Kiều; Là người mắc nạn thì đáng thương, nên Hoạn Thư đã để Kiều *khỏi cửa* mà không truy bắt. Đặc biệt, Hoạn Thư hiểu rõ tâm lý Thúy Kiều và tinh thần nhân đạo nên đã thay đổi được kết cục số phận tại màn báo ân, báo oán.

Hiểu rõ một người, trong lòng lại chất chứa đầy sự cảm thông và yêu mến người ấy mà vẫn phải hành xử với nhau như kẻ thù. Tri ngộ, gia ân nhưng bề ngoài phải tỏ ra lạnh lùng và tàn nhẫn, Hoạn Thư không được sống đúng là mình, luôn phải kìm nén, phải giết chết những tình cảm thật trong lòng mình. Đó chính là bi kịch của Hoạn Thư trong mối quan hệ với Thúy Kiều. Trong những giờ phút được sống thật với mình, sống đúng là mình với Kiều, ta thấy giữa Hoạn Thư và Thúy Kiều quả có mối tri ngộ.

Về Thúy Kiều, nàng đã hiểu về tâm lý người phụ nữ quý tộc ở Hoạn Thư khi khuyên Thúc Sinh về nói rõ sự tình:

*Thế trong dù lớn hơn người,
Trước hàm sư tử gửi người đặng la.
Cúi đầu luôn xuống mái nhà,
Dám chua lại tội bằng ba lửa nòng.
Xin chàng kíp liệu lại nhà,
Trước người đẹp ý, sau là biết tình.
Đêm ngày giữ mực giấu quanh,
Rày lặn, mai lửa như hình chưa thông!*

Thúy Kiều đã lường trước chuyện đánh ghen như một cái gì tất yếu khó tránh khỏi. Kiều đã cảnh báo cho Thúc Sinh về việc chồng giấu giếm vợ cả và hậu quả của

nó. Kiều tự biết mình có lỗi khi ăn ở với Thúc Sinh. Về khía cạnh này, Thích Nhất Hạnh đã nhận xét “Thúy Kiều như một nhà tiên tri, biết trước những gì sẽ xảy ra và nói rõ cho Thúc Sinh những điều cần phải làm”. [7]

*Trộm nghe kẻ lớn trong nhà,
Ở vào khuôn phép nói ra mỗi giường.
E thay những dạ phi thường,
Để dò rón bề khôn lường đáy sông.
Mà ta suốt một năm dòng,
Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào.
Bấy chầy chưa tỏ tiêu hao,
Hoặc là trong có làm sao chẳng là?*

Kiều hiểu đúng tâm lý người phụ nữ của Hoạn Thư. Ở vào hoàn cảnh chồng có thêm thiếp thì ghen tuông là chuyện bình thường. Kiều còn hiểu rõ Hoạn Thư là một người phụ nữ thông minh, sắc sảo, có tài ăn nói. Có duy nhất một điều, Thúy Kiều không lường trước được Hoạn Thư đó là cách hành xử mang tâm lý giai cấp quý tộc. Là một người phụ nữ khuê các, sống trong sự bao bọc của gia đình, mặc dù sau khi mắc nạn đã trải qua muôn vàn điều đau khổ nhưng Thúy Kiều vẫn chưa thể biết được được bản chất độc ác và xảo trá của giai cấp thống trị.

2.2.2. Nỗi đau của Hoạn Thư trong tư cách một người thuộc tầng lớp quý tộc

2.2.2.1. Nỗi đau của Hoạn Thư trong tư cách một tầng lớp quý tộc

Đọc toàn bộ trích đoạn có liên quan đến nhân vật Hoạn Thư, chúng ta có thể thấy rằng bản chất giai cấp được thể hiện thống nhất trong tính cách nhân vật Hoạn Thư. Từ cách Nguyễn Du để nhân vật xuất hiện trong tác phẩm đến cách Nguyễn Du để ngôn ngữ của Thúy Kiều, ngôn ngữ người kể chuyện, ngôn ngữ Thúc Sinh, ngôn ngữ người quản gia và ngôn ngữ của chính nhân vật Hoạn Thư. Tuy nhiên, dù qua hình thức nào, qua lời nói của nhân vật nào thì bản chất giai cấp luôn được gắn liền với sự xuất hiện của Hoạn Thư. Đặc biệt, phương thức đánh ghen của Hoạn Thư cũng mang đậm bản

chất giai cấp. Nói thế để ta hiểu rằng, đối với Hoạn Thư bản chất giai cấp được thể hiện sâu sắc như thế nào.

Nếu nỗi đau mang tâm lý người phụ nữ của Hoạn Thư được biết đến thông qua bi kịch hôn nhân với Thúc Sinh thì cũng xuất phát từ mối quan hệ đẩy dẩy lên một nỗi đau mang tâm lý quý tộc. Vì là người phụ nữ quý tộc thuộc tầng lớp thống trị phong kiến nên đã có một cuộc hôn nhân không có tình yêu. Giả sử Hoạn Thư không phải là một cô gái con quan Lại bộ, thì rất có thể Hoạn Thư có được một cuộc hôn nhân đẹp là kết quả của tình yêu như mối tình Kiều - Kim. Một tình yêu đúng nghĩa. Nhưng chính cái xã hội phong kiến, chính cái quan niệm kết tóc xe duyên của chế độ phong kiến đã khiến Hoạn Thư rơi vào số phận trớ trêu. Là một người phụ nữ thông minh, có lẽ nghĩa, gia giáo, nếu sống trong một xã hội phát triển, số phận Hoạn Thư sẽ không có những nỗi đau. Nỗi đau của người phụ nữ có chồng mà không được chồng yêu, có chồng mà cũng như không. Căn nguyên nỗi đau của Hoạn Thư xét đến cùng là do xã hội, do bản chất của xã hội phong kiến với những hủ tục, những định kiến, những quan niệm lạc hậu, giết chết những con người cá nhân mà đề cao cái đạo lý phù phiếm. Chính vì cái xã hội thiếu công lý đó là nguyên nhân đẩy Kiều đến với sự đau khổ, bất hạnh.

Sự ghen tuông của Hoạn Thư là điển hình cho sự ghen tuông của người phụ nữ nói chung, nhưng sự ghen của Hoạn Thư mang nhiều sắc thái của người phụ nữ quý tộc được soi chiếu dưới quan điểm giai cấp. Bản chất là con quan Lại bộ, là một con người cụ thể của một giai cấp cụ thể. Không phải ngẫu nhiên mà từ đầu chí cuối Nguyễn Du không có một từ ngữ nào nói về tình yêu của Hoạn Thư và Thúc Sinh, cũng không có một từ ngữ nào nói về Hoạn Thư vì yêu chồng mà đánh ghen và trả thù chồng. Ở đây chúng tôi không bàn đến ý đồ của tác giả đương thời mà chỉ muốn nhấn mạnh rằng, thông qua những ngôn ngữ được thể hiện để đi đến kết luận hành động ghen của Hoạn Thư mang tính duy lý và bảo vệ quyền uy giai cấp. Thay vì cảm thấy tình yêu bị người khác cướp đoạt, bị tổn thương mà có những hành động bộc phát cảm tính là một Hoạn

Thư lý trí, nham hiểm, xảo hoạt. Sự ghen của Hoạn Thư không có chỗ nào là ghen vì cảm thấy tình yêu bị mất mát mà là một kế hoạch ghen tuông mưu mô, chi tiết và logic. Xã hội phong kiến đương thời chấp nhận việc đàn ông có năm thê bảy thiếp. Hoạn Thư sống trong môi trường đó, được giáo dục dưới quan điểm đó, thì việc Thúc Sinh lấy thêm vợ là điều có thể xảy ra. Nhưng với Hoạn Thư, cái quan trọng không phải là chuyện Thúc Sinh lấy Kiều làm thiếp mà là sự vụng trộm, che giấu, không xin phép, làm giảm uy phong vốn có của thị. Thị quan trọng, đề cao cái quyền uy của gia đình, của giai cấp nên một khi bị chồng “vượt mặt” thì thị sẽ thể hiện rõ *máu ghen lạ đời* của riêng thị mà chúng ta không thể thấy được ở những nhân vật khác trong lịch sử văn học dân tộc. Và đó cũng trở thành nỗi đau thường trực trong tâm can Hoạn Thư.

2.2.2.2. Cách hành xử thể hiện cơn ghen mang tâm lý quý tộc của Hoạn Thư

Tính cách mang một bản sắc riêng, độc đáo của một con người cá biệt, cụ thể, nhưng lại mang những nét chung, tiêu biểu cho nhiều người khác ở một mức độ nhất định, đồng thời nó có một quá trình phát triển hợp với logic cuộc sống.

“Tính chung hay còn gọi là tính khái quát, tính phổ biến của tính cách là sự tổng hợp và nâng cao những nét tiêu biểu có ở nhiều người cùng một nghề nghiệp, giới tính, tuổi tác, giai cấp, dân tộc, thời đại... với tính cách đó; trong những biểu hiện ấy, tính chung về mặt giai cấp là quan trọng nhất, vì nó quyết định bản chất xã hội của tính cách.”[24, tr.164]

Chính vì tính chung về mặt giai cấp là quan trọng nhất khi quyết định bản chất nhân vật. Bản chất giai cấp ở nhân vật Hoạn Thư trong *Truyện Kiều* là yếu tố quan trọng tạo nên sự đa dạng, phức tạp, phong phú ở nhân vật này. Vậy nên tính cách và cách hành xử thể hiện cơn ghen mang tâm lý quý tộc của nhân vật Hoạn Thư thể hiện rõ biểu hiện của giai cấp thống trị phong kiến: (1) *gia đình có gia giáo*, (2) *con người tri thức, thông minh*, (3) *con người độc ác, thâm hiểm*, (4) *không có sự công bằng về công lý*. Hoạn Thư được sinh ra và lớn lên trong gia đình con quan Lại bộ thượng thư,

được dạy dỗ khuôn phép lễ nghĩa, biết kính trên nhường dưới. Được học tập tri thức để có cái nhìn và cách hành xử mang đúng tâm của giai cấp thống trị như:

*Ban ngày, sát thấp hai bên,
Giữa giường thất bảo, ngồi trên một bà.*

Vì thế nên Hoạn Thư rất thông minh, thông minh thể hiện ngay ở cách đánh ghen *nhẹ như bấc*, mà vẫn làm cho nhân vật đau khổ, sợ hãi:

*Làm cho nhìn chẳng được nhau,
Làm cho đầy đọa cát đầu chẳng lên!
Làm cho trông thấy nhãn tiền,
Cho người thăm ván, bán thuyền biết tay.*

Và trí thông minh một lần nữa được khẳng định khi Hoạn Thư đã thay đổi số phận của mình trong màn báo ân, báo oán do Kiều thiết lập.

Thể hiện quyền lực của giai cấp, dưới sự giúp đỡ của Hoạn bà, Hoạn Thư đã lên kế hoạch đốt nhà, bắt Kiều về hành hạ. Giả sử, Hoạn Thư không thuộc giai cấp thống trị thì khó có cách hành xử thể hiện con ghen độc ác đến như vậy và cũng khó có thể nghĩ ra cách trả thù nhẹ nhàng mà đau đớn đến như vậy - *nghĩ càng thêm nổi sồn gai rụng rời*:

*Phu nhân khen chước rất màu,
Chiều con, mới dạy mặc dầu ra tay,
Sửa sang buồm gió, lèo mây.
Khuyến, Ưng lại đưa một bầy côn quang
Dặn dò hết các mọi đường,
Thuận phong một lá vượt sang biển tề
...Dưới hoa dật lữ ác nhân,
Âm âm khóc qui, kinh thần mọc ra!
Thất kinh, nàng chữa biết là làm sao?
Thuốc mê đâu đã tưới vào,*

*Mơ màng như giấc chiêm bao biết gì?
Vực ngay lên ngực tức thì,
Phòng đào, viện sách, bốn bề lửa rong;
Sẵn thây vô chủ bên sông,
Đem vào để đó, lặn sông ai hay?*

“Đốt nhà, bắt cóc Thúy Kiều, bỏ một tử thi chết đuối bên sông vào đám cháy để giả bày một vụ rủi ro hỏa hoạn. Ngọn lửa trong tâm Hoạn Thư bây giờ đã phát hiện ra thành đám cháy ở nhà Thúy Kiều. Một niệm ghen tức trong lòng có công năng phá hoại rất lớn mà ai trong cuộc sống cũng đều là nạn nhân.” [7]

Biểu hiện độc ác, thâm hiểm của giai cấp thống trị được thể hiện ở gia đình quan Lại bộ nói chung và ở tính cách nhân vật Hoạn Thư được thể hiện rõ trong các chi tiết Hoạn bà sai người đánh đòn Thúy Kiều. Dưới tay của Hoạn Bà, Thúy Kiều chỉ là phận con hầu, họ coi những con người như Kiều chỉ như *con ong, con kiến*:

*Con này chẳng phải thiện nhân,
Chẳng màu trốn chúa, thì quân lộn chồng.
Ra tuồng mèo mả, gà đồng,
Ra tuồng lúng túng, chẳng xong bề nào.
Đã đem mình bán cửa tao,
Lại còn khùng khỉnh làm cao thế này.
Nào là gia pháp nọ bay,
Hãy cho ba chục biết tay một lần.*

Dưới con mắt của Hoạn bà, mặc dù Thúy Kiều gởi thừa mọi điều nhưng vì thương con, vì không coi trọng lời nói của người khác và coi sự tồn tại của công lý như không nên Hoạn bà đã đi đến kết tội Thúy Kiều.

Đến Hoạn Thư, Nguyễn Du không để cho Hoạn Thư đánh đập Kiều về mặt thân xác nhưng không vì thế mà sự độc ác, thâm hiểm của nhân vật Hoạn Thư giảm đi.

Hoạn Thư thâm sâu hơn khi tra tấn đời sống tinh thần Kiều, đẩy Kiều đến bước *con ở, chúa nhà đôi nơi*, đẩy Kiều đến nỗi nhục, nỗi đau và sợ hãi tột cùng:

Rõ ràng thật lừa đôi ta,

Làm ra con ở chúa nhà đôi nơi.

Bề ngoài thon thót nói cười,

Mà trong nham hiểm giết người không đao.

Cách hành xử thể hiện con ghen trên đây của gia đình Lại bộ và Hoạn Thư, biểu hiện nào cũng nói đúng về bản chất giai cấp của giai cấp thống trị phong kiến. Đúng như Hoài Thanh đã nhận xét: *Những nhà chứa đĩ ghê tởm. Những ông quan kỳ quái, những bà quan tai ác, những con buôn ngu ngốc và hèn nhát, đó là những nét chính của xã hội trong Truyện Kiều. Thật là một xã hội mục nát đến tận xương. Cái điều Kiều gọi là vận mệnh, bằng số phận chính là cái xã hội bất lương ấy.* [26, tr.337]. Chính ở bản chất giai cấp thể hiện trong tính cách Hoạn Thư trong Truyện Kiều nên có nhiều nhà nghiên cứu đứng trên quan điểm giai cấp mà lên án và phê phán sự độc ác, tàn nhẫn của Hoạn Thư.

Tính chung luôn có quan hệ mật thiết với tính riêng, bởi suy đến cùng, tính cách chính là sự biểu hiện cái chung qua cái riêng. Xây tlin trong *Lao động nhà văn* đã từng nói: *Tính cách là sự phản ánh những mặt bản chất của hiện thực dưới hình thức cá tính hóa và độc đáo, là một nội dung phức hợp trong một hình thức đơn nhất.* Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du không chỉ xây dựng tính cách nhân vật Hoạn Thư đại diện cho bản chất giai cấp mà ông còn cấp cho Hoạn Thư tính cá biệt, tính cá thể làm cho Hoạn Thư không giống với bất cứ nhân vật nào, phân biệt rõ ràng với những tính cách khác về hình thể, tính tình, tâm lý, hành động. Đặc biệt, tính chất cá biệt của các trạng thái tâm lý của Hoạn Thư đã trở thành bản sắc cá nhân, nó như một *chứng minh thư tâm lý* riêng.

Cùng thuộc tầng lớp giai cấp thống trị nhưng Hoạn Thư và Hồ Tôn Hiến có cách hành xử khác nhau để bảo vệ tầng lớp giai cấp. Tính chất cá biệt về tâm lý mà Nguyễn

Du đã cấp cho Hoạn Thư đã làm cho nhân vật Hoạn Thư không thể trùng lặp với các nhân vật khác. Từ khi biết Thúc Sinh có thêm thiếp, không giống như những người phụ nữ khác *nổi trận lôi đình* thì Hoạn Thư im lặng, tự nói với mình, tự lập kế hoạch để lên mưu sách báo thù. Ngay cả đến cách mà Thị báo thù cũng mang một bản chất cá biệt. Diễn biến tâm lý phức tạp của Hoạn Thư được Nguyễn Du phân tích đầy đủ, trọn vẹn qua từng chi tiết.

Ngoài ra, ở tính cách nhân vật Hoạn Thư có sự nhất quán, logic trong toàn bộ cuộc đời, trong từng diễn biến tư tưởng, tình cảm hành động của tính cách theo những quy luật tất yếu của đời sống. Chính nhờ sự logic trong tính cách nhân vật Hoạn Thư mà Nguyễn Du đã xây dựng thành công nhân vật này, vừa thể hiện quy luật chung, vừa có những tính cách riêng. Ở Hoạn Thư không có mâu thuẫn giữa động cơ hành động với kết quả của hành động, không có mâu thuẫn giữa cảm tình của tác giả với khuynh hướng khách quan của hình tượng. Ở Hoạn Thư muốn làm cái gì là làm đúng như mục đích đặt ra, không có sự thay đổi, chuẩn theo một trật tự logic. Ta thấy Hoạn Thư có chủ đích, có định hướng thống nhất trong phát ngôn, xử sự và hành động. Về ngôn ngữ, Hoạn Thư luôn nói bằng ngôn ngữ có hai mục đích, một mặt với Thúc Sinh và Thúy Kiều phải *làm cho đầy đọa cát đầu chẳng lên mặt* khác phải làm cho Hoạn Thư *giữ lấy nền*. Thống nhất với phát ngôn ấy, thị xử sự và hành động theo đúng logic. Thị sẵn sàng *vả miệng bẻ răng* tôi tớ, thị *nói cười tỉnh say* như không có chuyện gì trước mặt cặp đôi Thúc - Kiều. Nhìn vào thái độ, hành động và lời nói của Hoạn Thư, người ta buộc phải đánh giá thị là một cô vợ cư xử đúng mực, yêu thương chồng, sẵn sàng làm tất cả để bảo vệ gia đình, làm tất cả để mang đến một cuộc sống hạnh phúc. Một hình mẫu phụ nữ lý tưởng.

2.3. Phiên tòa công lý và kết cục dành cho Hoạn Thư

2.3.1. Thúy Kiều thiết lập màn báo ân báo oán

Trải qua hết nạn nọ đến nạn kia, Kiều đã nếm đủ mọi điều cay đắng. Có lúc tưởng chừng như muốn buông xuôi trước số phận:

Biết thân chạy chẳng khỏi trời,

Cũng liều mặt phẫn cho rồi ngày xanh.

Trong khi Kiều tuyệt vọng thì Từ Hải xuất hiện. Kiều gặp Từ Hải, một bước ngoặt quan trọng đã mở ra trên hành trình số phận của cô gái tài sắc họ Vương. Người anh hùng đội trời đạp đất chẳng những cứu Kiều thoát khỏi chốn lầu xanh nhơ nhớp mà còn đưa nàng từ thân *phận con ong cái kiến* bước lên địa vị một phu nhân quyền quý, cao hơn nữa là địa vị của một quan tòa.

Đoạn Thúy Kiều báo ân báo oán miêu tả cảnh Kiều đền ơn đáp nghĩa những người đã cứu mang giúp đỡ mình trong cơn hoạn nạn, đồng thời trừng trị những kẻ bất nhân, tàn ác. Qua ngòi bút sắc sảo của Nguyễn Du, chúng ta thấy được tấm lòng nhân nghĩa vị tha của Kiều và ước mơ công lí của nhân dân ở *hiền gặp lành, ở ác gặp ác*.

Đúng với bản chất nhân hậu vốn có, Thúy Kiều nghĩ tới chuyện đền ơn trước rồi mới báo oán sau. Người được mời đầu tiên là Thúc Sinh: *Cho gươm mời đến Thúc Lang*. Trước cảnh uy nghiêm, gươm lớn giáo dài, chàng Thúc hoảng sợ đến mức *Mặt như chàm đổ mình dường dễ run*, mắt cả thần sắc, bước đi không vững. Hình ảnh tội nghiệp này hoàn toàn phù hợp với tính cách của Thúc Sinh, một con người tốt bụng, đa tình nhưng nhu nhược, dám yêu nhưng không đủ dũng cảm để bảo vệ người yêu. Lời nói của Kiều chứng tỏ nàng thực sự trân trọng hành động nghĩa hiệp mà Thúc Sinh đã dành cho nàng trong cơn hoạn nạn:

Nàng rằng: “Nghĩa nặng nghìn non,

Lâm Truy người cũ, chàng còn nhớ không?

*Sâm Thương chẳng vẹn chữ tòng,
Tại ai, há dám phụ lòng cố nhân? ...”*

Thúc Sinh chuộc Kiều ra khỏi lầu xanh, cứu nàng thoát khỏi cảnh đời ô nhục. Kiều đã có những tháng ngày tạm thời yên ổn trong cuộc sống chung với Thúc Sinh. Kiều gọi đó là *nghĩa nặng nghìn non*, Kiều không bao giờ quên. Kiều ân cần hỏi han Thúc Sinh để trấn an chàng. Hai chữ người cũ mang sắc thái thân mật, gần gũi, biểu hiện tấm lòng biết ơn chân thành của Thúy Kiều. Khi nói với Thúc Sinh, Kiều dùng ngôn ngữ trau chuốt và sử dụng cả những điển cố, điển tích trong văn chương. Cách nói ấy phù hợp với thư sinh họ Thúc và diễn tả được thái độ trân trọng của Kiều đối với chàng.

Trong khi trò chuyện với Thúc Sinh, Thúy Kiều đã động tới Hoạn Thư, bởi vết thương lòng mà Hoạn Thư gây ra làm cho Kiều không những chỉ đau đớn về thể xác mà còn đau đớn gấp bội về tinh thần.

2.3.2. Kết cục dành cho Hoạn Thư

Lúc Thúy Kiều nghĩ đến ân oán trên đời, và người bị oán đầu tiên là Hoạn Thư. Như vậy, trong bao nhiêu kẻ gây ra nỗi bất hạnh cho mình, Kiều tỏ ra ảm ức, căm ghét Hoạn Thư nhất. Qua ngôn ngữ nói với Thúc Sinh nàng cho hay:

*Vợ chàng quý quái tinh ma,
Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau!
Kiến bò miệng chén chưa lâu,
Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa!
Chưa xử mà đã chuẩn bị pháp trường tử hình tội phạm:
Dưới cờ, gươm tuốt nắp ra,
Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư.*

Với Hoạn Thư, Kiều dùng cách nói nôm na, bình dị nhưng chứa đựng sự hả hê khó giấu. Những thành ngữ quen thuộc như *kẻ cắp bà già, kiến bò miệng chén...*, rất hợp với sự thay bậc đổi ngôi giữa Thuý Kiều và Hoạn Thư. Hành động trừng phạt cái ác của Thuý Kiều theo đúng quan điểm công lí của nhân dân nên nó phải được diễn đạt bằng lời ăn tiếng nói của nhân dân. Mọi hành động, lời nói của Thuý Kiều đều biểu thị thái độ mỉa mai, chì chiết đối với Hoạn Thư. Vẫn một điều chào thưa, hai điều tiểu thư, vẫn dùng cách xưng hô như hồi còn làm Hoa Nô cho nhà họ Hoạn nhưng chính điều đó đã khiến Hoạn Thư giật mình sợ hãi nhớ tới những ngày đày đọa Kiều, gieo cho Kiều bao nhiêu tai họa.

*Thoắt trông nàng đã chào thưa,
Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây.
Đàn bà dễ có mấy tay,
Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan.*

Sự mỉa mai, đay nghiến của Kiều thể hiện khá rõ trong nhịp điệu thơ như dẫn ra từng tiếng, trong những từ ngữ được lặp đi lặp lại với mục đích nhấn mạnh: *dễ có, dễ dàng, mấy tay, mấy mặt, mấy gan, đời xưa, đời này, càng cay nghiệt lắm, càng oan trái nhiều...*

*Dễ dàng là thói hồng nhan.
Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều.*

Phải nói như thế mới xứng với Hoạn Thư, con người xảo trá và tàn độc: *Bề ngoài thơn thớt nói cười, Bên trong nham hiểm giết người không dao.* Giọng điệu ấy cho thấy Thuý Kiều quyết trừng trị Hoạn Thư cho hả giận:

*Kiến bò miệng chén chưa lâu,
Muru sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa.*

Về Hoạn Thư, thị *hồn lạc phách siêu*. Lúc này, Hoạn Thư rơi vào tình thế *ngàn cân treo sợi tóc*, không có thời gian để suy nghĩ cân nhắc, không có bố mẹ để bàn bạc

nhờ vả, có duy nhất người chồng ở cạnh thì *Mồ hôi chàng đã như mưa ướt đầm*. Và chính trong hoàn cảnh điển hình này, đã làm nổi bật tính cách điển hình ở Hoạn Thư. Bằng sự thông minh, trí tuệ nên chỉ trong tám câu thơ Hoạn Thư đã làm thay đổi được số phận của mình:

*Rằng: “Tôi chút phận đàn bà,
Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.
Nghĩ cho khi các viết kinh,
Vớ khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo.
Lòng riêng riêng những kính yêu,
Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.
Trót đà gây việc chồng gai,
Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng.*

Trong tám câu thơ này, Hoạn Thư đã thể hiện được: Thứ nhất, khẳng định mình *ghen tuông thì cũng người ta thường tình*. Cái mà Thúy Kiều gọi là *quỷ quái tình mà, kẻ cắp, cay nghiệt...* cũng là xuất phát từ chuyện ghen tuông thường tình của người đàn bà *ót nào mà ót chẳng cay - gái nào mà gái chẳng hay ghen chồng* mà ra. Hoạn Thư đã đưa câu chuyện ân oán của riêng mình thành câu chuyện thường tình, đặt mình và Kiều vào cùng một vị trí người phụ nữ trong cảnh chồng năm thê bảy thiếp. Ở điểm này, Hoạn Thư vừa biện hộ cho tội lỗi của mình, vừa tác động đến tâm lý *kiếp chồng chung* để nhận được sự đồng cảm của Kiều;

Thứ hai, thị nhắc lại chuyện khi cho Kiều ra các viết kinh không phải làm thân phận thị tì và không truy bắt khi Kiều bỏ trốn nhằm nhắc lại công trạng của mình đối với Thúy Kiều. Đây là đòn phản công hiểm ác nhất nhằm hạ uy thế quan tòa của Kiều. Một câu khiêm nhường: "nghĩ cho..." mà chẳng khác nào kim châm đau nhói vào tâm khảm của Kiều. Vì nó nhắc nhớ đến tháng ngày ở Quan Âm các với tâm trạng hoang mang lo sợ *miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này*, đặc biệt việc Kiều chạy trốn có mang theo chuông vàng khánh bạc làm lộ phí phòng thân mà không bị Hoạn Thư truy đuổi.

Cái ân mở đường phương tiện của Hoạn Thư đối với Thúy Kiều, đó là hiện thực. Công bằng mà xét, so với Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Bạc Hạnh..., Hoạn Thư hơn chúng là không đẩy Kiều tới bước đường cùng và không phải không có lúc ứng xử với Kiều một cách nhân từ. Ấy chẳng phải là sự vị tha của Hoạn Thư đối với Kiều sao? Kiều không thể quên ơn này ở Hoạn Thư;

Thứ ba, thị sử dụng hình thức chất vấn để giải nghĩa cho hành động của mình. Về bản chất, khi bị rơi vào cảnh chồng chung thì dễ *ai chiều cho ai*. Câu hỏi đó, nếu là Thúy Kiều nàng sẽ ứng xử như thế nào? Điều này buộc Thúy Kiều phải suy ngẫm;

Thứ tư, Hoạn Thư đã đánh đúng tâm lý của người Việt Nam *đánh kẻ chạy đi không đánh người chạy lại* để tác động đến quyết định của Kiều. Thị không chỉ biết nhận tội mà còn khen khéo Kiều để Kiều phải *Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen*. Một cách nói giảm nhẹ, khiến người nghe có cảm giác rằng cái sự đánh ghen có trù liệu kỹ càng, bài bản và cay độc trước đây của Hoạn Thư dành cho Thúy Kiều chỉ là đã quá tay ngoài chủ ý. Và cuối cùng, Hoạn Thư đánh vào tình cảm và sĩ diện của đối phương: *Còn nhờ lượng bề thương bài nào chẳng?* Câu nói chứa đựng sự tăng bốc, đề cao lòng nhân hậu của Kiều và xin xỏ; nhưng xin xỏ mà vẫn giữ được cái thể không van lơn, cái thể của một người làm chủ tình huống, mang theo bản chất của giai cấp quý tộc. Có thể nói, trong màn trả ân báo oán, Hoạn Thư đã bộc lộ sự khôn ngoan kiệt xuất trong vai trò tự bào chữa cho mình.

Chỉ qua tám câu thơ với tổng số 56 chữ mà Hoạn Thư thể hiện được tất cả. Điều này không chỉ khẳng định Hoạn Thư là một người sắc sảo, trí tuệ, lập luận chặt chẽ logic, mà còn cho thấy Hoạn Thư là người kín đáo chân thành, thái độ nghiêm túc, khiêm tốn. Không thể phủ nhận, đây chính là bản lĩnh, là trí tuệ, là nhân cách của Hoạn Thư. Thích Nhất Hạnh thật thấu đáo khi nhận xét về chi tiết này ở nhân vật Hoạn Thư: “Rất gọn và đủ. Ghen thì ghen ghê gớm mà nói thì cũng rất khéo. Và quý hơn hết là vẫn có vài hạt giống của lòng từ bi trong tâm”. [7]

Và một lần nữa, sự thông minh trong cách ứng xử của Hoạn Thư buộc Thúy Kiều phải thừa nhận mà khen rằng:

Khen cho: Thật đã nên rằng,

Khôn ngoan đến mực, nói năng phải lời.

Tha cho thì cũng may đời,

Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen

Đã lòng tri quá thời nên,

Truyền quân lệnh xuống, trướng tiền tha ngay.

Cuộc đấu lý quyết liệt giữa nàng Kiều và Hoạn Thư được mô tả vô cùng sinh động nói lên mối quan hệ vừa căm thù vừa đồng cảm giữa hai tính cách tiêu biểu cho hai thứ bản lĩnh riêng, nói lên cái hiện thực oái oăm phức tạp mà Nguyễn Du đã mô tả rất tài tình và sắc bén.

Phân tích nhân vật Hoạn Thư dưới giáo lý nhà Phật, Thích Nhất Hạnh chú ý đến cái “*hạt giống từ bi*” trong tâm của Hoạn Thư, chính cái lòng từ bi ấy đã cứu Hoạn Thư tại phiên tòa báo ân báo oán do Kiều thiết lập. Kiều tha bổng cho Hoạn Thư vì trước đây đã cho Kiều đi tu, thoát thân phận tội tở và khi Kiều bỏ trốn mà không truy bắt. Nếu không có hai việc đó thì Hoạn Thư không có được cái quả tốt khi Kiều báo ân báo oán: Kiều tha bổng cho một người đã từng làm cho mình đau khổ cùng cực. Đêm Hoạn Thư tổ chức tiệc rượu tầy trần đón Thúc Sinh trở về bắt Kiều hầu rượu là đêm đau khổ nhất của Kiều. Thúc Sinh và Thúy Kiều càng đau khổ bao nhiêu thì Hoạn Thư càng đã bấy nhiêu. Nhưng bây giờ chính Kiều ra lệnh tha cho Hoạn Thư. Chuyện này sở dĩ xảy ra một phần là nhờ Hoạn Thư khôn khéo và một phần khác cũng nhờ trong tâm bà ta có hạt giống từ bi. Ngày xưa bà đã làm được hai việc quan trọng. Một là cho Kiều đi tu để thoát khỏi thân phận đầy tở. Hai là để Kiều trốn mà không tầm nã. Nếu không có hai điều đó thì bây giờ chắc chết.” [7].

Trong bài *Chiêu tuyết cho nàng Hoạn Thư*, Hà Văn Thùy trên cơ sở phân tích đã đi đến những kết luận bảo vệ cho Hoạn Thư. Theo Hà Văn Thùy: “Trước hết, nàng là

người đàn bà thông minh. Phải là người thông minh tuyệt vời mới soạn thảo, đạo diễn và diễn xuất thành công một vở kịch đời lớn đến vậy. Thứ hai, Hoạn Thư là người có bản lĩnh siêu việt. Tuy là người ghen tuông ngoại hạng nhưng Hoạn Thư nén tình cảm lại, nén những bức tức thông thường lại để đạt mục đích cuối cùng. Chỉ người có bản lĩnh lớn mới hành xử được như nàng. Thứ ba, Hoạn Thư là người nhân hậu, có tấm lòng bao dung, thương người quý tài. Khi tình địch trong tay, nàng có trăm ngàn cách để trả thù, mà dịp thuận lợi nhất là khi Kiều trốn đi mang theo đồ thờ của Quan Âm các. Nếu là người ác độc, nàng có quyền cho bắt Kiều lại, với tang chứng rành rành, sẽ roi đòn cho tan xương nát thịt rồi *lầu xanh lại trả về phường lầu xanh*. Nhưng Hoạn thư không làm thế, một phần vì nể chồng, không muốn làm tổn thương chàng Thúc nhưng cũng một phần vì tâm nàng nhân hậu, không muốn đẩy con người *vì tài nên trọng, vì tình nên thương* đến chỗ tận diệt. Chính cái tâm nhân hậu này đã cứu nàng trong cuộc trả thù về sau.” [45]

Tâm của nhân vật Hoạn Thư là tâm của con người phạm trần, có những nét khác biệt so với tâm của bậc thánh nhân, quân tử trong văn học trung đại các thế kỷ trước. Nó không đoạn tuyệt với cuộc sống mà trái lại, là sản phẩm của cuộc sống, đầy sắc thái, phong phú, mâu thuẫn. Sự thay đổi mô hình con người lý tưởng từ chỗ là con người thánh nhân đến con người phạm trần là quy luật của tiến trình vận động văn học. Và nhân vật Hoạn Thư trong Truyện Kiều là điển hình cho mẫu hình nhân vật phạm trần. Hoạn Thư là sản phẩm của đời sống nên rất sinh động. Nguyễn Du đã đưa Hoạn Thư sống với cuộc sống đời thường với tất cả những gì vốn có của cuộc sống.

Như vậy, thật thiếu công bằng khi chỉ nhìn Hoạn Thư là nhân vật thâm độc, nham hiểm, tàn nhẫn, gian xảo. Bởi ở Hoạn Thư, bên cạnh những tính cách điển hình thuộc loại nhân vật phản diện còn có những đức tính đáng được gọi là tốt, dù xấu nhưng có điểm dừng, có tình cảm nhân bản, là nhân vật thông minh.

Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, kết cục Hoạn Thư được tha bổng không hoàn toàn phụ thuộc vào sự tự bào chữa của thị mà chủ yếu là do tấm lòng độ lượng của Kiều. Đoạn Thúy Kiều báo ân báo oán một lần nữa đã chứng minh tấm lòng vị tha, nhân hậu đáng quý của người con gái tài sắc họ Vương và cũng là của tác giả *Truyện Kiều*. Từ thân phận con người bị áp bức, đau khổ, Thúy Kiều đã trở thành vị quan toà thực hiện công lí. Đoạn thơ phản ánh khát vọng và ước mơ công lí chính nghĩa sẽ chiến thắng của nhân dân thời đại Nguyễn Du.

Theo sát tư tưởng nhân đạo của tác phẩm, Nguyễn Du đã để cho Thúy Kiều tha bổng cho Hoạn Thư trong màn báo ân báo oán. Đánh giá về chi tiết này, giáo sư người Trung Quốc - Đồng Văn Thành, trên cơ sở so sánh *Truyện Kiều* và *Kim Vân Kiều truyện* mà cho rằng việc Nguyễn Du để Thúy Kiều tha bổng cho Hoạn Thư là một bước thụt lùi so với nguyên tác. Ông cho Nguyễn Du là người của giai cấp quan lại phong kiến nên cải biên nhiều chỗ làm cho ý nghĩa của truyện bị lệch lạc, làm che lấp đi tính “*đấu tranh giai cấp*”... Giáo sư Đồng Văn Thành cho rằng cảnh được tả trong “*Kim Vân Kiều truyện* tuy có hơi tàn khốc nhưng thể hiện hành vi chính nghĩa của người nô lệ phản kháng, còn trong *Truyện Kiều*: nội dung đấu tranh giai cấp sống động này đã bị ngòi bút Nguyễn Du làm biến dạng, Nguyễn Du đã nhẹ nhàng bỏ qua không cho Thúy Kiều bắt mẹ Hoạn Thư đồng thời lại khoan dung, tha bổng Hoạn Thư...” và sở dĩ cải biên như thế là “*có sự đồng tình với những nhân vật thuộc giai cấp quý tộc là giai cấp xuất thân của mình. Nguyễn Du đã tìm mọi cách che đậy cho tội áp bức của giai cấp ấy, sửa chữa cuộc đấu tranh giai cấp nghiêm túc đó thành cuộc tranh chấp thuần túy giữa vợ cả vợ lẽ ghen tuông với nhau trong gia đình...*”. Cái điều mà giáo sư Đồng Văn Thành quan tâm là chỉ nghĩ đến vấn đề giai cấp mà quên mất tình người, khác hẳn với Nguyễn Du.

2.4. Sáng tạo của Nguyễn Du khi xây dựng nhân vật Hoạn Thư

Bằng các biện pháp nghệ thuật độc đáo, Nguyễn Du đã xây dựng một nhân vật Hoạn Thư khác hẳn so với nguyên tác. Từ một nhân vật đơn nhất và phản diện trong nguyên tác, bằng cách miêu tả con người nội tâm nhiều chiều và thêm, cắt bỏ, lược đi một số chi tiết, Nguyễn Du đã biến Hoạn Thư trở thành một nhân vật đa diện với một số phận bi kịch trong *Đoạn trường tân thanh*.

Để làm thay đổi tính cách của Hoạn Thư, trước hết Nguyễn Du đã làm thay đổi tính cách của Thúc Sinh. Sang đến *Đoạn trường tân thanh*, chàng Thúc không còn một chút chí khí nào như trong *Kim Vân Kiều truyện*. Một chàng Thúc có đôi lúc cương cường nhường chỗ cho một Thúc Sinh trí tuệ thấp kém, đôn hèn và bạc nhược. Vì vậy, Hoạn Thư trong *Đoạn trường tân thanh* trở nên bản lĩnh, thông minh, sắc sảo hơn rất nhiều so với Hoạn Thư trong nguyên tác. Việc lược bớt, đảo và thêm vào một số chi tiết cũng làm thay đổi tính cách của Hoạn Thư.

Đến *Đoạn trường tân thanh*, một Hoạn Thư nanh nọc và tàn ác đã được thay thế bởi một Hoạn Thư vị tha, độ lượng. Với việc lược đi một số tình tiết biểu hiện sự ghê gớm, tàn độc của Hoạn Thư, Nguyễn Du đã chứng tỏ ông rất đề cao tấm lòng liên tài, sự tri ngộ, biết cảm thông, chia sẻ ở nhân vật này. Đây là điều khác nhau cơ bản giữa Hoạn Thư trong *Đoạn trường tân thanh* và Hoạn Thư trong *Kim Vân Kiều truyện*.

Từ việc thay đổi tính cách của Hoạn Thư, Nguyễn Du đã làm thay đổi số phận của nhân vật này. Bước sang *Đoạn trường tân thanh*, Hoạn Thư đã trở thành một nhân vật bi kịch và để làm được điều này, Nguyễn Du đã thay đổi tính chất mối quan hệ giữa Hoạn Thư và Thúc Sinh, Hoạn Thư với Thúy Kiều như đã được trình bày ở trên.

Từ một nhân vật đơn điệu, độc ác trong *Kim Vân Kiều truyện*, sang *Đoạn trường tân thanh*, là một Hoạn Thư tinh táo, lí trí hơn song luôn giằng xé với những trăn trở, đớn đau. Ở Hoạn Thư luôn có sự tồn tại, đấu tranh của con người giai cấp và con người cá nhân. Càng thông minh bao nhiêu, càng sắc sảo bao nhiêu thì số phận của thị lại càng đắng cay và nghiệt ngã bấy nhiêu. Thị vừa là tội nhân, vừa là nạn nhân.

Cái ghen cay nghiệt đầy mưu mô thâm độc của Hoạn Thư mà Nguyễn Du xây dựng lên là một phương diện nội tâm mang tính bản năng của con người. Đây là một lập trường mới của Nguyễn Du khi xây dựng hình tượng nhân vật chân thực. Nguyễn Du đã khắc họa bức tranh tâm hồn con người tự nhiên, trần thế với mọi cung bậc, mọi sắc thái chứ không tô vẽ, cắt xén. Nhà nghiên cứu Trần Nho Thìn cho rằng: “Nhận thức về con người là một vấn đề có tính lịch sử. Nhận thức này đã diễn ra trong văn học trung đại như là một quá trình quan sát con người, lúc đầu từ góc độ “con người thần dân” như là đối tượng thuần túy của nhà chính trị, cuối cùng đi đến chỗ nhìn nhận con người như là một đối tượng của chủ nghĩa nhân bản, con người tự nó, con người nhìn từ bản thể luận. Nguyễn Du là trường hợp điển hình nhất cho chặng cuối, là người đánh dấu sự hoàn thiện của ý thức về con người nhân bản. [44, tr. 265]. Nguyễn Du xây dựng con người Hoạn Thư, không chỉ là thần dân, con người cần được quan tâm không chỉ về phương diện vật chất. Con người có thân xác, do đó có quyền sống về mặt thân xác; có trái tim, do đó có quyền được mong muốn, ước ao, được buồn vui, hi vọng hay đau khổ, có quyền sống riêng về tư tưởng. Chủ nghĩa nhân bản không chỉ lấy dân làm gốc mà còn quan đến con người với các phương diện bản thể luận, đến đời sống bản năng, đến một thế giới nội tâm phong phú. Thành công của Nguyễn Du là bắt nguồn từ chủ nghĩa nhân bản sâu sắc.

Với Hoạn Thư, Nguyễn Du thể hiện trước hết không phải quan niệm đạo đức lý tưởng như ở giai đoạn văn học trung đại cùng thời, cũng không phải sự đan xen giữa hiện thực và mơ ước như các nhân vật phụ nữ ở truyện Nôm tài tử giai nhân, mà đây là một hình tượng được xây dựng từ cái có thực của đời sống, từ *những điều trông thấy*, từ cuộc đời. Sử dụng ngôn ngữ đời thường để miêu tả, Nguyễn Du đã khám phá ra những mặt, những nét rất mâu thuẫn cùng tồn tại ở Hoạn Thư. Rất thông minh và có tình cảm nhân bản, Hoạn Thư đánh giá đúng tài - sắc của Thúy Kiều và tạo điều kiện để Kiều bỏ trốn, nhưng độc ác và đố kỵ, Hoạn Thư đã hành hạ tàn nhẫn người mà Hoạn Thư vốn tự bộc bạch *rằng tài nên trọng*. Thỏa mãn đến lộ liễu khi trả thù, nhưng từ

trong thâm tâm, lại lấy túi cực, bắt lực vì bị phụ bạc. Quyền uy nhưng khi cần thiết cũng tự hạ mình nói ra những điều khôn ngoan, ra điều phải trái để tự cứu lấy mình. Hoạn Thư thực sự là con người của đời thực với những biểu hiện đa dạng, phức tạp. Sự đánh giá của Nguyễn Du với nhân vật Hoạn Thư phản ánh những phẩm chất vốn có trong bản thân hình tượng, là một kiểu người sinh động, chân thực và thú vị trong hệ thống nhân vật phụ nữ thời trung đại. Tác giả đã khắc họa nên một tính cách, một con người không hề bị chi phối bởi quan niệm đạo đức truyền thống. Nếu như nói Nguyễn Du đã vượt lên quan niệm mỹ học truyền thống, để hướng tới hiện thực thì đây là nhân vật ông đã khắc họa theo tinh thần đó.

Hình ảnh con người cô độc là một nét mới của Truyện Kiều. Đây là một phạm trù nhân vật mới mà truyền thống không hề biết đến, bởi vì con người trong văn học cũ là con người của một cương vị xã hội và sống trong tập thể. Và Hoạn Thư là một nhân vật như thế, Thị sống với nội tâm của mình, cho nên khi giao tiếp với mọi người Thị vẫn tự tách mình ra, và thể hiện dục vọng quyền lực của mình. Đọc nhân vật Hoạn Thư như thế mới thấy hết sự sâu sắc của từng câu chữ.

Nhân vật phụ nữ trong văn học cùng thời luôn có những đặc điểm và phẩm chất tương đồng nhau, khó phân biệt, nhân vật chưa đạt tới “ cá tính ” mà mới chỉ dừng lại ở “ loại tính ”. Điều này do xuất phát từ một quan niệm thẩm mỹ truyền thống: cái đẹp là cái đạo đức, phản ánh một phương thức thể hiện con người, một kiểu tư duy nghệ thuật bắt nguồn từ truyền cổ dân gian.

Con người trong văn học trung đại, đặc biệt là người phụ nữ không được miêu tả nội tâm, ngoại hình, hành động, phẩm chất. Đến Truyện Kiều nhân vật đã được miêu tả nội tâm với những chuyển biến nội tâm phức tạp, có miêu tả ngoại hình và những phẩm chất cụ thể. Đó là một bước tiến mới trong quan niệm thẩm mỹ của văn học trung đại được thể hiện qua nghệ thuật xây dựng nhân vật phụ nữ, đặc biệt thành công khi Nguyễn Du xây dựng nhân vật Hoạn Thư.

CHƯƠNG 3: NGHỆ THUẬT XÂY DỰNG NHÂN VẬT

Để xây dựng thành công một nhân vật văn học, nhà văn phải có khả năng đồng cảm, phát hiện những đặc điểm bền vững ở nhân vật. Điều này đòi hỏi nhà văn phải hiểu đời và hiểu người. Nhưng có một điều không kém phần quan trọng là nhà văn phải miêu tả, khắc họa nhân vật ấy sao cho có sức thuyết phục đối với người đọc. Đây là những vấn đề liên quan trực tiếp đến nghệ thuật xây dựng nhân vật trong tác phẩm văn học.

Để nhân vật thể hiện toàn diện nhất vai trò trong tác phẩm, Nguyễn Du đã xây dựng các nhân vật bằng phương thức tổng hợp, có khi là miêu tả ngoại hình, có khi là sử dụng ngôn ngữ đối thoại, cũng có lúc thông qua ngôn ngữ độc thoại hay cũng có lúc sử dụng ngôn ngữ tự sự. Tất cả nhằm mang cho mỗi nhân vật một tính cách sinh động, nhiều màu sắc. Chính vì thế, có bao nhiêu nhân vật trong Truyện Kiều là có bấy nhiêu bức vẽ. Và nhiều khi chỉ một nhân vật lại có nhiều bức vẽ khác nhau, bổ sung cho nhau nhằm hoàn thiện tính cách. Vẽ chân dung nhân vật, đối với Nguyễn Du không chỉ thông qua sự quan sát, óc liên tưởng mà còn vẽ bằng cả tâm hồn và trái tim. Nhờ vậy, mỗi sắc màu, mỗi đường nét đều có giá trị ngữ nghĩa sâu sắc. Và đằng sau những bức vẽ, ta như thấy thấp thoáng số phận và cả một phần đời nhân vật được gửi gắm trong đó.

Nhằm tạo nên tính đa diện và chiều sâu tính cách nhân vật Hoạn Thư, Nguyễn Du đã sử dụng nghệ thuật xây dựng nhân vật tổng hợp, biện chứng giữa các yếu tố ngoại hình, nội tâm, hành động và sự kiện. Để nhân vật được hiện lên đầy đủ, toàn diện, Nguyễn Du đã miêu tả họ với cái nhìn nhiều chiều, có khi là miêu tả ngoại hình, có khi miêu tả nội tâm, có khi lại thông qua ngôn ngữ đối thoại, có khi thì thông qua ngôn ngữ tự sự. Đây là một tìm tòi mới trong phương pháp xây dựng nhân vật của Nguyễn Du như nhiều nhà nghiên cứu đã phân tích.

3.1. Nghệ thuật xây dựng ngôn ngữ nhân vật

Điểm sáng tạo của Nguyễn Du khi xây dựng ngôn ngữ nhân vật trong *Truyện Kiều* là *ngôn ngữ nhân vật có cú pháp riêng, có từ vựng riêng, không lặp lại ở một người nào khác. Đây là một điểm thực sự mới lạ, trước kia không có*". [28, tr.160]

Trên cơ sở đó, Nguyễn Du xây dựng lên một hệ thống nhân vật đặc biệt. Đối với nhân vật Hoạn Thư, Nguyễn Du đã vận dụng và kết hợp các cách thức sử dụng ngôn ngữ riêng. Nguyễn Du cấp cho Hoạn Thư sử dụng hai kiểu ngôn ngữ, ngôn ngữ độc thoại và ngôn ngữ đối thoại; sử dụng lời nói của nhân vật - nghệ thuật cá biệt hóa có thành phần ngôn ngữ của chủ nghĩa hiện thực; sử dụng ngôn ngữ ở cả hai kiểu quý tộc và bình dân; sử dụng loại ngôn ngữ hai mặt, hai mục đích một cách hết sức đặc sắc. Từ *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân, Nguyễn Du thêm một lời độc thoại ở chỗ này, bớt một lời độc thoại ở chỗ kia, chuyển đối thoại thành độc thoại, sửa đổi lại cách nói, nội dung lời nói đã tạo nên một Hoạn Thư hoàn toàn khác.

Không giống với ngôn ngữ sắc mùi *hôi tanh hơi đồng* của Mã Giám Sinh, ngôn ngữ của một kẻ *bạc tình nổi tiếng lâu xanh* của Sở Khanh, hay ngôn ngữ *tanh hôi* mùi tiền của gái làng chơi dày dạn Tú Bà... ngôn ngữ Hoạn Thư mang một sắc thái đặc trưng riêng. Xuất thân trong một gia đình quý tộc phong kiến, Hoạn Thư được giới thiệu là một người *ở vào khuôn phép, nói ra mỗi giường* nên ngôn ngữ của thị là ngôn ngữ của kẻ bề trên, luôn luôn làm chủ trong mọi tình thế. Ngay cả khi biết rõ chồng có thiếp nhưng nghe những kẻ ăn, người ở *mách trước* để tâng công, lập tức thị có những lời bênh vực chồng và *sẵn sàng vả miêng, bẻ răng* những kẻ *gây điều thị phi*. Đến ngay cả khi trong tình trạng *ngàn cân treo sợi tóc* trong màn báo ân báo oán mà Kiều thiết lập, Hoạn Thư một lần nữa chứng tỏ bản lĩnh, sự thông minh của mình trong việc lật ngược kết cục để nhận được sự tha bổng của Thúy Kiều.

Đặc biệt, sáng tạo của Nguyễn Du trong xây dựng ngôn ngữ nhân vật đã tạo ra những con người thực hơn những con người thực. Nhắc đến cái tên Sở Khanh là ta

ngĩ ngay đến một tên lưu manh lừa lọc. Nhắc đến cái tên Tú Bà là ta nghĩ ngay đến một bà chủ chứa chuyên nghiệp. Nhắc đến cái tên Mã Giám Sinh là ta nghĩ ngay đến một tên buôn người có cỡ. Và chỉ nghe đến cái tên Hoạn Thư là ta nghĩ ngay đến kiểu ghen độc đáo có một không hai. Sở Khanh, Tú Bà, Mã Giám Sinh, Hoạn Thưvốn là những danh từ riêng giờ đây lại trở thành những danh từ chung chỉ những hạng người trong xã hội. Phải là người có vốn sống phong phú, lượng ngôn từ đầy ắp, rất am hiểu nghệ thuật hội họa, Nguyễn Du mới phác họa được những bức chân dung đa dạng và có sức sống như vậy.

3.1.1. Phân tích nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại

Ngôn ngữ nhân vật tồn tại dưới hai hình thức: đối thoại và độc thoại. Đối thoại là hoạt động giao tiếp căn bản sử dụng hình thức nói năng giữa người này với người khác. Độc thoại là một dạng đặc biệt của ngôn ngữ nhân vật, là hình thức nói với chính mình.

Đối thoại là hoạt động giao tiếp. Độc thoại là hoạt động tư duy. Đó cũng chính là hai chức năng cơ bản của ngôn ngữ. Cùng một chất liệu ngôn ngữ cấu tạo nên, cùng vận hành dưới sự chỉ đạo của não bộ của cùng một chủ thể, đối thoại và độc thoại có mối quan hệ hết sức chặt chẽ. Mối quan hệ này thường biểu hiện ra dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng vô cùng do mối tương quan của lời nói ngoài và ý nghĩ thầm kín bên trong tạo nên, bị chi phối bởi nhiều yếu tố: tính cách người nói, hoàn cảnh xung quanh, tình cảm và mối quan hệ đối với đối tượng người nghe, người được nói tới... Có khi, suy nghĩ và lời nói thống nhất làm một: nhân vật nghĩ sao nói vậy. Trong trường hợp này, lời nói là sự phản ánh tâm tư, tình cảm, suy nghĩ, tính cách nhân vật. Nó chuyển tải một lượng thông tin lớn về con người trong tác phẩm. Có lúc, suy nghĩ và lời nói không phù hợp với nhau: nhân vật nghĩ nhiều nói ít, nghĩ ít nói nhiều, lời nói mâu thuẫn với ý nghĩ, lời nói được dùng để che đậy ý nghĩ... Và như vậy, muốn hiểu được nhân vật, không thể chỉ căn cứ vào ngôn ngữ bên ngoài mà còn phải đối chiếu với thái độ, hành động, phải thám hiểm thế giới tinh thần bên trong, phải suy luận cả những vấn đề đằng sau ngôn ngữ.

Ở Hoạn Thư, cái đặc sắc của ngôn ngữ nằm ở chỗ mâu thuẫn và thống nhất của ngôn ngữ độc thoại với ngôn ngữ đối thoại, có lúc thì nói thật, có khi thì nói dối, có trường hợp vừa dối vừa thật. Nói về ngôn ngữ đối thoại của Hoạn Thư, Nguyễn Lộc đã có nhận xét thật thấu đáo khi cho rằng: “Có thể nói tính chất không đặc điểm ấy (nghĩa là không bộc lộ tình cảm thật, ý nghĩ thật, nhiều tính chất lý trí trong ngôn ngữ) là Đặc điểm ngôn ngữ đối thoại của Hoạn Thư là tính chất “không đặc điểm” (nghĩa là không bộc lộ tình cảm thật, ý nghĩ thật, nhiều tính chất lý trí trong ngôn ngữ.” [23]

Tính đa sắc thái trong ngôn ngữ đã tạo nên một Hoạn Thư đa chiều, phức tạp, sinh động. Ngoài ra, Nguyễn Du không chỉ thông qua ngôn ngữ độc thoại và đối thoại của Hoạn Thư mà còn qua ngôn ngữ đối thoại và độc thoại của Thúy Kiều, ngôn ngữ tự sự để có cảm nhận trọn vẹn nhiều chiều về hình tượng thẩm mỹ.

Sử dụng ngôn ngữ độc thoại và đối thoại, Hoạn Thư hướng tới hai mục đích. Một mặt, với Thúc Sinh và Thúy Kiều, nó phải *làm cho đầy đọa cát đầu chẳng lên, làm cho đau đớn ê chề*, làm cho *biết tay*, làm cho *bõ ghét*. Nhưng mặt khác, phải giúp Hoạn Thư *giữ lấy nền* mà không *rước tiếng ghen vào mình*. Một ngôn ngữ nung nấu, chứa đựng ý định trả thù, hành hạ người khác một cách tàn ác. Một mặt khiến Thúy Kiều *tán hoán tê mê*, mặt khác khiến Thúc Sinh *như đại như ngậy*. Họ càng đau đớn, kinh sợ thì Hoạn Thư càng hài lòng, hả dạ. Lối trả thù của Hoạn Thư, xem ra *nhẹ như chì*, nhưng thực tế rất tinh vi, tàn nhẫn, hiểm ác. Cũng chính vì thế, khi nhìn vào lời nói, thái độ, hành động của Hoạn Thư, người ta chỉ có thể đánh giá thị là một người vợ cư xử đúng mực, yêu thương chồng.

Miêu tả nội tâm nhân vật, trình bày trạng thái tâm hồn của con người, trở thành yêu tố đặc biệt quan trọng để xây dựng tính cách nhân vật. Đồng thời, đây cũng là một thành tựu rực rỡ của hình thức nghệ thuật trong Truyện Kiều. Trên nền tảng tự sự, Nguyễn Du chú trọng khai thác con người tâm lý tồn tại ở các nhân vật. Chính vì vậy mà có những kết luận cho rằng Truyện Kiều là một bước phát triển hoàn chỉnh, thành

công của thể loại tiểu thuyết cổ điển Việt Nam vì đã biểu hiện trọn vẹn phương thức tồn tại (đời sống bên trong và đời sống bên ngoài) của con người. [17, tr.250]

Nguyễn Du chú trọng miêu tả nội tâm nhân vật khi họ ở vào những biến cố quan trọng trong cuộc đời, có tính chất bước ngoặt. Ở những thời điểm đó, Nguyễn Du để cho nhân vật tự nói với mình. Khi Thúy Kiều gặp phải biến cố, rơi vào lầu xanh lần thứ nhất, Nguyễn Du đã dùng ngôn ngữ nội tâm để cho Kiều thấm thía về cuộc đời mình, về sự biến động, thay đổi số phận mình.

Tính cách độc ác, thâm hiểm, cậy thế lực của Hoạn Thư chỉ thể hiện khi ngôn ngữ nội tâm bộc lộ. Với ngôn ngữ nội tâm được thể hiện đã cấp mã đọc cho người đón nhận nhìn thấy gương mặt nhiều sắc thái của thị. Theo đó, người đọc thấy được một Hoạn Thư *quỷ quái tinh ma, giết người không đao, cười nói tỉnh say*:

*Vì bằng thú thật cùng ta,
Cũng dung kẻ dưới mới là lượng trên.
Đại chi chẳng giữ lấy nền,
Hay chi mà rước tiếng ghen vào mình ?
Lại còn bùng bít giấu quanh,
Làm chi những thói trẻ ranh nực cười.
Tính rằng cách mặt khuất lời,
Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho.
Lo gì việc ấy mà lo!
Kiến trong miệng chén có bò đi đâu.*

*Làm cho nhìn chẳng được nhau,
Làm cho đây đọa cát đầu chẳng lên.
Làm cho trông thấy nhãn tiền,
Cho người thăm ván bản thuyền biết tay.*

.....Làm cho cho mệt cho mê,

Làm cho đau đớn ê chề cho coi.

Trước cho bỏ ghét những người,

Sau cho để một trò cười về sau.

Phải nghe cái ngôn ngữ nội tâm và lời tâm sự của Hoạn Thư khi tính toán kế hoạch trả thù Thúc Sinh - Thúy Kiều mới thấy hết cái đáng sợ của con người thuộc giai cấp thống trị phong kiến này.

Nhờ yếu tố ngôn ngữ độc thoại, Hoạn Thư hiện lên như một người trần tục với tất cả những suy tính, mưu mô, lo toan rất thực, rất đời thường, gần gũi với người đọc hơn. Đạt được điều đó chính là trình độ bậc thầy của Nguyễn Du trong việc khám phá thế giới nội tâm con người, đặc biệt là những người phụ nữ. Nguyễn Du đã thành công khi sử dụng loại ngôn ngữ độc thoại nội tâm để khám phá chiều sâu tư tưởng, tình cảm con người, hiểu được tâm trạng của Hoạn Thư khi biết chồng có thiếp và mưu mô nham hiểm, độc địa của Hoạn Thư.

Ngôn ngữ độc thoại nội tâm đã giúp các nhân vật Truyện Kiều tự kéo mở bức màn bí mật, bộc lộ những sâu kín của mưu mô, hoặc sự phong phú, giàu có của tâm hồn. Nó trở thành tiếng nói của muôn vàn tâm trạng trong muôn ngàn cảnh ngộ, đặc biệt là những tâm trạng tiêu biểu trong thực tế xã hội và đời sống tinh thần của con người, những khía cạnh nhân bản của đạo đức, tình cảm.

3.1.2. Khắc họa tính cách nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại

Ngôn ngữ đối thoại có vai trò hết sức quan trọng đối với việc khắc họa tính cách nhân vật Hoạn Thư, ở những trích đoạn khác nhau Nguyễn Du đã xây dựng nên một Hoạn Thư nhiều sắc thái, có khi là thâm hiểm, gian xảo, có khi là thông minh, trí tuệ.

Ở trích đoạn Thuý Kiều báo ân, báo oán ngôn ngữ đối thoại của Hoạn Thư được thể hiện rõ ràng hơn cả. Kiều được Từ Hải - người anh hùng cứu ra khỏi lầu xanh, giúp nàng báo ân, trả oán. Đưa nàng từ thân phận của một kỹ nữ chốn lầu xanh như bản lên thân phận của một mệnh phụ phu nhân, bước lên địa vị một quan tòa cầm cán cân công lý. Trong phiên tòa nàng cho gọi những người đã từng có ân, có oán với nàng đến.

Người đầu tiên được Kiều mời đến là Thúc Sinh, thấy hình ảnh tội nghiệp của Thúc Sinh nàng đã cất lên tiếng hàm ơn:

Nàng rằng: Nghĩa nặng nghìn non,

Lâm Truy người cũ chàng còn nhớ không?

Sâm Thương chẳng vẹn chữ tòng,

Tại ai há dám phụ lòng cố nhân?.

Thuý Kiều cũng nói với Thúc Sinh rằng: Kẻ gây ra sự chia cách giữa hai người không phải do chàng mà là do vợ chàng. Nói với Thúc Sinh về Hoạn Thư, Kiều không sao nguôi được sự oán giận với những khổ đau mà Hoạn Thư đã gây ra cho nàng, vết thương đó còn đang quá xót xa trong lòng nàng:

Vợ chàng quý quái tinh ma,

Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau.

Kiến bò miệng chén chưa lâu,

Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa.

Sau khi trả ơn Thúc Sinh, bà quản gia nhà họ Hoạn và sư Giác Duyên, Thuý Kiều mới bước vào cuộc báo thù:

Dưới cờ gương tuốt nắp ra,

Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư.

Thúy Kiều thoát trông thấy Hoạn Thư đã cất tiếng chào mỉa mai: *Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây!* Kiều dùng cách xưng hô như hồi còn làm hoa nô cho nhà họ Hoạn trong hoàn cảnh thứ bậc đã đổi ngôi. Tiếp theo lời chào mỉa mai là những lời mắng nhiếc, xỉ vả:

Đàn bà dễ có mấy tay,

Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan!

Dễ dàng là thói hồng nhan,

Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều.

Trước những lời nói mỉa mai, đay nghiến đó của Kiều, Hoạn Thư đã xử trí ra sao? Lúc đầu, *Hoạn Thư hôn lặc phách xiêu*, nhưng sau đó *Hoạn Thư đã liệu điều kêu ca*. Tất cả kinh nghiệm sống thực tế của giai cấp, sự thông minh và trí tuệ sắc bén, biết cúi đầu nhận lỗi và xin tha thứ của Hoạn Thư được bộc lộ qua ngôn ngữ đối thoại. Chỉ tám câu thơ lục bát với 56 chữ, Hoạn Thư đã giải cứu được mình. Thế mới biết, ngôn ngữ đối thoại mà Nguyễn Du cấp cho Hoạn Thư đắt giá như thế nào. Như nhà nguyên cứu Đặng Thanh Lê nhận xét: “Chỉ với 8 câu thơ mà Hoạn Thư rào trước, đón sau, tình riêng, lý chung, tội mình, lượng người... đưa ra đầy đủ thứ lớp phân minh. Đúng là “Nói Xây dựng cho ngôn ngữ tự biện của Hoạn Thư có đủ lý lẽ đầy sức thuyết phục trong việc tự cứu mạng mình mà không cần sự viện trợ của Thúc Sinh vin vào tình nghĩa xưa, Nguyễn Du đã mài sắc tính cách Hoạn Thư qua một câu *nói điều ràng buộc thì tay cũng già!*” [17, tr.400]

Như vậy, với màn báo ân báo oán ta thấy được những sáng tạo của ngòi bút thiên tài Nguyễn Du. Cảnh pháp trường thời trung cổ được miêu tả ước lệ mà không kém

phần uy nghiêm. Lời thoại rất gọn mà sắc đã làm nổi bật tâm lý, tính cách nhân vật Thúc Sinh lạnh mà nhát sợ; Hoạn Thư thì khôn ngoan, sắc sảo; Kiều rất trung hậu, cao thượng, bao dung.

Qua lời nói (đối thoại) của nhân vật mà Nguyễn Du xây dựng ở Hoạn Thư bộc lộ tâm lý, tính cách rõ nét. Thao tác *cá biệt hóa* đã được Nguyễn Du thực hiện rất thành công, và đó là dấu hiệu vượt thời đại của một thiên tài. Khảo sát lời nhân vật Hoạn Thư chúng ta sẽ thấy một số luận điểm rất mới, có giá trị kích thích sự suy nghĩ và đối thoại của người đọc. Qua lời nói, nhân vật Hoạn Thư giúp ta biết được tâm lý, giáo dục, thân phận, giai cấp, nghề nghiệp, động cơ, những khuyết điểm và những ưu điểm.

Tính cách của Hoạn Thư không chỉ bộc lộ tính giai cấp, sự xảo trá, mưu mô, mà còn ở những phương tiện ngôn từ mà thị sử dụng. Nguyễn Du đã đạt trình độ rất cao trong việc cá biệt hóa lời nhân vật, mặc dù ông phải sáng tạo trong khuôn khổ hết sức gò bó, ngặt nghèo.

Ngôn ngữ nhân vật Truyện Kiều luôn hợp tình, hợp lý, đúng lúc, đúng chỗ, đúng mực, thể hiện tính cách nhân vật tập trung và sắc nét. Nguyễn Du cấp cho Hoạn Thư sử dụng ngôn ngữ để bộc lộ tính cách nhân vật chứ không phải tùy tiện, thế nào cũng được, mà rõ ràng tác giả có dụng ý vận dụng nó như một phương tiện. Nguyễn Du không thoát ly truyền thống nhưng Nguyễn Du đã sáng tạo rất nhiều trên cơ sở truyền thống ấy. Xây dựng ngôn ngữ nhân vật Hoạn Thư với những lời nói có màu sắc khác nhau, Nguyễn Du đã tạo cho tác phẩm của mình một sự đa thanh, giàu giọng điệu. Qua ngôn ngữ nhân vật ta thấy được quan điểm sáng tác và quan niệm mỹ học của nhà thơ. Ngôn ngữ nhân vật trong Truyện Kiều là một bước phát triển cao so với các truyện Nôm đương thời. Ngôn ngữ nhân vật góp phần không nhỏ cho sự thành công lớn của Truyện Kiều, một kiệt tác nghệ thuật của văn học Việt Nam.

Trong cấu trúc nhân vật Truyện Kiều, thế giới bên trong chiếm ưu thế so với biểu hiện hành động bên ngoài, gương mặt bên trong cụ thể hơn gương mặt bên ngoài. Lời

nói bên trong (độc thoại nội tâm, ngôn ngữ trực tiếp) chân thật và sinh động hơn lời đối đáp bên ngoài. Cảnh và vật bên ngoài có xu hướng nội tâm hoá, đối thoại bên ngoài có xu hướng độc thoại hoá... Đó chính là cái mới, là bước phát triển thực sự của tư duy nghệ thuật trong văn học trung đại Việt Nam.

Đối thoại và độc thoại đã đem lại cho *Truyện Kiều* một sự thể hiện phong phú và giữ vai trò vô cùng quan trọng trong việc khắc họa tính cách và đời sống nội tâm của nhân vật. Đồng thời, đem lại cho hình tượng nhân vật những khái quát nghệ thuật đầy tính triết lý về thân phận con người, về những biến cải trong cuộc đời... Qua ngôn ngữ nhân vật và những hình tượng nhân vật được xây dựng nên, ta thấy được quan điểm sáng tác và quan niệm mỹ học của nhà thơ.

3.2. Ngôn ngữ người kể chuyện

Truyện Kiều là truyện thơ, vậy nên sự tồn tại người kể chuyện là một cách tân độc đáo của Nguyễn Du so với các sáng tác văn học cùng thời và nguyên tác. Mặc dù *Kim Vân Kiều truyện* được viết theo lối tiểu thuyết chương hồi nhưng Thanh Tâm Tài Nhân chưa có ý thức xây dựng hình tượng người kể chuyện như một thủ pháp nghệ thuật mà chỉ dừng lại ở người dẫn chuyện, tuân theo dòng mạch bên ngoài cốt truyện, chưa thể hiện thái độ với nhân vật, sự kiện, chưa có cá tính và chưa có ngôn ngữ riêng. Ở *Kim Vân Kiều truyện* có hai nhân vật dẫn chuyện, một là người tên Kim Thánh Thán thường xuất hiện ở đầu mỗi chương, hai là người dẫn dắt câu chuyện theo kiểu đơn thuần. Hai người kể chuyện này về cơ bản là độc lập với nhau, cả hai người kể chỉ thực hiện một chức năng duy nhất là kể việc, kể chuyện, đứng ngoài câu chuyện, không thể hiện quan điểm, tư tưởng, thái độ trước các sự kiện, biến cố xảy ra trong cuộc đời nhân vật. Đến *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, người kể chuyện đã có những chức năng nhiệm vụ nhất định. Đó là người kể chuyện nghệ thuật, mà qua đó ta có thể thấy được thế giới quan, lý tưởng thẩm mỹ, thái độ của tác giả thông qua các hình thức kể chuyện khác nhau. Người kể chuyện trong *Truyện Kiều* được thể hiện dưới dạng người kể chuyện là tác giả và người kể chuyện là nhân vật.

3.2.1. Người kể chuyện là tác giả

Khi tác giả giữ vai trò là người kể chuyện, đa phần đảm nhận việc dẫn chuyện, vậy nên ngôn ngữ của người kể chuyện là ngôn ngữ tác giả. Tuy nhiên, không giống người dẫn chuyện một cách vô hồn như người kể chuyện trong *Kim Vân Kiều truyện*, Nguyễn Du đặt mình vào vị trí của từng nhân vật để kể và nhìn nhận sự việc, vì thế ngôn ngữ của tác giả chứa các yếu tố tình cảm, xúc cảm và thái độ. Ông vui, buồn, yêu, ghét theo biến cố của nhân vật, đặc biệt là nhân vật trung tâm Thúy Kiều. Ông theo sau từng biến cố của nhân vật mà bộc lộ tâm lòng của mình. Chính vì thế mà ngôn ngữ tác giả đã đóng vai trò quan trọng trong việc lý giải, phân tích tâm lý và khắc họa sâu sắc bản chất nhân vật.

Nhà nghiên cứu Hoài Thanh đã nhận xét thật chính xác khi nói rằng trong *Truyện Kiều* có những đoạn được coi như *màn kịch tâm lý*. *Màn kịch tâm lý* ấy gồm ba nhân vật Hoạn Thư, Thúc Sinh và Thúy Kiều. Đoạn mà Hoài Thanh gọi là *màn kịch tâm lý* chỉ chiếm tám mươi câu thơ nhưng đầy tính kịch, ba nhân vật được mổ xẻ một cách cụ thể, tinh tế qua ngôn ngữ tác giả. Trong suốt cả 24 câu đầu, Thúc Sinh, Hoạn Thư, Thúy Kiều không ai nói một lời nào nhưng tâm trạng mỗi người được khắc họa hết sức rõ nét.

Hãy quan sát sắc diện của Thúy Kiều khi được Hoạn Thư gọi ra hầu rượu, từ dáng đi ngại ngùng của phận con hầu, từ tâm trạng kinh ngạc, bàng hoàng, đến sững sờ khi nhận ra Thúc Sinh là chồng Hoạn Thư, lại là người chủ của mình. Kiều đã nhận ra một sự thực khủng khiếp đang đè nặng lên hoàn cảnh, nhận ra dã tâm, sự nham hiểm của Hoạn Thư, người đàn bà đang cầm trong tay vận mệnh bản thân nàng. Đó là ý nghĩ của Thúy Kiều nhưng lại được Nguyễn Du diễn tả bằng chính ngôn ngữ tác giả. Nỗi niềm bi đát nhất, nỗi cay cực nhất của Thúy Kiều lúc này như hằn lên, sôi sục trong từng câu thơ Nguyễn Du. Trái tim nàng đang nhức nhối, nổi lòng đang ê chề vì tủi hổ nhưng vẻ ngoài vẫn phải phục tùng.

*Bước ra một bước một ngừng
Trông xa, nàng đã tỏ chừng nẻo xa:
Phải rằng nắng quáng, đèn lò
Rõ ràng ngôi đó chẳng là Thúc sinh?
Bấy giờ, tình mới tỏ tình
Thôi thôi đã mắc vào vành, chẳng sai!
Chước đâu, có chước lạ đời!
Người đâu mà lại có người tinh ma!
Rõ ràng thật lừa đôi ta
Làm cho con ở, chúa nhà đôi nơi!
Bề ngoài thơn thớt nói cười
Mà trong nham hiểm, giết người không đao
Bây giờ đất thấp trời cao
Ăn làm sao, nói làm sao bây giờ?
Càng trông mặt, càng ngán ngờ
Ruột tằm đòi đoạn như tơ rối bời
Sợ uy dám chẳng vâng lời
Cúi đầu nép xuống sân mai một chiều.*

Sau đó, đến Thúc Sinh. Thúc Sinh hoảng hốt, đau đớn. Thế rồi Thúc Sinh tự tìm hiểu lý do và trả lời lý do đó:

*Sinh đà phách lạc, hồn xiêu:
Thương ôi! Chẳng phải nàng Kiều ở đây?
Nhân làm sao đến thế này?*

Thôi thôi ta đã mắc tay ai rồi!

Sợ quen dám hở ra lời

Khôn ngăn giọt ngọc, sứt sùi nhỏ sa

Trong suốt đoạn mở đầu của cuộc chám trán bi kịch giữa Thúy Kiều và Thúc Sinh do Hoạn Thư sắp đặt chỉ có im lặng, không có bất cứ nhân vật nào lên tiếng. Nhưng đây chính là đoạn thể hiện rõ nhất những xung đột bão tố trong tâm hồn của Thúy Kiều và Thúc Sinh. Xét trong trường đoạn của màn kịch Hoạn Thư sắp đặt này duy chỉ có 11 câu đối thoại, trong đó Hoạn Thư nói 9 câu, Thúc Sinh nói 2 câu. Còn lại là ngôn ngữ tác giả. Hơn $\frac{3}{4}$ (69 câu) số lượng của trường đoạn là ngôn ngữ tác giả. Ngôn ngữ tác giả đóng vai trò chủ đạo, ngôn ngữ ấy đã cấp mã cho ta thấy được sự đau đớn, khiếp sợ, ê chề của cặp đôi Thúc - Kiều, sự sung sướng, thỏa mãn lòng ghen quý tộc của Hoạn Thư. Ngôn ngữ tác giả như rung lên nỗi đau cùng nhân vật Thúy Kiều, nỗi niềm căm ghét với nhân vật Hoạn Thư. Tất cả những nỗi đau mà Thúy Kiều gặp phải ở đây, thông qua ngôn ngữ tác giả một lần nữa Nguyễn Du làm nổi bật lên đặc điểm thâm hiểm, sâu sắc của tính cách nhân vật Hoạn Thư.

Cũng nhờ ngôn ngữ của tác giả, ta mới có thể đi sâu vào cái logic chủ quan của sự diễn biến nội tâm phù hợp với cái logic khách quan quy định bởi tình huống, địa vị xã hội, và quá trình xây dựng khách quan nhân vật như một thể tổng hòa những quan hệ xã hội. Có thể thấy đặc điểm ngôn ngữ tác giả, cái mới của *Truyện Kiều* so với truyện Nôm khác là vận dụng ngôn ngữ tác giả để bộc lộ thái độ nhằm phân biệt nhân vật và phân tích tâm lý nhân vật. Vì vậy, hình tượng nhân vật *Truyện Kiều* có giá trị khái quát và chiều sâu tâm lý, mang sắc thái riêng biệt.

Nguyễn Du luôn đặt mình vào vị thế của nhân vật để kể chuyện nên ngôn ngữ của người kể chuyện cũng rất chân thật và sinh động. Đối với nhân vật chính Thúy Kiều, ông theo sát những biến cố trong cuộc đời nhân vật. Khi Kiều có những niềm vui,

giọng kể của ông vì thế cũng hân hoan: *Tình trong như đã, mặt ngoài còn e*. Khi Kiều đau đớn, giọng kể của ông vì thế cũng trầm trở, bần khoản:

Một mình nương ngọn đèn khuya

Áo dầm giọt lệ tóc se mái đầu

Khi Thúy Kiều chia tay Thúc Sinh, lời kể của nhà thơ đầy nhung nhớ:

Người về chiếc bóng năm canh,

Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.

Vàng trăng ai xẻ làm đôi,

Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.

Nguyễn Du đã thể hiện ngôn ngữ trữ tình hiệu quả trước các vấn đề, sự kiện xung quanh nhân vật chính. Ở đây ta thấy một tấm lòng chan chứa yêu thương những phẩm chất tốt đẹp của con người, một sự cảm phần đến tột cùng những thế lực chà đạp lên nhân phẩm và quyền sống của con người, một tiếng kêu vì tình yêu và công lý... Tất cả những điều này được thể hiện ở tất cả các cung bậc, các mức độ khác nhau trong ngôn ngữ tác giả.

3.2.2. Nhân vật tự kể chuyện mình

Truyện Kiều thuộc thể loại trữ tình, nên đôi khi người kể chuyện lại là nhân vật. Nhân vật tự kể chuyện mình sẽ góp phần tạo nên sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình. Các nhân vật tham gia kể chuyện mình chủ yếu là các nhân vật có cá tính, có giọng kể riêng, có cách kể riêng như Thúy Kiều, Hoạn Thư... Suốt 15 năm lưu lạc, cuộc đời Thúy Kiều phần lớn là bi kịch. Kiều kể chuyện mình trước hết để bày tỏ với chính mình. Đây là lời của Kiều sau khi thắp hương cho Đạm Tiên và gặp Kim Trọng sau khi trở về nhà:

Người mà đến thế thì thôi,

Đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi.

*Người đâu gặp gỡ làm chi,
Trăm năm có biết duyên gì hay không?
Đây là tâm trạng lúc bỏ trốn cùng Sở Khanh:
Cũng liều nhắm mắt đưa chân,
Mà xem con tạo xoay vần đến đâu.*

Ngoài ra, Kiều tự kể chuyện mình cho người khác nghe. Ngôn ngữ kể chuyện của Kiều đồng nhất với ngôn ngữ kể chuyện của người vô hình. Đây cũng là một biểu hiện của sự linh hoạt, sáng tạo trong cách kể của Nguyễn Du. Nguyễn Du đã để cho người kể chuyện vô hình kể theo giọng điệu của Kiều. Kiều kể chuyện cho Từ Hải nghe, việc kể chuyện mở ra cơ hội cứu vớt số phận của chính Kiều:

*Trong quân có lúc vui vầy,
Thong dong mới kể sự ngày hàn vi:
Khi Vô Tích khi Lâm Truy,
Nơi thì lừa đảo nơi thì xót thương.
Tám thân rày đã nhẹ nhàng,
Chút còn ân oán đôi đường chưa xong.*

Khi gặp lại người thân trong gia đình sau 15 năm lưu lạc, Kiều kể lại:

*Khóc than mình kể sự mình đầu đuôi
Từ con lưu lạc quê người
Bèo trôi sóng vỗ chốc mười lăm năm
Tính rằng sông nước cát lằm
Kiếp này ai lại còn cầm dấp đây.*

Trong *Truyện Kiều*, Hoạn Thư là một nhân vật đặc sắc khác bên cạnh nhân vật Thúy Kiều. Hoạn Thư kể chuyện mình với mẹ là Hoạn Bà để thể hiện bản chất của gia đình quý tộc phong kiến, biết trước sau, kính trọng người trên:

Thưa nhà huyền hết mọi tình,

Nỗi chàng ở bạc, nỗi mình chịu đen.

Ngoài ra, Hoạn Thư còn tự kể chuyện mình để suy ngẫm và toan tính kế hoạch báo thù. Nguyễn Du đã để người kể chuyện vô hình thuật lại tâm trạng và suy nghĩ của Hoạn Thư, Hoạn Thư tự bộc bạch với chính mình. Nhờ hình thức nhân vật tự kể chuyện mình, một mặt Nguyễn Du đã để nhân vật lên kế hoạch, thực hiện một mình, một mình mình biết, một mình mình hay, tất cả đều trong bí mật để thực hiện báo thù chồng; mặt khác cho ta thấy được sự sâu sắc của tính cách nhân vật Hoạn Thư.

Làm cho nhìn chẳng được nhau,

Làm cho đày đọa cát đầu chẳng lên.

Làm cho trông thấy nhãn tiên,

Cho người thăm ván bán thuyền biết tay.

Các hình thức người kể chuyện trong *Truyện Kiều* như đã trình bày trên đây đã tạo nên một bước ngoặt quan trọng, góp phần thúc đẩy truyện Nôm từ phạm trù văn học truyền miệng sang phạm trù văn học có tác giả, có tính sáng tạo. Đây là những sáng tạo độc đáo của Nguyễn Du mà các tác giả cùng thời chưa có được, ông đã tiến đến gần các lý thuyết về người kể chuyện trong văn học hiện đại. Ngôn ngữ tác giả đã góp phần bộc lộ thái độ riêng, cách đánh giá riêng đối với nhân vật hoặc sự kiện được kể, thể hiện được cái nhìn nhiều chiều, đa nghĩa về nhân vật, tránh được cái nhìn một chiều, đơn nghĩa. Ngôn ngữ tác giả một mặt phản ánh được sự phong phú, phức tạp của hiện thực, đặc biệt đối với những nhân vật phức tạp như Thúy Kiều, Hoạn Thư, mặt khác thể hiện được quan điểm thẩm mỹ và giá trị tư tưởng của tác giả. Nhân vật tự kể

chuyện mình với hai hình thức kể chuyện cho người khác nghe và kể chuyện với chính mình đã tạo nên một lối kể đa chủ thể góp phần làm tăng sự sinh động, hấp dẫn và đa dạng của truyện.

3.3. Kể chuyện từ nhiều điểm nhìn

Khác với các truyện cổ tích, truyện diễn nghĩa và các truyện Nôm khác, các sự kiện thường được nhắc đến một lần với cái nhìn một chiều. Ở *Truyện Kiều* là cái nhìn nghệ thuật nhiều chiều đối với các hiện tượng đời sống được miêu tả ở hệ thống nhân vật. Đối với từng nhân vật, Nguyễn Du thường đưa ra cách đánh giá chủ quan của ông, qua cách dùng từ ngữ để mô tả nhân vật, qua lời ăn tiếng nói của nhân vật để bộc lộ chủ quan về chính mình. Nhưng ông còn cấp cho cái nhìn khách quan từ cái nhìn nhiều chiều, cách đánh giá của các nhân vật khác. Trong công trình *Thi pháp Truyện Kiều*, trên cơ sở phân tích cái nhìn nghệ thuật nhiều chiều trong *Truyện Kiều*, Trần Đình Sử đã đi đến khẳng định rằng: “Đặc sắc trong *Truyện Kiều* là ở chỗ đã bố trí sao cho phần lớn các sự kiện trong đời Kiều được nhìn nhận và bình luận từ các góc độ khác nhau” [37, tr.170]

Đối với nhân vật Thúy Kiều, xét về tài sắc và trí tuệ có tới 12 nhân vật đánh giá về Kiều. Mà cả 12 nhân vật đều khen ngợi tài sắc, trí tuệ của Kiều. Mỗi nhân vật, tùy theo mối quan hệ với Thúy Kiều mà có những nhìn nhận đánh giá ở những góc độ khác nhau. Kim Trọng nhìn Thúy Kiều như một người yêu. Mã Giám Sinh nhìn Kiều như một món hàng để mà cân đo đong đếm:

Đắn đo cân sắc, cân tài

Ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ.

...Mặn nồng một vẻ một ưa,

Bằng lòng khách mới tùy cơ dặt dìu

...Mừng thăm: Cờ đã đến tay,

Càng nhìn vẻ ngọc, càng say khúc vàng.

Ông thầy bói nhìn Kiều để báo trước tương lai *hồng nhan bạc mệnh*

Anh hoa phát tiết ra ngoài,

Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa!

Đến ngay cả kẻ thù của Thúy Kiều, Hoạn Thư cũng đưa ra cái nhìn khen ngợi đối với nàng. Lần thứ nhất trong nhà họ Hoạn, khi Kiều dâng tờ trình, Hoạn Thư đã nói với Thúc Sinh:

Rằng: "Tài nên trọng mà tình nên thương

Ví chẳng có số giàu sang,

Giá này dầu đúc nhà vàng cũng nên.

Bể trần chìm nổi thuyền quyên..

Lần thứ hai tại Quan âm các, Hoạn Thư cũng nói về Kiều với Thúc Sinh:

Khen rằng bút pháp đã tinh,

So vào với thiếp lan đình nào thua.

Tiếc thay lưu lạc giang hồ,

Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài.

Nguyễn Du còn để cho kẻ tình địch của Kiều đánh giá nàng thêm một lần nữa: Mạn báo ân báo oán. Lần này, Hoạn Thư lâm vào thế yếu, nhưng những câu thơ sau đây của Hoạn Thư nói về Kiều trước mặt nàng, theo logic chắc không hoàn toàn là giả dối:

*Rằng: 'Tôi chút phận đàn bà,
Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.
Nghĩ cho khi các viết kinh,
Vớ khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo.
Lòng riêng, riêng những kính yêu.*

Hoạn Thư tự nói rằng thực lòng có kính yêu Kiều thì đúng là có thể hơi quá, song trong đó cũng có một phần sự thật: sự coi trọng phẩm chất Thúy Kiều, tâm thế *biết mình biết người...* nhưng *chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai....*

Trên đây là minh họa cho cái nhìn nhiều của các nhân vật khác đưa ra đánh giá, thể hiện thái độ đối với nhân vật chính - Thúy Kiều.

Đối với nhân vật Hồ Tôn Hiến, dựa theo quan điểm địa vị xã hội, Nguyễn Du trong vai trò người kể chuyện đã giới thiệu:

*Có quan tổng đốc trọng thần,
Là Hồ Tôn Hiến kinh luân gồm tài.
Đẩy xe vâng chỉ đặc sai,
Tiện nghi bất tiểu việc ngoài đồng ruộng.*

Tiếp theo là cái nhìn từ việc làm tráo trở:

Lễ nghi dàn trước, bác đồng phục sau

Cái nhìn phát hiện của người kể chuyện:

Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình

Và cái nhìn của nhân vật về bản thân mình:

Phải tuông trăng gió hay sao

Mỗi nhân cách của một nhân vật được xác định trọn vẹn qua các phương diện địa vị, quan hệ xã hội, những việc cụ thể của nhân vật, dư luận về nhân vật và nhân vật đánh giá về mình. Và qua những cái nhìn nhiều chiều này mà nhân vật Hồ Tôn Hiến hiện lên đầy đủ các sắc thái khác nhau.

Đối với nhân vật Hoạn Thư, cái nhìn đa chiều từ các nhân vật khác, từ người kể chuyện đã thể hiện rõ nhất hai đặc điểm tính cách tồn tại mâu thuẫn và thống nhất trong con người thị. Vì thế mà một Hoạn Thư thâm độc, nham hiểm, tàn nhẫn, gian xảo và một Hoạn Thư thông minh, biết điểm dừng, có tình cảm nhân bản được thể hiện trọn vẹn.

Đối với Nguyễn Du, trước hết cái nhìn của ông còn nhiều *vị nể* đối với nhân vật này:

Ăn ở thì nét cũng hay,

Nói điều ràng buộc, thì tay cũng già.

Hoạn Thư là một trong những nguyên nhân gây lên cuộc đời bất hạnh của Thúy Kiều, chính vì vậy cái nhìn của Thúy Kiều đối với Hoạn Thư được Nguyễn Du xây dựng đặc biệt hơn. Cũng giống như Hoạn Thư, phải khen kẻ thù của mình là kẻ tài hoa, thì mặc dù Thúy Kiều rất căm ghét Hoạn Thư nhưng vẫn đưa ra cái nhìn khách quan, đánh giá đúng mực về bản chất con người Hoạn Thư. Một mặt, Thúy Kiều đánh giá cao về khôn phép và sự thông minh của Hoạn Thư, mặt khác Kiều cũng đánh giá cao sự giả hoạt, mưu mô, độc ác, nham hiểm của Hoạn Thư.

Ngay sau khi kết duyên cùng Thúc Sinh, Kiều đã nắm được tâm lý và đánh giá đúng về bản chất giai cấp của Hoạn Thư. Thậm chí khi đã xác lập địa vị từ con ở thành thẩm phán của quan tòa, Thúy Kiều phải khen Hoạn Thư rằng:

Khen cho thật đã nên rằng:

Khôn ngoan đến mức, nói năng phải lời.

Đề cao con người thông minh của Hoạn Thư nên khi bị rơi vào bi kịch *con ở, chúa nhà đôi nơi* trong cuộc chạm chán giữa Kiều và Thúc Sinh, Thúy Kiều phải thốt lên những lời:

Chước đâu có chước lạ đời?

Người đâu mà lại có người tình ma?

Rõ ràng thật lúta đôi ta,

Làm ra con ở, chúa nhà, đôi nơi!

Bề ngoài thon thót nói cười,

Mà trong nham hiểm, giết người không đao.

Hay:

Bây giờ mới rõ tấm hơi,

Máu ghen, đâu có lạ đời nhà ghen!

Chước đâu rẽ thúy, chia uyên!

Ai ra đường ấy, ai nhìn được ai?

Bây giờ một vực, một trời,

Hết điều kính trọng, hết lời thị phi!

Nhẹ như bác, nặng như chì,

Gỡ cho ra nữa, còn gì là duyên?

Hay đến cả khi bắt quả tang Thúy Kiều và Thúc Sinh tình tự với nhau ở Quan Âm các mà Hoạn Thư vẫn *Chào mời vui vẻ, nói năng dịu dàng*:

Đàn bà thế ấy, thấy âu một người

Ấy mới gan, ấy mới tài,

Nghĩ càng thêm nổi sorn gai rụng rời!

*Người đâu sâu sắc nước đời!
Mà chàng Thúc phải ra người bó tay!
Thực tang bất được đường này,
Máu ghen, ai cũng chau mày nghiêng răng.
Thế mà im chẳng đãi dàng,
Chào mời vui vẻ, nói năng dịu dàng!
Giận dầu ra dạ thế thường,
Cười này mới thực khôn lường hiểm sâu.*

Cái nhìn kín đáo, thấu hiểu của người quản gia sinh sống lâu năm trong gia đình quan Lại bộ đã gián tiếp có cái nhìn về bản chất giai cấp của gia chủ để cho thấy Hoạn Thư là một người sống kín đáo, *sâu sắc nước đời* khi khuyên Thúy Kiều:

*Ở đây tai vách, mạch dòng,
Thấy ai người cũ, cũng đừng nhìn chi,
Kéo chi sấm sét bất kỳ,
Con ong, cái kiến, kêu gì được oan!*

Mô tả, đánh giá về một sự kiện, một nhân vật xuất phát từ nhiều điểm nhìn khác nhau là một thủ pháp được dùng nhiều trong *Truyện Kiều*. Nó giúp tác phẩm này sâu hơn, nhiều chiều hơn và nhiều âm vang hơn. Riêng về phương diện xây dựng nhân vật, thủ pháp nghệ thuật này đã giúp cho một số nhân vật như Thúy Kiều, Hoạn Thư, Hồ Tôn Hiến... trong *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân vốn chủ yếu là đơn nghĩa, là con người đạo đức thì khi đi vào *Truyện Kiều* đã thành những nhân vật đa nghĩa, là con người tâm lí.

Như vậy, sự cách tân to lớn của Nguyễn Du là đã kể lại câu chuyện từ nhiều chủ thể có cá tính. Mỗi chủ thể có một cách nhìn riêng, cách kể riêng, không trùng với cách

nhìn cách kể của người kể chuyện vô hình, điều này đã tạo ra cách kể từ nhiều điểm nhìn độc lập. Cách kể theo nhiều điểm nhìn của nhiều nhân vật về cùng một hiện tượng hoặc về một nhân vật khác đã thể hiện nhiều cách đánh giá về một hiện tượng, nhân vật được kể. Từ đó, người đọc qua cái nhìn nhiều chiều, cách đánh giá có thể chia sẻ với một cách đánh giá của một chủ thể kể chuyện nào đó. Nhiều cách đánh giá đã tạo điều kiện thuận lợi cho cái nhìn nhiều chiều về sự kiện và nhân vật, giúp người đọc hiểu sâu hơn bản chất nhân vật và sự kiện. “Cái nhìn nghệ thuật nhiều chiều lại là một ưu điểm, nó cho phép thể hiện thực tại trong tất cả các mâu thuẫn, trong tính chất đa thanh, phức điệu của nó. Và đây là một đặc sắc quan trọng trong cảm quan hiện thực của Nguyễn Du, làm cho Truyện Kiều trở thành một tiểu thuyết. Tiểu thuyết theo quan niệm của M.Bakhtin là một tồn tại phi quan phương, không ăn nhập với các thể loại quan phương. Trong điều kiện của Nguyễn Du thì tính quan phương đã bị làm cho phai nhạt. Nếu so với truyện của Thanh Tâm tài nhân thì tính quan phương của Truyện Kiều mờ nhạt nhất. Truyện Kiều khác hẳn các tác phẩm khuyến thiện, giáo huấn, là những tác phẩm nổi bật với cái nhìn một chiều. Ở đó mọi sự miêu tả và đánh giá đều phù hợp nhau, tất cả đều rõ ràng, minh bạch. Cái nhìn nhiều chiều đã phá thế độc tôn của quan niệm phong kiến chính thống, mở đường cho quan điểm thực tiễn đi vào sáng tác. Nó làm cho tính tư tưởng của tác phẩm không phải thể hiện qua một số lời thuyết lý, mà là toát ra từ tình huống như F.Ăngghen đã nói: đồng thời đòi hỏi ở người đọc một thái độ chủ động, sáng tạo trong cảm thụ.” [37, tr.174]

KẾT LUẬN

Vấn đề người phụ nữ trong Truyện Kiều nói chung và nữ nhân vật Hoạn Thư nói riêng là một vấn đề không mới, nhưng là vấn đề phức tạp, còn nhiều ý kiến chưa thống nhất. Muốn giải quyết thấu đáo vấn đề này cần có một phương pháp luận khoa học và phù hợp. Cần phải thấy rằng, lao động nghệ thuật là một quá trình công phu và đầy sáng tạo, với cái nhìn sắc sảo, khách quan về cuộc sống, Nguyễn Du đã xây dựng được những nét tính cách đa dạng, hoàn chỉnh và rõ nét. Nhân vật trong *Truyện Kiều* là nhân vật của cuộc đời hiểu theo ý nghĩa xã hội sâu sắc, đúng đắn. Đó không phải là những con người *nhất thành bất biến* đơn giản một chiều chịu sự chi phối của một quan niệm chủ quan, mà là những con người đòi thường với những cung bậc cảm xúc chân thật, có đời sống nội tâm phong phú, đa chiều và sống động.

Trong quan niệm về con người, Nguyễn Du đặc biệt chú ý tới người phụ nữ. Chính ở đó, quan niệm của ông chứa đựng những nét đặc sắc nhất. Đồng thời, sắc thái tư duy Việt trong tư tưởng Nguyễn Du về con người cũng bộc lộ rõ nhất khi ông thể hiện các quan niệm này. Trước Nguyễn Du, trong văn học Việt Nam nói chung, trong quan niệm về con người nói riêng luôn đặt trọng tâm sự chú ý của xã hội vào người quân tử, vào người làm quan, người có học vấn, bậc Nho sĩ. Theo quan niệm của họ, chỉ nam giới mới được coi trọng, được đánh giá là có tài hay không có tài; cái tài chỉ được thể hiện qua con đường duy nhất là văn chương, thơ phú, cử nghiệp. Nhưng tới Nguyễn Du, người phụ nữ đã trở thành đối tượng trung tâm của văn học và được xem xét từ góc độ bản thể luận, đề cao nhu cầu tình cảm, tâm lý, khát vọng sống của người phụ nữ. Sự thay đổi trong văn học được bắt nguồn từ sự thay đổi trong quan niệm nghệ thuật về con người. Do vậy, đi sâu khám phá quan niệm nghệ thuật về con người trong văn học trung đại Việt Nam là giúp nắm được sự thay đổi, cách tân và vận động của cả một giai đoạn, một thời kì văn học trung đại, đồng thời nêu bật được sức hấp dẫn của thời kì văn học này cũng như khẳng định những giá trị không lỗi thời của nó về sau.

Truyện Kiều là tác phẩm xuất sắc nhất của hệ thống các truyện thơ Nôm cũng như thơ ca Việt Nam trung đại. Ở thiên truyện này, Nguyễn Du đã xây dựng được nhiều hình tượng nhân vật người phụ nữ điển hình với tất cả chiều sâu tính cách, nghệ thuật miêu tả ngoại hình, tâm lý, số phận phong phú khác nhau. Tựu chung, các nhân vật nữ đã phản ánh được các khía cạnh nội dung tư tưởng và tính triết lý sâu sắc như tư tưởng định mệnh về người phụ nữ, quan niệm Nho giáo và sự chi phối đến người phụ nữ, sự tác động của hoàn cảnh hiện thực và nghệ thuật điển hình hóa các nhân vật phụ nữ, lời cảm thương, tiếng nói trữ tình ngoại đề và nhận thức của tác giả Nguyễn Du về người phụ nữ... Tất cả những điều đó đã làm nên giá trị nghệ thuật và giá trị nhân đạo sâu sắc của Truyện Kiều và khẳng định sức sáng tạo mang tính thời đại của đại thi hào Nguyễn Du.

Qua nhân vật Hoạn Thư, cái mới trong quan niệm con người của Nguyễn Du so với văn học dân gian và văn học viết đã được làm nổi bật. Đó là hình tượng nhân vật đa chiều, phong phú chứ không đơn tuyến một chiều, xấu tốt phân định như giai đoạn văn học trước. Đó là hình tượng con người đòi thường với những cung bậc cảm xúc chân thật, có điểm xấu và có nhân tốt. Vẻ đẹp của nhân vật Hoạn Thư chính là sự chuyển biến nội tâm hướng tới những giá trị thẩm mỹ cao đẹp hơn. Từ một điểm nhìn trần thuật mới, Hoạn Thư từ một con người đạo lý, một nhân vật hành động đã trở thành nhân vật tâm trạng với đời sống nội tâm phong phú, đa dạng. Đó là một Hoạn Thư tinh táo, lí trí song luôn giằng xé với những trần trở, đôn đau. Ở Hoạn Thư luôn có sự tồn tại, đấu tranh của con người giai cấp và con người cá nhân. Càng thông minh bao nhiêu, càng sắc sảo bao nhiêu thì số phận lại càng đắng cay và nghiệt ngã bấy nhiêu. Thị vừa là tội nhân khi đẩy Kiều vào bi kịch, vừa là nạn nhân của chế độ đa thê trong xã hội phong kiến.

Chúng tôi xin mượn câu nói của nhà nghiên cứu Đông Hồ để đi đến kết luận nhìn nhận đánh giá về vai trò của nhân vật Hoạn Thư trong Truyện Kiều: “Nếu không có Hoạn Thư thì *Đoạn trường tân thanh* sẽ sứt đi hết nửa phần giá trị. Ông khẳng định

Hoạn Thư là một nhân vật lạ lùng kì tuyệt phi thường và ví phỏng không có vai trò của Hoạn Thư thì quyển Truyện Kiều là một câu chuyện nhạt quá.

Mặc dù hết sức cố gắng để nhìn nhận vấn đề ở các bình diện khác nhau, song chúng tôi không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế khi tìm hiểu và giải quyết vấn đề. Những vấn đề mà Nguyễn Du thể hiện trong Truyện Kiều vẫn là những đề tài hấp dẫn luôn nhận được sự quan tâm của các thế hệ nghiên cứu, tìm hiểu. Riêng vấn đề quan niệm về người phụ nữ của Nguyễn Du qua nhân vật Hoạn Thư trong Truyện Kiều về điểm này, điểm khác còn tồn đọng những ý kiến trái chiều, chưa thống nhất. Vì thế, chúng tôi rất hy vọng sẽ nhận được những ý kiến đóng góp khoa học để luận văn được hoàn thiện hơn, đặc sắc hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1987), *Từ điển Truyện Kiều*, (Tái bản), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Nguyễn Khắc Bảo (2004), *Tìm đến nguyên tác Truyện Kiều*, Nxb Văn hoá dân tộc.
3. Lê Nguyên Cẩn (2011), *Tiếp cận Truyện Kiều từ góc nhìn văn hoá*, Nxb Thông tin và Truyền thông.
4. Nguyễn Du (1999), *Truyện Kiều*, Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim hiệu khảo, Nxb Thanh niên.
5. Đỗ Đức Dục (1989) *Về chủ nghĩa hiện thực thời đại Nguyễn Du*, Nxb Văn học.
6. Vũ Hạnh (1966), *Đọc lại Truyện Kiều*, Nxb Văn nghệ TP.HCM.
7. Thích Nhất Hạnh, *Thả một bè lau - Truyện Kiều dưới cái nhìn Thiền quán*, <http://thuvienhoasen.org/a13982/tha-mot-be-lau-nhat-hanh>, 04.1.2012
8. Nguyễn Văn Hoàn (2009), “Trương Tửu và việc nghiên cứu Truyện Kiều”, *Tạp chí Khoa học Xã hội* (số 4).
9. Đông Hồ (1965), “Năm ba điều nghĩ về Truyện Kiều”, *Văn hóa nguyệt san* (số 10&11).
10. Đông Hồ, “Một điểm phật tính trong Truyện Kiều”, <http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=13131&rb=08>, 14.5.2008.
11. Trần Đình Hượu (1990), *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb Giáo dục.
12. Lê Đình Ky (1970), *Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực của Nguyễn Du*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Nguyễn Bách Khoa (1953), *Văn chương Truyện Kiều*, in lần thứ ba, Thế giới xuất bản, Hà Nội.
14. Nguyễn Bách Khoa (1946), *Nguyễn Du và Truyện Kiều*, Hàn Thuyên xuất bản.

15. Thụy Khuê, *Nguyễn Du và Nguyễn Công Trứ qua cái nhìn duy vật biện chứng của Trương Tưu* - Thụy Khuê, http://www1.rfi.fr/actuvi/articles/106/article_1386.asp, 25.10/2008.
16. Nguyễn Lai (1998), *Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học* / Nxb Giáo dục.
17. Đặng Thanh Lê (1979), *Truyện Kiều và thể loại truyện Nôm*, Nxb Khoa học xã hội.
18. Lê Xuân Lít (2010), *Hai trăm năm nghiên cứu bàn luận Truyện Kiều*, Nxb Giáo dục.
19. Vũ Đình Long (1923), *Nhân vật Truyện Kiều*, Nam phong, số 68.
20. Nguyễn Lộc (1965), “Ngôn ngữ nhân vật trong Truyện Kiều”, *Tạp chí văn học*, (số 11).
21. Nguyễn Lộc (1999), *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ 18 hết thế kỷ 19*, tái bản lần thứ 3, nxb giáo dục, Hà Nội.
22. Nguyễn Lộc (1990), *Nguyễn Du con người và cuộc đời*, Nxb Đà Nẵng.
23. Nguyễn Lộc, *Ngôn ngữ nhân vật trong Truyện Kiều*, http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com_content&view=article&id=5400%3Angon-ng-nhan-vt-trong-truyen-kiu&catid=63%3Avn-hc-vit-nam&Itemid=106&lang=vi, 01.5.2015.
24. Phương Lưu - Trần Đình Sử - Nguyễn Xuân Nam - Lê Ngọc Trà - La Khắc Hòa - Thành Thế Thái Bình (2004), *Lý luận văn học*, Nxb Giáo dục.
25. Đặng Thai Mai (2002), *Đặc sắc của văn học cổ điển Việt Nam qua nội dung Truyện Kiều*, tập san Đại học sư phạm Hà Nội, số 3, tháng 8-9-10-1955, in lại trong *Đặng Thai Mai, Trên đường nghiên cứu và giảng dạy tác phẩm văn chương*, Nxb Giáo dục.
26. Lê Thị Hồng Minh (2015), *Sức mạnh của ngôn từ : Ngôn ngữ nhân vật qua Truyện Kiều & các truyện thơ Nôm bác học khác*, Nxb. Trẻ. Tp. Hồ Chí Minh

27. Thanh Tâm Tài Nhân (1999), *Kim Vân Kiều truyện* (Nguyễn Đức Vân, Nguyễn Khắc Hạnh dịch), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
28. Phan Ngọc (2001), *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*, tái bản, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
29. Phan Ngọc (1985), *Phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*, Nxb Giáo Dục.
30. Phạm Đan Quế (1991), *Truyện Kiều đối chiếu*, Nxb. Hà Nội.
31. Phạm Đan Quế (2000), *Truyện Kiều và các nhà nho thế kỷ 19*, Nxb Văn Học, Hà Nội.
32. Phạm Đan Quế (2001), *Tìm hiểu điển tích truyện Kiều*, Nxb Văn học.
33. Nguyễn Tử Quang (2003), *Điển tích truyện Kiều*, Nxb Văn hoá Thông tin.
34. Nhiều tác giả (1996), *Về con người cá nhân trong văn học cổ Việt Nam*, Tái bản, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
35. Nhiều tác giả (2005), *Truyện Kiều và lời bình*, Nxb. Hội Nhà văn.
36. Dương Anh Sơn (2006), *Ảnh hưởng tư tưởng đạo phật trong Đoạn trường tân thanh*, Nxb Văn hóa thông tin.
37. Trần Đình Sử (2002), *Thi pháp Truyện Kiều*, Nxb Giáo Dục.
38. Trần Đình Sử (2014), *Tuyển tập nghiên cứu văn học*, Nxb Hội nhà văn.
39. Nguyễn Quảng Tuân (1990), *Chủ nghĩa truyện Kiều*, Nxb Khoa học xã hội.
40. Hoàng Tuệ (1984), *Cuộc sống ở trong ngôn ngữ*, Nxb Tác phẩm mới.
41. Trương Tửu (1957), *Truyện Kiều và thời đại Nguyễn Du*, Nxb Xây dựng, Hà Nội.
42. Hoài Thanh (1998), *Quyền sống của con người trong Truyện Kiều của Nguyễn Du*, in lại trong *Nguyễn Du về tác giả tác phẩm*, Nxb Giáo dục.
43. Trần Nho Thìn (2012), *Văn học Việt Nam từ thế kỷ 10 đến hết thế kỷ 19*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

44. Trần Nho Thìn (2007), *Truyện Kiều : Khảo- chú- bình*, Nxb Giáo dục.
45. Trần Nho Thìn (2009), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hoá*, Nxb Giáo dục.
46. Hà Văn Thùy, *Chiêu tuyệt cho nàng Hoạn Thư*
<http://www.vanchuongviet.org/index.php?comp=tacpham&action=detail&id=7876>
, 24.4.2008.
47. Vũ Đình Trác (1993), *Triết lý nhân bản Nguyễn Du*, Orange, Caliphornia.
48. Trịnh Bá Đĩnh, Nguyễn Hữu Sơn, Vũ Thanh (1999), *Nguyễn Du về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục.
49. Xtâylin (2006) *Lao động nhà văn*, Hoài Lam, Hoài Ly Nxb Nhà văn, Hà Nội.
50. Trần Ngọc Vương (1999), *Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
51. Trần Ngọc Vương (1998), *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
52. Huyền Ý (2008), *Truyện Kiều qua cái nhìn của người học Phật*, Nxb Tổng hợp HCM.